

Nguyễn Minh Châu

Cửa Sông



Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 1

Hồi còn đi học, không bao giờ Thùy nghĩ sau này mình trở thành một cô giáo.

Thùy học hết lớp mười liền nộp đơn xin thi vào trường Trung cấp Lâm nghiệp. Thế lệ quy định những học sinh đã qua lớp mười được miễn thi. Đến ngày khai giảng các lớp trung cấp, Thùy mới biết người ta xếp cô sang sư phạm. Lý do rất dễ hiểu, những ngành như địa chất, hàng hải, khai thác rừng... nghĩa là những ngành có nhiều gian khổ nhưng hứa hẹn trước những miền đất xa lạ và kỳ thú, học sinh trung học - cái lớp người đầy mơ ước và hăm hở - chen chúc nhau như vào đám hội. Trong lúc đó, nghề dạy học chẳng được mấy người ngó tới. Tất nhiên Sở Giáo dục người ta phải điều chỉnh lại. Thế là Thùy đành bỏ cái mộng trở thành một cô gái gầy rừng để chuẩn bị bước vào nghề "gỗ đầu trẻ".

Một buổi sớm, chúng ta thấy xuất hiện ở cửa phòng thầy hiệu trưởng trường cấp hai xã Kiều Sơn một người con gái có thân hình mảnh dẻ, tất cả sức mạnh dường như thu lại trong đôi mắt to và đôi dải tóc tết giản dị, cũng rất to bông thông phía sau lưng. Thầy hiệu trưởng, một ông giáo cao tuổi đã dạy cấp một từ ngày kháng chiến ngược cặp kính lên nhìn khuôn mặt bờ ngờ của người con gái đứng khép nép trước bàn, cùng chiếc huy hiệu Đoàn ghim ngay ngắn trên khuôn ngực bé nhỏ của cô:

- Em ở bên công trường muối sang, em muốn xin vào học ư?

Xem giấy tờ xong, ông ta vội vã đứng dậy nắm lấy cả hai bàn tay mỏng mảnh của cô gái mới đến và xin lỗi rồi rút.

Từ buổi đó, Thùy trở thành một cô giáo, phụ trách dạy các môn sử và địa lý ở các lớp sáu và bảy.

Cô đã dạy được hơn ba năm.

Bây giờ giá được phép chọn một nghề khác, chắc chắn Thùy sẽ không chịu rời khỏi cái mái trường lợp lá này để làm một công việc khác, dù cho đây là cái ngành mà những năm trước cô hằng ước ao đến phát ghen với những người bạn.

Trường cấp hai Kiều Sơn gồm bảy gian nhà lợp rạ và tường trét đất, năm ngoảnh mặt ra bờ sông. Đây là một con sông lớn có tên trong bài địa lý các sông ngòi miền Bắc. Từ phía trước trường học, đứng bất kỳ chỗ nào cũng có thể trông thấy cửa sông Kiều với những vẻ khác nhau của nó. Về mùa đông, con sông thu mình lại dưới vòm hẹp của bầu trời màu xám chì. Nhưng đến mùa hè, trong mùa nước sa, cửa sông Kiều hiện ra sau những rặng phi lao với màu đỏ lộng lẫy như son mài. Con nước sa từ các nguồn đổ về, nâng mặt sông lên cao và kéo cái vạch nước ra tít tận hai bên bờ cỏ, mặt nước hơi lùm lên. Con sông như đến ngày hồi sinh, không bao giờ ngớt tiếng sóng xô ào ạt vào bờ. Biển ngoài xa cũng nhuộm chất bùn đỏ phù sa. Trong những ngày ấy, tiếng sóng biển sao mà gần gũi và xoáy sâu, tưởng như tiếng dội từng nhịp thở của con người.

Mùa hè đã qua. Ngoài rừng phi lao, đàn ve đá kêu inh ỏi suốt ngày đêm đã im tiếng.

Nhà trường chuẩn bị khai giảng. Lớp học đã được sửa sang lại. Những cánh cửa mở tung, tranh ảnh, khẩu hiệu mới dán trên các mặt tường. Các gian phòng trong mấy tháng hè anh em dân quân xã dùng làm trụ sở đã được quét dọn và kê lại bàn ghế. Ngoài sân, các học sinh đang xoay trần ra đào hào tránh máy bay.

Theo chỉ thị của trên, giờ học sẽ chuyển về ban đêm. Ở đây tuy xa các đường giao thông lớn nhưng thuộc về vùng biển, thỉnh thoảng máy bay địch đảo vào nhòm ngó. Chúng bay một hoặc hai chiếc, từ trên đầu những ngọn sóng bạc bất ngờ nhô lên vút qua bãi phi lao, đánh vèo một cái chúng đã quay ra và mất hút ngoài biển. Trước đây một tuần, chúng nó đã thả hai quả bom xuống khu đồng muối ở gần xã.

Buổi sớm hôm khai giảng, Thùy thức dậy rất sớm. Cũng như hồi còn là một cô bé cắp sách đi học, ngày khai trường bao giờ cũng gọi cho Thùy những cảm xúc đẹp đẽ và trong trẻo. Cô cẩn thận kiểm tra lại sổ sách, các bài giảng, rồi ngó vào các dây bàn học còn để trống. Cô sực nhớ những kỳ khai trường năm ngoái, năm kia và suốt quãng đời học sinh của mình. Trong cái ngày trang trọng ấy, biết bao cảm xúc quen thuộc từ những kỷ niệm cũ được gọi lên, nhưng lại xen lẫn một cái gì rất bờ ngỡ và mới mẻ.

Trời vừa tối, lớp học đã lên đèn. Trong các lớp, học sinh đã đến đông đủ và đang nói chuyện rất ồn ào. Mỗi người mang theo một chiếc đèn xách tay đặt trước bàn. Thùy gọi tên các học sinh và đưa mắt nhìn những khuôn mặt, những trang giấy trắng tinh mở ra dưới ánh đèn. Ánh đèn dầu lù mù chỉ vừa đủ soi một mảng ánh sáng trên trang vở, và chiếu hắt lên gần năm chục khuôn mặt trẻ măng, cũng có vẻ trang nghiêm khác thường, đang ngược lên nhìn cô giáo và chờ đợi.

Thùy đứng trước tấm bảng đen, quyển sách cầm trong tay, thỉnh thoảng cô lại ngó nhìn ra ngoài sân trường. Trong mấy tháng hè, Thùy đã làm quen với những buổi đào hào, những đêm cùng các chị em dân quân khoác súng đi tuần ngoài bãi cát, nhưng cô không khỏi bờ ngỡ trước khung cảnh buổi học mới. Trước mắt Thùy, hiện lên những đoàn xe kéo pháo, những con đường xuyên rừng mở ra dưới ánh đuốc, và từng hàng bộ đội hùng dũng kéo đi trên những con đường xuyên rừng làm gập. Những khung cảnh xa lạ, tưởng như chẳng hề có quan hệ đến cái buổi học đầu tiên đang thu hút cả tâm trí cô giáo.

Những người mà Thùy và cả lớp học đang chờ đợi đã đến: Từ ngoài sân, ba người học sinh đến sau cùng bước vào lớp. Họ vừa bước lên thềm, Thùy liền lật đật chạy ra đón và niềm nở bắt tay từng người một. Trong phút chốc, cả lớp học bỗng trở nên nhộn nhịp và ồn ào, chẳng khác gì một buổi họp.

Thùy đã nhấm trước câu chuyện nói với các em, nhưng cô chỉ thốt lên được mấy lời vắn tắt:

- Các em, chúng ta lại bắt đầu học... Và buổi học đầu tiên hôm nay, có ba bạn đến từ biệt chúng ta. Ba bạn sắp đi bộ đội... làm nhiệm vụ đánh Mỹ cứu nước!

Thùy đưa ngón tay phui những vệt đất đã khô trên vạt áo ngắn mới nhuộm, vệt đất còn dính lại từ buổi đào hào ngoài bờ sông. Cô cũng không thể nói dài hơn. Cướp lấy lời cô giáo, những tràng vỗ tay nổi lên và kéo dài, muốn làm vỡ tung cả gian phòng. Buổi học biến thành một buổi liên hoan tiễn những người bạn học sắp lên đường. Các học sinh xúm quanh ba người bạn. Họ nắm tay nhau, chúc mừng nhau, ghi số tay cho nhau. Trông nét mặt ai nấy đều rạng rỡ. Một anh chàng tóc đỏ hoe và bờm xờm, cao lớn, đang chỉ vào ngực một cậu sắp được ra đi:

- Lân, cậu là thằng "số may mắn", biết chưa? Đáng lý lần này đến phần tớ chứ không phải đến phần cậu!

- Nhưng tớ đã "trúng" thì cậu mừng cho tớ, hay cậu ghen tỵ?

- Tất nhiên, tất nhiên là tớ chúc mừng cậu!... Nhưng cậu mà vào bộ đội, người ta sẽ gọi là "lính nhóc" cho mà coi!

Lân ngồi dây bàn đầu, ngay lối cửa ra vào. Lân còn trẻ quá! Trông vào vóc người thì cậu to lớn gộc gạc, thân thể rất nở nang cân đối nhưng trông vào nét mặt thì rõ ràng còn là một chàng thiếu niên đẹp trai, có phần hơi ngây thơ. Tuy Lân đã chải rẽ món tóc mềm mại và đen nhánh để tỏ ra một

người đã lớn, nhưng người ta chỉ nhận thấy tự nhiên cậu ta sinh ra đóm dáng một cách buồn cười, vì xưa nay chẳng bao giờ thấy cậu ta chải đầu! Lân không mang sách bút, không mang đèn đi theo, chỉ vác trên vai một chiếc mai. Cậu ta đi đào giao thông hào với anh em dân quân ngoài bờ đê rồi vào thẳng lớp học.

Lân tựa chiếc mai vào cạnh bàn rồi quàng tay qua vai hai người bạn, nói chuyện huyên thuyên hết sức vui vẻ.

Giữa cảnh náo nhiệt, một cậu trong nhóm ba người đứng dậy. Anh ta là một người học giỏi nhất lớp, trạc mười tám, mười chín, cao và gầy:

- Thưa cô, thưa các bạn...

Anh ta nhắc câu ấy đến lượt thứ hai thì cả lớp im bật.

- Thưa cô, thưa các bạn, giữa lúc bọn kẻ cướp Mỹ đang mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược đầy tội ác ở miền Nam nước ta và đánh phá miền Bắc, nhiệm vụ chúng ta, những người thanh niên là nghe theo tiếng gọi cứu nước, sẵn sàng rời ghế nhà trường để ra đi bộ đội cầm súng giết giặc... Chúng tôi xin hứa với cô và các bạn, chúng tôi sẽ tích cực rèn luyện, nhận bất cứ nhiệm vụ gì và đi bất cứ nơi nào Đảng cần...

Gian phòng im phăng phắc. Tiếng sóng vỗ vào bờ sông Kiêu nghe rõ từng đợt, tiếng sóng cũng rất trầm và trang nghiêm. Anh học sinh nói rất dài và sôi nổi. Làm xong cái việc mà các bạn đã ủy thác, anh ta ngồi xuống, đôi mắt nhìn thẳng cô giáo. Thùy căn dặn các học sinh vài câu rất ngắn. Thùy vừa nói dứt thì Lân đã đứng dậy. Lân nhảy ra đứng giữa lớp, mặt đỏ như vừa uống rượu, sải hai cánh tay ra phía trước:

- Nào, hát nhé!

Lập tức có nhiều tiếng thét ở phía dưới cùng một lúc:

- Hát đi!... Hát... đi!

"Giải phóng miền Nam!..."

Tiếng hát vỡ ra từ những lồng ngực. Tiếng hát không có một âm điệu nào ngân dài, mà rầm rập, nhộn nhịp, xối xả. Cả lớp vỗ tay lên bàn hát đồng nhịp, họ hát với tất cả hơi thở căng lồng ngực, với tất cả niềm say sưa của tuổi trẻ đang bị kích động.

Ba người học sinh ngồi dự cho hết buổi học cuối cùng của họ. Khi Thùy bắt đầu đọc cho họ chép bài, tiếng cô vẫn còn hơi run. Ánh sáng những ngọn đèn trước mặt có lúc nhòe đi. Làm sao Thùy không cảm động, khi chợt nghĩ rằng những học sinh đang ngồi trước mặt mình, đang nghe mình giảng bài, chỉ ít hôm nữa sẽ cầm súng và khoác quân phục, họ sẽ trở thành những người chiến sĩ ở ngoài mặt trận. Ngày mai, họ ra đi sẽ mang theo những kỷ niệm và những bài học ở nhà trường. "Không, mình chẳng dạy dỗ họ được điều gì cả - cô lại nghĩ - Một người con gái còn ít tuổi và thiếu từng trải như mình, làm gì xứng đáng có được những người học trò như thế? Lòng hi sinh dũng cảm và những đức tính tốt đẹp của họ là do Đảng giáo dục, là truyền thống yêu nước sẵn có trong dòng máu của họ".

Tuy nghĩ thế, nhưng Thùy vẫn cảm thấy trách nhiệm nặng nề của mình - "Chẳng lẽ những bài học ở nhà trường không hề góp thêm một phần nào vào tâm hồn lớp người trẻ tuổi đang lớp lớp cầm súng lên đường hiện nay như Liên đã nói hay sao?".

Bất giác Thùy nghĩ đến Liên, và những câu chuyện mà Liên vừa cho biết...

Cách đây mấy hôm, Thùy về huyện họp để bàn việc chuẩn bị khai giảng năm học mới.

Trên dọc đường, cô gặp Liên là một cô bạn cũ. Liên đang đạp xe trên đường đê, bỗng nhận ra Thùy từ xa và vẫy tay gọi rối rít.

Hồi đi học, Liên học khá, nhất là môn quốc văn. Chiếc cặp sách của Liên bao giờ cũng chứa đủ các thứ sách truyện, từ "Sống mãi với thủ đô" đến "Tam quốc chí", "Xạ thủ Cúp-cô". Liên và Thùy học cùng một lớp và ở cùng phố. Liên học chưa hết cấp ba thì bỏ học, cô đi học phiên dịch tiếng Nga. Sau vài tháng, cô lại bỏ phiên dịch, và ông chú ruột của Liên là một thiếu tá ở phòng tham mưu hải quân giới thiệu cô vào làm giáo viên văn hóa trong đơn vị bộ đội.

Đã lâu, hai người không được gặp nhau. Hồi này, trông Liên có vẻ "người lớn" hơn trước. Vừa gặp Liên, Thùy liền hỏi đùa:

- Cậu vẫn còn dạy "trong đó" chứ, hay cậu đã chán?

- Mình đã thôi dạy rồi - Liên nói rất nghiêm nghị - đã hơn nửa năm. Chẳng phải vì mình chán. Nhưng bây giờ là thời chiến, bộ đội bận đánh nhau, đâu có thì giờ ngồi học?

- Bây giờ cậu làm gì?

- Cậu thử đoán xem? - Liên vỗ vào chiếc cặp xách tay bằng vải bạt nhưng cô lại khoác sau lưng bằng một sợi dây da đeo súng.

Hai người ngồi nói chuyện với nhau rất lâu. Liên được các đồng chí cán bộ tuyên huấn giao cho đi viết những bài báo nhỏ, hoặc những mẫu chuyện chiến đấu. Cô đã từng đi khắp nơi, đến các căn cứ tàu đỗ, xuống tàu, vào các quân y viện để gặp gỡ bộ đội.

Những người học trò khoác quân phục của Liên đang trải qua những thử thách mới. Trong cuộc chiến đấu, những đức tính tốt đẹp mới bộc lộ ra hết và Liên mới có dịp hiểu như thế nào là những người chiến sĩ quân đội.

Liên kể một vài trận đánh và kể chuyện nhiều đồng chí chiến đấu rất dũng cảm.

Cô báo cho Thù biết:

- Cách đây khoảng một tháng, mình tới một quân y viện. Ở đó mình hỏi chuyện một đồng chí chiến sĩ bị thương. Đồng chí ấy là người làng Kiều, huyện Kiến Thành, đồng chí ấy bảo là học trò của cậu.

Thù hỏi, lo lắng:

- Anh ấy tên là gì?

- Bân! Cậu có người học trò nào tên là Bân không?

Thù hỏi gặng:

- Anh ấy có việc gì không?

- Đồng chí ấy bị thương vào ngực và cánh tay phải. Vết thương khá nặng nhưng cũng sắp khỏi. Một người chiến đấu gan dạ đấy! Đồng chí ấy không phải là pháo thủ mà làm quan trắc của tàu.

Từ hôm gặp Liên và biết tin Bân bị thương, Thù cũng không báo tin cho gia đình anh biết.

Bân là anh Lân, hai anh em cùng cha khác mẹ.

Ngày trước, Thù ở trọ nhà Bân.

Hồi Thù mới về, nhà trường chưa có nhà tập thể cho các giáo viên ở nên địa phương phải thu xếp mỗi người ở trọ một gia đình. Ông Vàng, chủ nhiệm hợp tác xã Kiều Sơn là một người đàn ông trạc ngoài năm mươi, đầu hói, người vừa gầy vừa đen, lúc nào cũng hấp tấp, vội vã. Bữa thầy hiệu trưởng vào gặp ông Vàng để nhờ thu xếp chỗ ở cho Thù, ông Vàng nói:

- Vâng, tôi phải bố trí một gia đình cơ sở. Nhưng cô ta là người thành phố hay ở nông thôn? Nếu là người thành phố thì phải chọn cho cô ấy một cái nhà trong xóm đồng, sạch sẽ và có bể nước. Nếu là người nhà quê thì tôi muốn để cô ấy ở nhà bà Thịnh - ông ta hấp háy cặp mắt rồi xoa tay thú thực một cách ngượng ngịu - nói giấu gì thầy, tôi chỉ ước có một người kèm riết cho thằng Bân nó thanh toán chong chóng cái lớp bầy.

Bân là người học trò khá đặc biệt: anh là kế toán trưởng của ban quản trị hợp tác xã. Ông Vàng và ban quản trị thu xếp cho Bân đi học văn hóa thêm, dự tính nay mai lớp trung cấp nông nghiệp tỉnh mở, sẽ cử Bân đi học để sau này về làm chân phó chủ nhiệm phụ trách kỹ thuật.

Trong số các học trò đã đi bộ đội, Thùy không bao giờ quên Bân, một thanh niên rất đứng đắn ngồi ở dãy bàn cuối trong lớp, một anh học trò có lẽ còn hơn tuổi cả cô giáo. Bân không giống Lân mấy, không đẹp trai và nhanh nhẹn nhưng làm việc gì cũng chắc chắn và học tập rất chăm chỉ. Cô nhận thấy sự cần thiết của địa phương nên đã kèm riết cho Bân học. Cả người dạy và người học đều vất vả. Ngày nào cô cũng bỏ ra vài giờ ở nhà, vào buổi trưa hay buổi tối để giảng lại cho Bân từng "tiết" của chương trình các lớp dưới. Bân vui đầu vào học văn hóa không kể ngày đêm, chẳng khác nào người đi cày vội để cho kịp có đất cấy. Sắp đến ngày lớp trung cấp nông nghiệp trên tỉnh mở (giấy gọi học sinh đã gửi xuống ủy ban xã), thì Bân trúng tuyển nghĩa vụ quân sự. Thế là anh từ biệt lớp học của Thùy, bàn giao công việc kế toán cho một người khác và lên đường.

Bân ra bộ đội được nửa tháng và vẫn đóng ở gần. Hồi ấy, địch chưa bắn phá miền Bắc và tình hình hãh còn yên tĩnh. Anh được phép về thăm nhà vào một ngày chủ nhật. Thùy còn nhớ lần ấy, Bân nói với cô: "Chế độ nghĩa vụ bây giờ có hai năm, trong bộ đội cũng tổ chức học văn hóa. Xong khóa nghĩa vụ này, tôi trở về chắc ông Vàng lại bắt đi học lớp kỹ thuật nông nghiệp gì đó thôi!". Hôm đó, anh mặc bộ quân phục mới còn ra về

lúng túng, chưa hợp lắm. Trông anh còn y hệt một chàng thanh niên nông thôn - một anh chàng kế toán trưởng. Đây là lần duy nhất Bân về thăm nhà.

Buổi tối hôm ấy, giữa buổi học khai giảng, Thùy chợt nghĩ tới Bân và cái tin anh chiến đấu bị thương mà Liên vừa cho biết. Chắc bây giờ Bân đã khác lần về thăm nhà nhiều lắm. Lúc tan học, Thùy nắm tay từng người học sinh sắp ra đi và siết chặt như gửi gắm tất cả niềm tin của mình. Đến lượt Lân, Thùy hỏi:

- Lâu nay em có năng sang nhà u không? (Lân gọi mẹ đẻ Bân bằng u).

Lân trả lời rất sốt sắng:

- Có, cô ạ! Nhưng mà mấy lâu nay u em không nhận được lá thư nào của anh Bân. U em sốt ruột lắm, cứ hỏi rằng anh ấy có gửi thư về ngoài trường không?

Thùy thấy không tiện nói cái tin ấy cho Lân biết lúc Lân sắp lên đường. Cô trả lời:

- Không... Chắc anh ấy bận nên không có thì giờ biên thư đó thôi...

Các học sinh đã trở về trong xóm. Thùy còn ngồi bên ngọn đèn. Không khí buổi học đầu năm còn in trong lòng Thùy. Chưa có một kỳ khai giảng nào cô cảm thấy không khí náo nức và hơi kỳ lạ như vậy. Cô lấy giấy bút và ngồi biên thư cho Bân. Bức thư không gửi tới đơn vị mà để theo địa chỉ quân y viện - địa chỉ Liên mới ghi cho cô.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 2

Công việc đều đặn và có phần nào tẻ nhạt của các thầy giáo trường làng bị cuộc sống thời chiến lôi cuốn, đã biến chuyển theo cái đà mới. Ban ngày, ngoài công việc soạn bài, chấm bài, họ dành một số lớn thời giờ dẫn các học sinh đi đào hầm tránh máy bay, hoặc đi kẻ khẩu hiệu chống Mỹ trong các xóm. Trường cấp hai làng Kiều là một trường nhỏ, tuy vậy hơn một năm qua đã có gần hai chục học sinh và thầy giáo "xếp sách bút" lên đường đi bộ đội. Họ đi theo từng đợt nghĩa vụ quân sự trong xã. Ngoài công tác như của các thầy giáo khác, Thùy dành một phần nhỏ thì giờ biên thư cho các học sinh của mình hiện đang ở các đơn vị bộ đội. Cô có một cuốn sổ con, trong đó ghi tất cả các địa chỉ của họ. Những hàng chữ số các "hòm thư" bao giờ cũng gợi cho Thùy nhớ đến người này, người khác. Những bức thư gửi đi, bao giờ Thùy cũng viết với lời lẽ khiêm tốn. Cô nghĩ: Các chiến sĩ ở đơn vị đã được săn sóc chu đáo, nhưng thỉnh thoảng mình biên cho mỗi người một lá thư cũng không phải là thừa. Cô biên thư đi khắp nơi, đều đặn cho từng người và tự coi mình như một người con gái ở hậu phương có nhiệm vụ đem đến cho họ những lời động viên, có nhiệm vụ săn sóc các chiến sĩ ngoài mặt trận.

Trong lúc làm việc bận bịu, bao giờ Thùy cũng cố gắng tìm cách không tách mình ra khỏi cái guồng máy sinh hoạt chung của nhân dân đang hối hả chuyển sang thời chiến. "Thật là xấu hổ, nếu mình lại nhàn rỗi trong lúc này". Thùy nghĩ như thế, và cầm bức thư viết cho Bà nội vàng đi về phía cửa hàng hợp tác xã trong xóm.

Chỉ có mấy ngày Thùy không vào xóm trong đồng, thế mà lúa đã tốt ngọp. Ở một vài đám giữa cánh đồng trũng cấy lúa sớm đã bắt đầu gặt.

Nước đỏ màu gạch xâm xấp thân lúa. Xa xa, một hàng nón trắng lấp lóa giữa mặt ruộng lúa vàng ứ nước.

Cửa hàng hợp tác xã mua bán nằm ngay bên đường, bên một gốc cây đa um tùm. Thùy đẩy cánh cửa hàng. Hai cánh cửa gỗ chỉ khép hờ, bên trong chẳng thấy người chỉ có mùi dầu hỏa và mắm muối xông hắc lên mũi. Thùy lại khép lại. Trên các cánh cửa đầy những dòng chữ "Cô Tốt kén chồng" viết bằng gạch non và bằng than.

- Ai mua gì đ... ấ... y?

Một giọng con gái lạnh lạnh thốt lên từ giữa đám người gặt. Một lát, một người con gái dáng bé nhỏ và gọn ghẽ, nghiêng cái nón trắng mới, gánh đôi quang lúa trở về. Nhìn từ xa, trông rõ hai cánh tay của người con gái đung đưa, Thùy biết ngay là cô Tốt.

Thùy mua một con tem rồi hỏi:

- Cô Tốt vừa bán hàng vừa gặt ư?

- Các ông ban quản trị cũng không yêu cầu đâu. Nhưng mà em ngồi mát trong này không yên lòng chị ạ. Em đã đi gặt hai ngày rồi. Gặt đồng gần, ai mua gì thì chạy về, cũng tiện!

Thùy dán tem, bỏ thư vào chiếc hộp sắt tây treo lưng lửng ở thân cây đa rồi tiện tay nhắc một lượm lúa cắt ngắn cũn cỡn, nói:

- Cô cắt ngắn thế này thì tra néo làm sao được?

Tốt ngồi duỗi chân bên gốc đa. Cô không trả lời, chỉ đưa cặp mắt lá rằm nhìn ra xa rồi bất chợt quay lại:

- Thanh niên đi hết rồi, lấy ai mà đập néo? Cắt vậy, mấy ông lão với mấy bà ở nhà rải ra sân mà quần, sớm tối cũng xong, chị ạ!

Thùy về trường cô vừa vào đến cổng đã trông thấy một em bé gái tóc để xõa kín gáy, đứng thập thò ngoài cánh liếp. Thùy bước tới ôm choàng lấy làm nó quay lại. Em bé khi nhận ra Thùy liền níu chặt, xõa cả món tóc dơ dớp hơi muối và khét nắng vào tận má Thùy: "Cô ơi, u cháu bảo cháu ra mời cô vào ngay". Nói xong câu ấy, con bé con thè lưỡi ra rồi bất thần chạy biến đi mất. Thùy sực nhớ trưa nay, bác Thịnh làm bữa cơm tiễn Lân, đứa con của người vợ hai của chồng. Em bé ấy đã ra mời Thùy trưa hôm qua. Bác Thịnh dặn khẩn khoản thế nào Thùy cũng phải vào.

Nhà bác Thịnh - u Bân - Ở xóm ngoài bãi, kề đồng muối. Ngày mới về, Thùy tưởng không tài nào chịu nổi làn không khí oi nồng của cái xóm giáp đồng muối. Cái xóm chẳng khác gì một kẻ ở trần phơi nắng. Đứng ngoài bờ đê có thể trông rõ hết thảy các mái nhà, các bức tường, trông thấu vào đến chân bàn thờ. Đường đi vào xóm là một quãng đê biển sụt lờ, mỗi lần dắt xe vào phải len chân giữa những búi cỏ gai và hoa lông chông sắc như kim. Ngòi nước mặn chảy tận đầu hồi nhà, những kỳ nước thủy triều xuống, trơ ra cái đáy ngòi đầy rêu tanh. Đi từ đầu đến cuối xóm, chẳng hề có chút bóng mát. Hễ một cây nào nhoi lên là người ta phải dẫn ngay để khỏi rợp bóng xuống ô muối. Từ bành mắt đến khi mặt trời khuất, nắng cứ chang chang, nắng đến lóa cả mắt. Nắng đặc quánh, chẳng khác gì một thứ bột đồng nung đỏ ném vào mặt bóng râm, thỉnh thoảng một trận gió "ông cụt" xoáy lên từ bãi phơi đất bốc tung từng mảng mái nhà.

Thùy sống ở đây một quãng thời gian dài mới thấy quý thứ nắng thiêu đốt người. Cô cũng không ngờ cái xóm nhỏ nằm giáp biển, bốn bề trống trải lại là một xóm có cơ sở vững chắc nhất xã trong suốt thời gian địch tạm chiếm. Nhà bác Thịnh cũng là một cơ sở, ngày xưa bao giờ cũng có một vài cán bộ nằm hầm trong nhà.

Thùy xách chiếc túi bước qua những búi cỏ mọc ngổn ngang trên sườn đê. Những tảng đất thối màu gan gà to bằng hòn đá tảng bồi con đê từ mùa đông năm ngoái vẫn còn giữ nguyên lốt mai xăn. Cô vừa lội qua một cái

lạch con đã nghe tiếng cào đất lẹt xẹt và từ xa, có tiếng mấy người đàn bà đang gọi mình.

Bác Thịnh làm gà đã sắp xong. Trong căn bếp vừa chật vừa khói, một chỗ xôi mới bắc lên khuôn bếp. Cái Lý - đứa con gái rớt của bác Thịnh vừa ra gọi Thùy - đang cầm nắm đất sét lẫn với tro trét những chỗ miệng nồi hở, nhưng cuối cùng hơi vẫn cứ phì ra. Con bé mặt mũi đỏ gay, mớ tóc dính đầy tro và bồ hóng, chốc chốc lại đưa ngón tay lên miệng thổi phù phù và xuýt xoa. Thùy vội vã cất nón, túi và xắn xở chạy vào bếp: "Lý để cô làm cho!".

Bác Thịnh cười trần bưng một chiết yêu lòng gà từ ngoài giếng vào. Thấy Thùy đang vày đất sét, bác vội la lên:

- Cô lên nhà uống nước, để tôi trông bếp cho. Lý, mày chạy ra vườn mời ông nghỉ tay. Nào, cô lên nhà nói chuyện với ông. Ông cứ nhắc mãi dạo này cô lâu không vào đây!

Bác Thịnh người cao lớn, đứng gần chạm mái bếp. Bác là một người đàn bà chuyên môn ở trần, tính nóng như lửa và không bao giờ biết lấy lòng ai. Trông bề ngoài, chẳng ai biết là vợ một cán bộ tỉnh. Ngày Thùy mới đến ở, bác cứ ngồi ở bậc thềm kêu: "Nhà này chẳng khác gì trang trại, ăn uống miếng và miếng bốc, cô chẳng ở được đâu". Rồi bác nhìn Thùy qua cặp mắt lông quặm, xám như nước gio để thăm dò. Nhưng ít lâu sau, Thùy chỉ về trên phố độ một tuần là bác đã nhớ. Trông bác bao giờ cũng lật đật. Mỗi buổi sớm, bác vắt chiếc áo lên vai, vừa ăn nốt củ khoai lang vừa chạy từ dưới bếp lên nhà trên. Bác đến bên chiếc bàn đầy ngập sách vở của Thùy, xách chiếc ấm rót nước chảy tung tóe, miệng nói như mắng: "Cô ăn như con mèo thế này phỏng? Ăn uống thế nào chứ thế này là tôi không ưng đâu. Ít bữa nữa cô về nhà, cụ trên nhà chê cô gầy là tôi không bằng lòng đâu!".

Thùy còn nhớ hôm Bân lên đường nhập ngũ, anh chỉ dặn mẹ: "U coi đó, thỉnh thoảng u phải đi họp. U cứ cởi áo vắt vai đi làm mà chẳng chịu đi họp rồi sẽ lạc hậu với bà con cho mà coi". Rất ít khi thấy bác Thịnh có mặt trong các cuộc họp. Thùy cũng thỉnh thoảng nhắc khéo, bác ngửa cổ ra cười: "Cô ạ, tính tôi như cái búi cỏ lông chông. Cứ ngồi lì ra mà nghe nói là tôi sốt ruột lắm. Thời họp tác bây giờ người ta nói dài hơn thời kháng chiến nhiều. Ngày trước cứ bảo nhau một câu rồi làm. Tôi đã đi họp vài bận, không nghe thì kháo chuyện, các anh ấy kêu mẹ Thịnh là chúa mất trật tự hội nghị, thế là tôi cạch!".

Cách đây không lâu, một buổi tối, Thùy vào xóm dự cuộc họp phụ nữ toàn xã, hôm ấy là buổi phát động phong trào "ba đảm đang". Khi ra về, ánh chùng đã gần nửa đêm, Thùy đi tắt qua khu lò muối. Thấy đằng sau một mái túp còn hừng đỏ ngọn lửa sủ, cô liền tạt vào. Dưới mái túp mới dựng, chỉ có một mình bác Thịnh cời trần ngồi bên bếp, mồ hôi vã ra như tắm, một tay cầm áo xua muối, một tay cầm thanh tre khoảng chảo nước muối đang sôi ùng ục. Thùy lấy làm lạ không hiểu sao bác lại trông lò? Công việc nấu muối là của tổ hai, của mấy chị chưa có chồng con.

- Cô vào đây - Bác trông thấy Thùy liền quay ra hỏi - Tôi ngồi đây nghe mấy mẹ đi họp về kháo, kỳ này không năm nữa mà rút xuống ba phải không?

Nghe gặng câu hỏi lần nữa, Thùy mới rũ ra cười. Thùy giảng cho bác nghe thế nào là phong trào phụ nữ "năm tốt" trước đây và phong trào "ba đảm đang" hiện giờ, do Trung ương Hội Phụ nữ vừa phát động. Bác nghe xong, liền thú thực như kẻ có lỗi: "Cô nói tôi cũng nghe thủng chuyện nhưng đến mai các chị cán bộ hỏi, tôi lại quên mất cho mà xem. Ruột gan tôi nó ra làm sao ấy! Ừ cô nhỉ, hôm cháu Bân ra đi làm "nhiệm vụ", tôi cũng có ngăn trở cháu đâu. Tôi cũng động viên cháu đấy chứ!". Thùy chỉ đứng trông lò một lát mà mồ hôi đã xâm xấp áo, hơi nước muối bốc lên nồng nặc rất khó thở. Thùy hỏi:

- Hồi này bác thôi hẳn việc trên đồng phơi rồi sao?

- Tôi vẫn làm đấy chứ!

Thùy hỏi các cô trông lò, bác chỉ ra trước mặt:

- Chúng nó gác tàu chiến ngoài rìa nước kia kìa. Tôi không gác tàu chiến được thì trông lò thay cho mấy đứa nó đi gác - Bỗng bác nổi giận ùng ùng - mấy cái đứa ấy, sao chúng nó ngủ khổ ngủ sở, con gái gì mà hể vật mình ra là ngủ. Có lẽ tôi cũng phải xin xuống đây thật, hôm nọ chúng nó ngủ quên để cháy mất hai chiếc chảo gang, trị giá gần sáu chục bạc. Thật là tiếc đứt ruột!

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 3

Ông cụ Lâm, ông cụ bố chồng bác Thịnh ở ngoài vườn vào, đang ngồi uống nước để chờ cơm thì Lâm sang. Trông cử chỉ và cách ăn mặc của Lâm, người ta biết ngay là một gã thanh niên sắp đi bộ đội, hay ít ra cũng sắp làm một việc quan trọng.

Lâm mặc quần dài tím và chiếc sơ mi trắng mới nhuộm đúng y hệt màu quần áo bộ đội, trông chững chạc và lớn phổng phao hẳn. Lâm đi ngoài đường, chẳng nón chẳng mũ gì sắt, hai cánh tay áo xắn cao, tóc mới cắt chải rẽ. Năng như đổ lửa xuống mặt mà cậu ta chẳng nề nheo mắt, bấp tay, bấp chân, cổ, gáy vẫn trắng trẻo và mỡ màng, chỉ có vài giọt mồ hôi dính bên sống áo chặt căng. Tất cả sức sống dư thừa, đang thì phát triển của tuổi mười bảy cứ bùng bùng trên đầu mày cuối mắt và trên khuôn mặt giống mẹ, rất đẹp trai của Lâm.

Lâm đi từ xóm trong ra, bị giữ lại không biết bao nhiêu chặng. Bà con trong làng từ xưa vốn quen thăm hỏi, săn sóc những người trai làng ra đi đánh giặc. Qua cửa hàng mua bán, cậu ta bị cô Tốt lôi vào. Tốt quần vôi mới tóc dài còn ướt vừa chải sau buổi gội, xách ra trước quầy hàng một chai bia lớn. Tốt ấn vào tay Lâm một cốc bia đầy tràn rồi khẽ chạm miệng cốc của mình vào:

- Tôi chúc anh Lâm hạ thật nhiều máy bay Mỹ. Bao giờ nghỉ phép thì về làng...

Lâm nhìn mặt uống một hơi cạn cốc bia đắng nghét rồi buông một câu: "Tôi đã đi bộ đội thì quyết chẳng trở về nữa đâu" làm Tốt giật nảy mình.

Cô túm lấy áo, đét lấy đét để vào bên vai: "Đỗ xuống sông xuống biển! Đỗ xuống sông xuống biển!". Hai con mắt Tốt nheo tí lại như hai sợi chỉ thấm nước đen nhánh.

Lân cố nén sự kích động bước vào nhà, chào mọi người bằng cái giọng sấp vờ tiếng. Trông thấy Thùy đang ngồi nói chuyện với ông, Lân rất mừng vì cô giáo cũng đến. Từ trước đến nay Thùy thường khuyên Lân năng sang nhà u. Tuy hai gia đình có sự xích mích nặng nề, Lân vẫn năng sang bên này. Nhất là từ ngày Bân đi, Lân đặt cho mình trách nhiệm thay Bân săn sóc bác Thịnh.

Bác Thịnh trao cho Lân một chồng bát đĩa, bảo lau rồi hỏi:

- Dì có nhà không con?

Lân trả lời ngượng ngùng "Có ạ" rồi lại cúi xuống lau. Lân rất dễ vui, nhưng cũng dễ buồn mỗi khi nghe nhắc đến "dì" mình.

Chị Quý - mẹ đẻ Lân - ngày trước là một người con gái buôn hàng tẩm, có một hội vừa bán hàng vừa làm giao thông giữa các cơ sở kháng chiến trong vùng địch tạm chiếm. Trong khi gặp gỡ công tác, chị phải lòng ông Lâm. Chị yêu ông Lâm mê mết. Ông Lâm hồi đó là cán bộ huyện ủy nắm vùng địch tạm chiếm. Hai người trót dở dang với nhau và đành phải lấy nhau. Đến ngày hòa bình, xã Kiều Sơn được giải phóng trước, ông Lâm về xin lỗi vợ và bố, nói thực tất cả và đưa chị Quý và Lân về làng.

Mấy năm trước, ông cụ Lâm ở với mẹ con chị Quý. Đến bây giờ, ngoài ba năm tuổi mà chị Quý vẫn còn đẹp, nét mặt thật nhẹ nhõm, xởi lởi. Con người cũng thực lịch sự, kín đáo. Mỗi khi có bạn của chồng trên tỉnh ghé vào, chị vội vàng rút lui vào tận sau cột, mặc chiếc áo cánh sạch sẽ rồi hai tay bưng bộ ấm chén ra tiếp khách. Lần đầu tiên Thùy đến thăm, chị đang dở làm việc trong nhà, chỉ ló đầu ra nói vồn vã: "Mời cô giáo ngồi chơi, tôi dở bận tay một chút. Tôi ra ngay đây ạ!". Thùy nhìn vào, thấy chị

nói xong mà nụ cười còn đượm trên môi, hàm răng đen nhánh khép lại, nét mặt tự nhiên lộ vẻ e lệ ngượng nghịu, một thái độ e lệ rất dễ thương của những người đàn bà có nề nếp và lễ phép.

Con người ấy cũng là người đang tâm đuổi bố chồng đi sau một trận xích mích với chồng. Ông cụ Lâm đã cặp kè tám mươi, hai hàm răng chẳng còn mấy chiếc nhưng da dẻ đỏ au, còn rất khỏe. Ông cụ có nghề thợ mộc, lại có tài đắp tường đất. "Đắp tường mà cứ xoay xỏa hòn đất mãi thì nó nhoét ra, nó sập ngay. Cái tài của người đắp tường là đưa mắt qua, biết đặt hòn đất vào chỗ nào. Tôi đã cầm hòn đất trên tay thì chỉ một nhát vút xuống, không còn dỡ ra được nữa". Nhà chị Quý từ nhà ở, bếp, chuồng lợn, một tay ông cụ làm. Ông cụ làm "câu dầm" tròn nửa năm mới xong một khu nhà ở hoàn hảo. Cái hôm chị Quý làm âm ỉ với chồng và đuổi ông cụ ra khỏi nhà, ông cụ xách bó quần áo trở về xóm đồng muối, người ta hỏi, ông cụ chỉ phớt hai hàng lợi ra cười. Suốt mười năm giặc giã, bác Thịnh ở nhà một mình nuôi con, nuôi bố chồng, lại đào hầm cất giấu cán bộ, đến bấy giờ lại lật đật chạy đi đón bố chồng quay về ở với mình.

Hôm ấy, sau khi nấu nướng sắp xong, Thùy thấy bác Thịnh rửa mặt mũi sạch sẽ, vẫn lại nếp khăn như một người quen sống tươm tất. Bác xỏ chiếc áo nâu mới rồi cầm tích nước và hai chiếc chén sang bên chiếc giường kê ở chái nhà. Bác mời Thùy ngồi rồi bưng chén nước đặt vào tận tay Thùy làm cho cô hết sức băn khoăn. Từ khi biết nhau, chưa bao giờ Thùy thấy người đàn bà vốn xuề xòa lại cư xử trịnh trọng như vậy. Bác hỏi:

- Mấy tháng nay, làm sao tôi chẳng thấy thư từ tin tức gì của thằng Bân cả. Tôi cứ nghĩ, hay là nó ra làm sao?

Thùy nhìn bác rồi cố lấy giọng bình thản:

- Anh ấy không sao đâu bác ạ. Dạo trước, anh ấy vừa gửi thư về cho nhà trường...

- Tôi cũng nghĩ vậy. Thư từ ít cũng được, tôi cũng biết nó bận, chỉ mong sao nó được mạnh khỏe, cùng anh em chiến đấu mau giết hết cái thằng giặc Mỹ tàn ác.

Từ nhà, Thùy đã quyết định sẽ không báo tin Bân bị thương cho bác. Không phải bác là người mẹ không giữ được bình tĩnh. Nhưng cô hiểu lẽ thường những người chiến sĩ quân đội không muốn để những người thân ở hậu phương quá phiền bận. Vì thế Bân đã không biên thư về báo tin, cả cô nữa anh cũng không cho biết.

Bác Thịnh hăng giọng, uống thêm chén nước rồi chậm rãi nói:

- Hai năm nay, từ ngày biết nhau tôi vẫn mẩn cái bụng cô. Chuyện hay cũng như chuyện dở trong nhà này, cô đều biết cả rồi. Tuy là khách nhưng cô cũng chả khác gì người nhà. Từ trước tới nay, bao giờ cô cũng muốn chúng tôi hòa thuận với nhau. Tôi thường bảo ông Lâm: "Ông cứ yên tâm mà đi làm việc nước, chẳng phải lo gì cả. Di ấy nhiều lời thì hàng xóm phải nghe nhiều. Tôi làm tôi ăn, di ấy làm di ấy ăn. Tôi ở dưới này. Di ấy ở trên đồng. Cứ ở xa nhau chẳng bao giờ gặp mặt nhau là được. Nghĩ đường gần thì vậy, nhưng nghĩ đường xa thì không được. Tôi ghét di nó, nhưng tôi không thể nào ghét thằng Lân được. Thanh niên bây giờ chúng nó khác xưa lắm. Thằng Lân và thằng Bân, chúng nó rất quý nhau. Cái đêm sáng hôm sau thằng Bân đi tập trung lên huyện, thằng Lân sang ngủ với anh. Hai đứa ngả ván nằm ngoài hiên, tôi nằm trong nhà. Nghe hai đứa con nói chuyện với nhau, tôi không sao cầm được nước mắt. Tôi nghe thằng Lân nói rằng: "Anh cứ yên tâm mà đi. Ở nhà em sẽ chạy sang chạy về với u bên này luôn". Thằng Bân phê bình thằng Lân hay nói xăng với di nó. Thằng bé nhận khuyết điểm, rồi lại bảo: "Nhưng mà di em cư xử với u và ông có nhiều điều không đúng, em cứ phải nói, nhưng từ giờ em cố không nổi nóng lên thôi".

Tôi biết, cái việc xích mích trong gia đình mình coi là thường, nhưng chúng nó là thanh niên chúng nó khổ lắm. Đêm hôm kia, tôi đang nấu muối

ngoài lò thì thấy thằng Lân ra ngồi bên cạnh. Nó nói với tôi rằng nó đi bộ đội mà ở nhà gia đình vẫn cứ hằn thù nhau, dì nó gặp ai cũng bới chuyện xấu trong gia đình ra nói, nó bực mình lắm... Tôi đã nghĩ nhiều rồi, cô ạ! Tôi nghĩ, cháu nó còn trẻ tuổi, phen này nó ra đi làm nhiệm vụ giết giặc cứu nước, chẳng nên để cho nó ra đi mà trong bụng lại vướng víu phiền muộn. Cho nên hôm nay nhân buổi tiễn cháu lên đường, tôi muốn sang bên nhà dì Quý. Tôi mời dì nó sang bên này cùng ăn bữa cơm với con cho vui vẻ. Người ta giận nhau, nhưng gặp mặt nhau một lần thì về sau cũng bớt giận nhau đi. Kể từ ngày chị ta ra ở riêng, tôi chưa đặt chân đến nhà bao giờ. Tôi đã thưa chuyện với ông, bàn với ông chuyện cũ nên quên đi... Bên ấy cháu bé đông. Tôi đã bàn với ông rằng khi thằng Lân lên đường thì ông lại vào ở trong ấy một dạo, để cho nhà trong ấy đỡ vắng vẻ. Chắc cô cũng hiểu bụng tôi. Vậy cô giúp tôi, cốt làm sao lần này tôi và dì nó được hòa thuận, cháu nó ra đi cầm khẩu súng cho được mát mẻ.

Nói rồi, bác nhờ Thùy trông chỗ xôi, bác xách nón đi thẳng vào xóm trong để mời chị Quý ra.

Bữa cơm ngon hôm ấy, tất nhiên mọi người ăn uống một cách ngượng ngịu, ít thoải mái. Ba người đàn bà tranh nhau ngồi đầu nồi. Cuối cùng bác Thịnh lấy cố mình là chủ nhà, bác bê nồi cơm để bên cạnh. Người ta liếc nhìn nhau, và trao đổi câu chuyện một cách ý tứ. Tuy vậy, không khí chẳng có gì giả dối cả. Tất cả mọi người trong gia đình đều chân thành nâng niu một sợi dây vô hình mới se lại, đang còn mỏng manh.

Chị Quý bưng bát cơm trên tay mà vẫn chưa hết ngạc nhiên. Chị cứ ngồi sững sờ, hết nhìn Lân lại nhìn người khác. Từ lúc chị cắp chiếc nón trước bụng theo bác Thịnh sang, chị chỉ nói nhỏ nhẹ, và miếng cơm cũng nhỏ nhẹ. Nhưng trong bụng, chị nghĩ nhiều lắm. Đã lâu lắm, có thể đã năm sáu năm chị mới nói chuyện và ngồi ăn cùng mâm với bác Thịnh. Người đàn bà chuyên ở trần, xấu xí và chất phác ngồi trước mặt như tỏa ra một thứ

ánh sáng kỳ lạ, đẹp và chói chang đến nỗi chị không dám nhìn thẳng. Dầu sao chị cũng đã tiếp xúc với cái ánh sáng ấy.

Ngay từ đầu, Thùy tự coi mình là người duy nhất có thể làm cho không khí bữa ăn được tự nhiên. Cô hỏi người này lại hỏi người khác, mời mọc và kể chuyện tối liên hoan của chi đoàn tiền anh em thanh niên lên đường.

- Tối hôm ấy, tôi không trông thấy Lân nhỉ?

- Thưa cô, hôm ấy em xuống lò muối với u em (1) ạ!

(1) Theo phong tục cũ nhiều vùng nông thôn của ta, con người vợ lẽ đều được coi như con của người vợ cả, nên gọi người vợ cả là u và gọi người vợ lẽ là dì. Người vợ lẽ cho đứa con do mình đẻ ra gọi mình là dì là có ý khiêm tốn, gián tiếp tự xưng mình là "người em gái" của người vợ cả.

- Thật là buồn cười đến chết được - Thùy vừa nói vừa liếc mắt về phía chị Quý, để ý xem chị đã và thêm được miếng cơm nào nữa chưa - thật là buồn cười! Không biết tên anh ta là gì nhưng là người ở xóm trên. Anh ấy kiếm được một bộ quần áo bộ đội cũ, đem nhuộm xanh và thặng bộ rất chỉnh tề. Khi đến đoạn các anh em sắp lên đường phát biểu cảm tưởng, anh ấy thay mặt cho tất cả anh em lên phát biểu rất hăng. Cuối cùng, các cô thanh nữ lên trao tặng phẩm. Các cô đến bấy giờ mới hết hoảng, cô nọ gặt với cô kia, làm sao mười sáu người đi mà chuẩn bị có mười lăm gói khăn mặt? Lúc ấy, một cô trong ban chấp hành phải chạy đi tìm đồng chí cán bộ bộ đội tuyển quân mà hỏi, té ra thừa một người, thừa chính cái anh đứng ra phát biểu cảm tưởng! Người ta mới hứa miêng chứ chưa lấy, thế mà anh ta cứ xôn rộn, yên chí là mình đã trúng bộ đội hẳn hoi rồi. Hôm ấy, cả chi đoàn được một bữa cười đến vỡ nhà!

Bác Thịnh hỏi:

- Tội nghiệp, về sau anh ấy có được đi không?

Lân đang nhai lúng búng đầy miệng, vội vàng đáp:

- Đi thế nào được hả u, phải khám sức khỏe, khai lý lịch đủ các mặt mới gọi là trúng chứ!

- Như tao thì tao để cho người ta đi - Bác Thịnh liền đáp, và nhìn Lân.

Thùy kể xong liền quên ngay câu chuyện mà mình vừa kể một cách sôi nổi. Ban nãy Thùy hết sức cảm động khi nghe bác Thịnh bày tỏ ý nghĩ của mình. Ban đầu cô nghĩ rằng hôm nay mình chỉ dự một bữa cơm bình thường, như mọi bữa cơm gia đình có con cái đi xa. Trong cuộc kháng chiến lần trước, Thùy chỉ là một cô bé chưa đủ tóc để cặp, bám bên dải yếm mẹ đi tản cư. Cuộc kháng chiến thần thánh của cha anh, cô hiểu khá kỹ qua chuyện người lớn, qua những tác phẩm hồi ký và chủ yếu là qua những bài học ở nhà trường, mỗi năm học một ít. Mấy năm đi dạy, cô lại đem những bài học ấy truyền lại cho các em. Bao giờ cũng thế, mọi điều hiểu biết gián tiếp đều mơ hồ, thiếu những chi tiết đầy đủ. Thùy đang thử đặt mình vào hoàn cảnh của bác Thịnh. Với tâm hồn trong trắng luôn luôn hướng về những điều tốt đẹp, cô giáo đang tự hỏi mình: Liệu ở vào hoàn cảnh của bác, mình có xử sự như bác không? - Được, mình có thể làm như thế! Cô hỏi mình rồi lại trả lời cho mình. Rồi từ đó, một niềm vui rộn lên trong lòng Thùy. Cô càng sung sướng khi nghĩ mình đã ít nhiều được bác Thịnh quý mến, quyến luyến và tin cậy. Thùy chống đũa, ngược nhìn khuôn mặt chất phác, lấm tấm những hoa muối trắng của bác.

- Mời cô ăn đi chứ, sao cô cứ ngồi nhìn nhà Thịnh mãi...

Thùy giật mình nghe tiếng nói khàn khàn của ông cụ. Từ lúc ngồi vào mâm, Thùy chỉ thấy ông cụ Lâm nhấc hết chén rượu này đến chén rượu khác, chưa hề đụng đũa. Vùng trán rần reo màu quang dầu đã hơi hơi bóng

lên. Đôi mắt bao giờ cũng nhìn thẳng ra ngoài sân, cái nhìn trảng qua một làn hơi men rượu, vừa lơ đãng vừa dữ tợn lướt trên đầu mọi người.

Bữa ăn vẫn lặng lẽ, nhưng đã báo hiệu một đêm khác.

Từ đầu bữa, Lân cứ cắm cúi ăn, Lân là một tay ăn khỏe có tiếng và cũng làm khỏe. Một hôm, cậu ta ra sân kho thấy chất một đống lúa cao lù lù. Giữa lúc đang gặt rộ, ông Vàng chủ nhiệm hợp tác xã không tìm đâu ra người đập, Lân xắn tay áo lên, bảo: "Bác cứ nấu cho cháu một nồi ba cơm, rõ đây, từ giờ đến khuya là cháu đập xong!". Chị Quý cũng đứng đấy, chị mắng con và đỏ mặt vì ngỡ ngàng: "Chao, nó làm như ở nhà không bao giờ được ăn no nê, phải đi xin đập lúa cho hợp tác xã để mà ăn không bằng". Những bữa cơm đạm bạc ở nhà, có miếng gì ngon, Lân phải nhường lữ em. Nhưng hôm nay ở đây, cậu ta có quyền ăn tùy thích. Lân tự thấy mình là một nhân vật quan trọng trong bữa cơm hôm nay.

Lân không uống rượu quen. Cốc bia của cô Tốt ngoài cửa hàng càng ngấm, mặt Lân đỏ lựng. Cậu ta gắp một miếng thức ăn rồi đưa cặp mắt vui vẻ nhìn tất cả mọi người trong gia đình quây quần xung quanh mâm cơm. Giữa lúc phấn khởi, Lân thốt lên một câu ngây thơ: "Giá bây giờ anh Bân khoác cái ba lô lù lù về đầu ngõ thì thích quá nhỉ?" làm mọi người bật cười. Tiếng cười bao giờ cũng làm cho người ta xích lại gần nhau. Bác Thịnh đang và dở miếng cơm, nghe Lân nói, bác liền sức nhớ đến Bân. Bác cầm chiếc bát không trên tay, nhìn Lân qua tròng mắt đục và đã hơi ướt. Thùy giành lấy chiếc bát, xới cơm cho bác. Cô nhìn ba gian nhà trống trải, mọi đồ vật đều in dấu vết những ngày mình còn ở đây, mọi đồ vật ấy đều in dấu vết bàn tay khéo léo của một người con trai lớn trong gia đình đã vắng mặt.

Bác Thịnh đón lấy bát cơm trong tay Thùy, nhưng lại sẻ cho chị Quý một nửa:

- Dì ăn hộ tôi một nửa, như thế là tôi no rồi...

Ông cụ ngồi giữa, vẫn chỉ uống rượu. Từ đầu bữa, ông cụ chẳng nói chẳng rằng, bỗng quay xuống nhìn bác Thịnh bằng cặp mắt trách móc và thông cảm:

- Sao đã no?

Rồi tự tay ông cụ xới thêm cơm, gấp thức ăn cho người con dâu cả một cách lặng lẽ. Với bác Thịnh, ông cụ vừa coi như con, lại như một người bạn đường đời. Con gái thì đi lấy chồng xa, dù yêu mến bố đến đâu, hai người con gái cũng đều quên mất ông cụ. Con trai, anh bị giặc Pháp giết hồi làm du kích, anh đi thoát ly công tác. Cái nhà này chỉ còn hai người như đôi bạn chèo lái hiểu rõ tính nết nhau, sẵn sàng hi sinh cho nhau, đã cùng nhau qua nhiều bước khó khăn và hiểm nghèo. Ông cụ thuộc loại người già uống rượu không bao giờ say, càng uống lại càng tỉnh táo. Hơi men chỉ làm cho ông cụ thêm linh lợi.

Ông cụ chiêu một ngụm, lau miệng bằng cái khăn mặt đen xin rồi ngoảnh sang nhìn đứa cháu đang cầm cúi ăn:

- Lân, cháu đã sẵn sàng chưa?

- Cháu chẳng phải chuẩn bị gì hết, cứ thế này là đi!

Ông cụ chống tay vào đùi nhìn tận mặt đứa cháu bằng cái nhìn khác thường. Những sợi lông mày dài, bạc như cước rủ xuống hai tròng mắt vẫn lên những tia máu. Cái nhìn của ông cụ thật dữ dội, như ném lửa vào mặt đứa cháu. Chưa bao giờ ông nhìn Lân bằng con mắt như vậy. Đoạn, ông lão ngồi thẳng người lên, đưa tay gạt chén rượu sang một bên. Những nếp răn chứa đựng tất cả nỗi đau đớn và phần uất trong cuộc đời hẳn rõ như những nét tạc trên khuôn mặt:

- Ông biết rồi nay mai cháu sẽ được phát quần áo, giày, mũ. Chẳng phải như hồi các anh Vệ quốc đoàn ngày xưa, bây giờ Chính phủ đã cấp phát cho các cháu đầy đủ. Nhưng ông muốn hỏi cháu cái này - Ông cụ đặt bàn tay to lớn và đen sạm của người thợ đất trùn lên mé ngực - Cháu ạ, Tổ quốc, giang sơn ta đặt ở đây! Cháu làm thằng con trai thì phải hiểu lấy. Suốt mười năm trời nay, thằng Mỹ giày xéo nước Nam mình, đã giết đồng bào mình trong miền Nam tưởng máu đã chảy thành sông, xương đã chất thành núi. Cháu đã làm thằng con trai thì cháu phải hiểu lấy!

Không khí xung quanh bữa ăn trở nên nghiêm trang, không một ai dám nhìn thẳng ông cụ, cũng không ai dúng đũa. Từ bấy giờ, Lân cũng không muốn ăn chút nào nữa, mặc dầu thức ăn trong mâm vẫn còn đầy. Một lát lâu, chị Quý xới một bát cơm nóng, rón rén bưng hai tay đặt trước mặt ông cụ. Bác Thịnh đặt bát cơm và đôi đũa son vào tận tay ông, và đỡ dành:

- Ông ạ, ông ăn cơm đi kéo nguội mắt.

Nể lời bác Thịnh, ông cụ bưng bát cơm lên. Chén rượu vẫn còn đầy nguyên bên mâm. Ông ngồi lặng yên nhìn chén rượu, tự nhiên hai giọt nước mắt ứa ra. Ông cụ cầm chiếc khăn chấm nước mắt rồi nói với Lân: "Cháu ạ, ông chỉ tiếc là ông đã già mất rồi!..."

Từ bấy giờ, ông cụ bắt đầu ăn cơm. Ông cụ ăn hết lại đưa bát cho chị Quý. Đến lúc ấy, ông cụ mới nhìn xuống phía dưới, thẳng vào chị Quý và nói bằng cái giọng trầm trầm bình tĩnh, cái giọng vẫn bảo ban con cháu trong nhà hàng ngày:

- Nhà Quý này, chị coi lại cái gì cần thì chóng lo liệu cho thằng Lân nó đi. Tôi cũng biết thằng Lân đi thì bên ấy mẹ con chị sẽ bán, nó ở nhà thì nó còn đỡ đần... Nhưng nhà ai cũng thế cả. Nhà này xưa nay khi nước có giặc giã, con trai chẳng ai ở nhà đâu!

Ông cụ ngừng một lát rồi lại nói tiếp, giọng nói càng dịu dàng hơn:

- Bố cũng biết rồi mẹ con mày sẽ bán. Nhưng đừng lo ngại gì, có bà con hợp tác xã, lại còn nhà Thịnh, hai chị em đùm bọc lấy nhau. Đừng lo ngại gì cả, khi nào thằng Lân đi thì bố lại vào trong ấy ở với mẹ con mày...

Ông cụ đang nói dở thì bỗng nhiên chị Quý buông đũa đứng dậy. Mọi người đều ngơ ngác. Khuôn mặt chị Quý phút chốc già hẳn đi. Từ đầu bữa cơm Thùy ngồi bên đã hiểu rõ nỗi ân hận rất khổ tâm của chị. Chị Quý đưa dải áo lên quệt ngang mắt và đi thẳng về phía buồng bác Thịnh, tấm lưng còn tròn trặn còng hẳn xuống. Chị bước tới bên cái gióng cửa thì đưa tay lên che mặt, và chẳng khác gì một đứa trẻ, chị gục đầu vào cái gióng cửa buồng mà khóc nức nở.

Mọi người đều buông đũa.

Trưa ngày hôm sau, Lân cùng mười bốn anh em thanh niên làng Kiều Sơn đã trúng "nghĩa vụ", tập trung ở nhà trụ sở hợp tác xã để kéo lên huyện đội. Mỗi người chỉ mang theo một chiếc túi lưới con đựng cuốn sổ, vài chiếc khăn mặt, quà tặng trong những buổi liên hoan chia tay của chi đoàn, của đội sản xuất, của chi bộ. Bên gốc đa mé đường cái, bà con đi gặt ngồi rất đông, đợi chia tay với anh em thanh niên lên đường. Họ đều là những người có con, em hoặc chồng, hoặc người trong họ hàng ra đi đợt này, hoặc đã đi những đợt trước. Những người đàn bà có chồng đi bộ đội từ ngày kháng chiến lần trước chột nghĩ đến những đứa con trai đã lớn, đã có thể cầm súng đi giết giặc.

Gió mùa thu thổi vào cây đa ào ào.

Đoàn thanh niên bắt đầu lên đường. Bên dãy tường đất bao quanh cái sân phơi xếp từng đống lúa vàng ngợp mắt, một hàng thiếu nhi mang trống ếch gõ theo điệu hành khúc, đoàn thanh niên theo hàng hai đi tiếp, ông Vàng, vận bộ quân phục cũ, khoác chiếc túi dết xanh đi cuối cùng. Từ trong

các dong ngô, nhà kho, vườn trê, mọi người vui vẻ tỏa ra đường cái. Tiếng cười nói, câu tiễn biệt, hứa hẹn, căn dặn.

Con đường làng trở nên ồn ào.

Cái đoàn người mặt đỏ gay, chiêng trống cờ quạt chẳng khác gì một đám rước đi tới đâu lập tức cuốn theo tất cả sự chú ý và tình cảm của dân làng. Chị Quý cũng đứng trong nhóm những người đàn bà bên gốc đa. Chị theo Lân ra đến cánh ruộng đang gặt dở thì dừng lại:

- Lân ơi, con đi cho mạnh khỏe nhé!

- Con đi dì nhé!

Chị Quý cố từ giã con một cách thật bình thản, rồi theo mọi người tiếp tục gặt. Lân quay lại, thấy mẹ mình đang đứng trong dãy người xếp hàng ngang trên đám ruộng lấp lóa ánh nắng.

Sau hôm đó, trời nổi một cơn giông và mưa suốt gần một tuần lễ. Những cánh lúa sớm ngoài cánh đồng trũng phải gặt chạy. Nước sông Kiều dâng cao, chảy cuồn cuộn.

Đấy là trận mưa cuối cùng để bước sang mùa hanh khô.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 4

Lân rời làng đi bộ đội được mấy hôm thì vết thương của Bân lành hẳn.

Một buổi sáng giữa tháng chín, Bân rời quân y viện.

Bệnh viện quân đội ở một vùng làng quê tĩnh mịch, gần lèn đá. Ở đây có những vườn na rất rộng. Đã sang giữa mùa thu mà trời còn nắng gắt. Những cành na trong vườn nhìn thẳng sang khu nhà "trung thương" đã ra một lớp lá non sau trận mưa đầu tháng, đến nay lại héo quắt. Một ngày nắng và đẹp trời trên vùng trung du báo hiệu vào buổi mờ sáng bằng tiếng gà gáy thanh thoát, một vòm trời xanh nhẹ bồng và vô vàn tiếng chim sâu kêu lách rách trong những luống đất khô nẻ trong vườn na.

Mặc dầu đã ở xa các vùng mặt trận, các thương binh đang nằm điều trị vẫn nghe tiếng súng vọng tới. Buổi sáng hôm ấy cũng như mọi buổi sớm khác, giữa không khí mát mẻ và tĩnh mịch, lúc phía chân trời đang đông hửng dần, có tiếng máy bay phản lực của địch bay rất xa. Rồi từng tràng tiếng bom nổ rền làm rung chuyển cả buổi sớm.

Các thương binh đã khỏi, da dẻ hồng hào và trắng trẻo nom như những học sinh đứng xếp hàng trong gian nhà tranh.

Một chị hộ lý có tuổi làm công việc trông kho quân trang nheo cặp mắt đen, in một quầng thâm rất rõ nghiêm nghị nhìn qua vai Bân:

- Cha nó, nó lại bỏ bom ở đâu rồi đấy, các đồng chí ạ!

Chị hộ lý nghe dứt tiếng nổ rồi mới bắt đầu làm việc. Từng người tiến đến trước mặt chị, đưa trả những bộ quần áo trắng đã nhuộm thành màu gỉ đồng. Họ trả quần áo của viện và nhận những bộ quân phục riêng của mình. Sau khi trao cho mỗi người những bộ quần áo đã tẩy, là sạch sẽ, người nữ hộ lý có tuổi lại bắt tay vào nhìn từng người bằng đôi mắt quyến luyến.

- Chúc đồng chí mạnh khỏe nhé!

Bên mặc bộ quần áo hải quân trắng tinh và soi vào gương, thấy mình hình như trẻ ra rất nhiều. Như thế là anh đã nằm liệt ở đây hơn hai tháng. Hai tháng! Quãng thời gian ấy, hồi Bên còn ở nhà, còn là một kế toán trưởng của hợp tác xã thì có là bao! Hai tháng chỉ là quãng thời gian của một phần vụ mùa, hay chưa đầy một phần vụ lúa chiêm. Nhưng đối với anh hiện nay, quãng thời gian năm điều trị ở đây sao mà dài thế, đã có biết bao nhiêu sự việc và thay đổi xảy ra xung quanh. Nói làm sao hết được những biến đổi quan trọng xung quanh người lính giữa thời chiến!

Ngày hôm đó, Bên thay quần áo xong, liền chạy đi từ biệt tất cả các đồng chí phục vụ, từ đồng chí bác sĩ điều trị đến các đồng chí hộ lý. Xong, anh khoác ba lô ra viện với nét mặt thanh thản, và không thể nào giấu được một niềm vui ngấm ngấm đang bùng lên, niềm vui của một kẻ vừa thắng cuộc.

Lệ thường ở quân y viện, các thương binh loại "trung thương" trở lên sau khi lành vết thương đều phải nằm lại khu an dưỡng một thời gian để bồi bổ sức khỏe. Họ sẽ kéo dài thêm mấy tuần lễ an nhàn, tiếp tục khoác bộ quần áo riêng của bệnh viện, hàng ngày đọc báo, nghe đài, ăn "tiểu táo" và đánh cờ. Mới nghĩ đến như thế, các chiến sĩ đã cảm thấy như mình bị cầm tù, cho nên người nào cũng ngong ngóng chờ vết thương liền miệng là lập tức xin trở về đơn vị. Với ai, đồng chí bác sĩ có vóc người cao lớn, đeo cặp kính trắng cũng nhớ đến thiếu nào:

- Đồng chí ạ, tôi rất khâm phục tinh thần của đồng chí. Nhưng làm sao đồng chí có thể hiểu rõ cơ thể đồng chí bằng tôi được? Đồng chí phải an dưỡng... Đồng chí phải biết rằng chúng ta đánh thắng Mỹ còn lâu dài, năm năm... mười năm...!

Đồng chí bác sĩ vừa dỗ dành, vừa giữ nguyên tắc cứng rắn của chuyên môn bắt buộc mọi người phải phục tùng. Các chiến sĩ cũng có cách của họ. Khi nào vết thương sắp khỏi là họ bám sát đồng chí bác sĩ. Họ tâm sự, làm thân, rồi xin xỏ... Họ thừa biết đồng chí bác sĩ rất yêu mến họ và con người như thế nhưng tính tình lại rất cả nể. Bên cũng bằng con đường ấy "lung lạc" được đồng chí bác sĩ, và thoát khỏi mấy tuần lễ nằm lại khu an dưỡng.

Trên đường về đơn vị, khi niềm thích thú của kẻ vừa thắng cuộc lắng dần xuống, Bên chợt thấy nhớ biển, nhớ tàu và các đồng chí ở nhà. Trong thời gian nằm chữa vết thương, hai lần Bên đã tường thuật tỉ mỉ trận chiến đấu của tàu T.730 của mình - một lần cho các anh chị em cán bộ và nhân viên quân y nghe, một lần khác cho một cô viết báo trên Bộ Tư lệnh xuống. Lần nào cũng thế, khi bắt đầu kể, Bên đều cảm thấy như có một bầy chim đang sải cánh bay trên đầu mình...

Buổi trưa hôm ấy, tàu của Bên đang neo ở một cái eo biển. Ở đấy, có một giống chim bé hơn con hải âu, lông trắng tuyền, cánh dài, kêu những tiếng kêu đột ngột và sắc mỗi khi chao cánh sát mặt nước.

Buổi trưa, các chiến sĩ ăn cơm xong đang chơi bài tú lơ khơ và cãi nhau âm ỉ trong khoang ngủ. Từng đàn chim bay tới đậu xúm xít trên chiếc bìa tập bắn thả giữa biển. Lúc trên tàu nổi hiệu còi báo động, Bên và Ái đang chèo chiếc xuồng con bập bênh giữa biển, hai người được lệnh đi sửa bìa để chuẩn bị đợt huấn luyện tập ngắm buổi chiều. Ái là khẩu đội trưởng pháo ở vị trí Một (1). Bên là quan sát viên. Nghe tiếng còi thét lên như xé biển, hai người chưa kịp nhìn nhau đã lao ra khỏi chiếc xuồng. Họ bơi, họ nhắm thẳng tàu mà bơi, một nửa người nhô lên khỏi mặt nước. Trên đầu họ, đàn chim trắng kêu sợ hãi và bay trốn. Hai người về tàu nhanh đến nỗi

thuyền trưởng Cương và tất cả các thủy thủ đều không ngờ! Bân chạy qua mặt boong. Anh nhảy lên chiếc thang sắt ba bậc một với cái ý nghĩ đĩnh ninh: "Mình là người quan sát, là con mắt của tàu!". Anh nhón chân trèo lên đứng hẳn trên chiếc vòng sắt và nhìn bầu trời qua những khắc ly giác của chiếc ống nhòm "vọng hải" rất lớn. Bầu trời vẫn yên tĩnh, sóng vẫn còn lên ở đường ranh giới trời và nước xa tít. Nhưng chỉ trong phút chốc, giữa tiếng sóng ào ạt, vừa sôi nổi vừa trầm lặng và rất quen thuộc chợt bật ra một âm thanh rất lạ tai, như tiếng gió vờn qua sợi dây kim khí. Bân nhận ra cái tiếng kêu rền rền của máy bay phản lực của địch không phải chỉ bằng hai tai, mà bằng tất cả cái giác quan thính nhạy của người chiến sĩ quan sát. "Như thế là cuộc chiến đấu sắp bắt đầu!". Anh chưa kịp nhắc xong với mình câu ấy thì đằng sau những vạch khắc ly giác của chiếc ống nhòm đã hiện ra hai tốp máy bay đang bay qua đường chân trời lao vào. Bân bỏ tốp đầu, đưa ống nhòm rà một lượt trên từng ngọn sóng và phát hiện thêm hai tốp khác, như những chiếc vảy cá lấp lánh trên đường viền sóng. Bân lựa một tư thế đứng cho thật vững, vẫn không ngớt báo cáo cự ly giữa tàu và tốp địch đi đầu. Lúc bấy giờ mặt biển vẫn xanh một màu xanh rục rỡ và bình thản, chẳng khác gì một cô gái phô trương sắc đẹp không đúng lúc. Trên tàu, không khí chuẩn bị chiến đấu rất khẩn trương. Các pháo thủ đã ngồi sẵn sàng, các nắp thùng đạn đã mở hết. Các pháo thủ dự bị chuyển thêm những hòm đạn dự trữ từ dưới khoang lên. Trên đài quan sát nhìn xuống, Bân hết sức mừng rỡ nhận thấy neo đã cuốn xong. Theo lệnh thuyền trưởng, tàu nổ máy rạch biển chạy về hướng mặt trời.

Qua ống nhòm, những tốp máy bay rõ dần. Bân không hiểu tại sao đến lúc ấy, anh lại bình tĩnh đến như thế, một thái độ bình tĩnh mà chính anh cũng chưa ước đoán được từ trước. Từ vụ "mồng 5 tháng 8" (2), lần đầu tiên đế quốc Mỹ xâm phạm miền Bắc, các chiến sĩ tàu T.730 chỉ mới có một số đã chiến đấu, một số khác chưa được đánh trận nào, trong đó có Bân. Đây là trận thử lửa đầu tiên của anh. Đây là cái phút mà trước đây từ lâu, anh đã nghĩ tới.

(1) Vị trí 1: Khẩu pháo đặt ở mũi tàu.

(2) Ngày 5 tháng 8 năm 1964: ngày bọn đế quốc Mỹ lần đầu ném bom miền Bắc.

- Lần đầu tiên đánh nhau, cậu có hồi hộp nhiều không? - Đôi lúc, Bân thường hỏi Ái như thế, vì Ái đã tham gia chiến đấu ngày mùng 5 tháng 8.

- Phải nói rằng có hồi hộp - Ái trả lời một cách thành thực - Ban đầu, trông cái máy bay hăn chúc xuống mình thật hoảng, mẹ cha hăn, hăn rít như còi thổi! Dạo đó mình còn làm pháo thủ số hai, ban đầu nghe tiếng hăn rít, hăn rú, bàn tay mình đặt lên cái máy ngắm cứ run bần bật. Nhưng cũng ngay tức thì mình ngược lên trông thấy hăn, lại chợt nghĩ: "Chính mày là thằng Mỹ! Chính mày đã gây bao nhiêu tội ác đối với đồng bào ruột thịt của tao trong miền Nam!". Thế đó, thế là mình hết sợ. Mình ghé mắt nhòm vào ống kính và bám sát lấy hăn, không chịu rời một cái nháy mắt mô nữa.

Ban này, Bân và Ái ngồi trên chiếc xuồng gỗ, Bân cúi xuống cầm chiếc hòm đạn tạt nước và lại nghe Ái nhắc chuyện chiến đấu. Vẫn bằng thứ tiếng nói xứ Nghệ chưa hề bị pha trộn, Ái nói:

- Mẹ cha hăn, hăn đã đào mồ chôn cha hăn ra đến tận Thanh Hóa, Ninh Bình rồi! Nghe mô mình vừa xây xong cái lăng cha thằng Giôn-xơn to lắm, có cả khách quốc tế đến viếng!... Ờ, lâu không đánh nhau kể cũng ngứa ngáy!

Ái dang thẳng đôi cánh tay rám nắng giật từng mái chèo, gió biển thổi lộng làm mảnh yếm lót bay phấp phới sau cổ. Ái nói xong một câu, lại giật một mái chèo. Bân cũng nói đùa:

- Thời buổi chiến tranh mà chúng mình phải đi ngắm bia cốt kể cũng buồn thực!

Ngay lúc đó, tiếng còi báo động kéo một hồi dài và hai người rời chiếc xuồng nhảy xuống biển để bơi về tàu.

Thực ra, thoạt trông thấy những vệt ánh sáng rất nhỏ, loá loá trước mắt, Bân còn ngỡ là một đám bọt sóng bị ánh nắng mặt trời chiếu sáng. Có gì đâu! Xung quanh tàu vẫn là mặt biển, và trời. Biển vẫn xanh và đẹp lộng lẫy. Chân trời vẫn là một vệt xanh nhạt rất yên ổn. Bân thuộc từng quãng trên đường vòng cung, đấy là lối tàu anh đã nhiều lần đi qua trên đường ra khơi, là cái cửa ngõ đi về của thuyền bè đồng bào. Khi anh đã xác nhận được, qua ống nhòm, những vệt sáng li ti không phải là bọt sóng, mà chính là những chiếc máy bay phản lực từ hạm đội thứ 7 của đế quốc Mỹ đang đổ ngoài khơi cất cánh bay vào thì đột nhiên, tận trong đáy lòng anh có một cái gì dội lên rất mạnh. Anh cảm thấy mình bị xúc phạm. Anh đưa ống nhòm bám riết lấy những chấm sáng đang nở to dần, trong lúc đó một ý nghĩ vụt đến, gần như một nỗi đau đớn về thể xác, rằng vùng biển và vùng trời thiêng liêng của Tổ quốc đã bị xâm phạm! Chính cái ý nghĩ ấy to lớn quá, bao trùm lên tất cả làm cho anh không cảm thấy mảy may lo lắng và sợ hãi.

Cuộc chiến đấu xảy ra ngay trong chớp mắt. Khắp bầu trời đã nghe ran tiếng động cơ như xé vải. Tốp máy bay đi đầu chuyển thành đội hình tấn công, tốp thứ hai bay xé ra, vòng sát mặt biển. Lúc chiếc "ép" bay dẫn đầu chỉ còn cách mũi tàu sáu trăm mét, trong một cái liếc mắt, Bân trông thấy cái gáy cháy nắng và rợn tóc của Ái. Ái cùng khẩu đội bám chặt bên khẩu pháo và tất cả mọi người đều ngược lên trời. Mặc dầu bộ quân phục của Ái đã ướt đẫm nước biển, gió vẫn thổi tốc chiếc yếm xanh bay dán vào cổ.

- Các đồng chí bình tĩnh quyết tâm tiêu diệt địch trả thù cho đồng bào!
- Ái giơ thẳng lá cờ đỏ trên tay, ráng hết hơi hét lớn. Rồi cái giọng xừ Nghệ lại cất lên sang sảng, đầy phấn nộ:

- Mục tiêu chiếc đi đầu, cự ly... góc độ... bắn!

Lá cờ đỏ phất lên như một ngọn lửa bùng cháy trước lá chắn. Tàu T.730 như một người đang đi tới bỗng vấp phải một vật chắn trước mũi, đứng sững lại đột ngột. Nước dưới chân vọt xoáy ngẫu bọt, một đám khói trắng bao bọc lấy một tia chớp ở mũi tàu. Một tràng tiếng nổ chói óc vỡ toác ra và vọng rền trên biển. Từ đó, Bản không trông rõ Ái, cũng không trông thấy các đồng chí của mình nữa, cả boong tàu chìm trong một lớp khói dày đặc, màu xám và cay sè.

Ngay loạt đạn đầu tiên của Ái, chiếc tàu rung lên. Ở trên cao, suýt nữa Bản ngã xuống biển. Để đứng vững và luôn có thể theo dõi địch, anh rời chiếc vòng sắt, bước xuống đứng dưới bệ và quàng cánh tay ôm lấy chiếc cột sắt. Hai tốp máy bay gầm trên trời, từng cặp hai chiếc một vòng tít trên cao rồi vun vút lao bổ xuống. Những cột lửa đỏ, lẫn với khói và nước dựng xung quanh tàu. Loạt đạn đầu tiên của Ái bắn trượt, loạt thứ hai của một khẩu bên mạn lọt dưới thân máy bay. Ái rút kinh nghiệm loạt đầu tiên, anh bỏ những chiếc đã bay qua, hay những chiếc làm nhiệm vụ bảo vệ cạnh sườn cho đội hình của chúng, anh bám sát một chiếc "ép" cổ dài lợi hại nhất. Bản lại phát hiện thêm hai tốp khác mới xuất hiện, cự ly ba nghìn mét, đang bay dập dờn trong bầu ánh sáng loá loá của ánh mặt trời phản chiếu xuống biển. Bản báo cáo với thuyền trưởng. Anh nhận được lệnh của thuyền trưởng Cương:

- Không được đánh sống hai tốp ở ngoài xa, hãy bám riết!

Hai tốp đầu tiên, do chiếc "ép" cổ dài ngoẵng chỉ huy lần này chia làm hai cánh bổ nhào "chéo cánh sẻ" cùng một lúc.

- Cả hai bên mạn cùng có địch! - Bản hét lên với thuyền trưởng, và cho các khẩu đội nghe cùng một lúc. Bản lại nghe tiếng Ái bình tĩnh ra lệnh hiệu chỉnh tầm ngắm.

Một giây chờ địch xuống. Tất cả đều im lặng. Tất cả các khẩu pháo trên tàu đều khạc lửa! Hình như từ đầu, con tàu vẫn giấu kín những hỏa lực mà đến giờ mới dùng tới, đợt bắn tập trung, mãnh liệt và rất đẹp chẳng khác gì một tấm lưới đỏ rực cùng một lúc tung về một bên mạn. Chiếc F.105 bay đầu đã lao vọt lên, đường bay xiết bên tai Bân. Nghe tiếng động cơ rít, cả ruột gan Bân cồn cào, anh vòng hai cánh tay ôm chặt lấy chiếc cột sắt và cảm thấy như có một bàn tay vô hình đang lay mình, chực tung mình lên trời! Khi luồng gió đã cuốn lại, anh sờ lên đầu thì chiếc mũ đã bật quai bay đi đâu mất. Hai tốp máy bay đã vòng trở lại. Tất cả các khẩu đội trên tàu lại bắn trả đồng loạt. Một chiếc liều mạng xông xuống trút một tràng bom phía đuôi tàu. Trong hàng loạt tiếng nổ và tiếng mảnh bom bay vi vu bên tai, Bân vẫn nghe được tiếng nói của thuyền trưởng Cường hạ lệnh cho anh phải bám sát hai tốp còn lảng vảng hướng Đông Nam. Từ bấy giờ, Bân chẳng khác gì một người đứng trên ngọn cây cao, giữa một cơn bão. Bom và đạn rốc két dội xung quanh tàu càng nhiều. Nhưng Bân vẫn tỉnh táo. Anh đưa tay giật mấy cành dứa ngụy trang đã khô treo trên chiếc cột sắt cho khỏi vướng, rồi lại đưa chiếc ống nhòm lên đôi nhìn khỏi mặt biển đầy ngập khói lửa.

Mãi đến lúc chiếc máy bay thứ hai bốc cháy và các đợt tấn công của địch đã thừa, lúc bấy giờ Bân mới nhận ra mình bị thương. Đầu tiên, anh thấy chân phải tê tê như bị chuột rút. Anh liếc nhìn xuống, bờ ngõ trông thấy một vệt máu dài loang ra ở ống quần và chảy xuống đọng thành vũng dưới đế giày vải. Vũng máu đã gần đông cứng, cắn chặt lấy lần cao su. "Bị thương là như thế ư?" Bân tự hỏi. Anh không ngờ người ta bị thương lại nhẹ nhõm, chẳng hề biết và chẳng thấy đau đớn. Nhưng khi anh nhấc bàn chân phải lên thì bàn chân cứ trĩu xuống, và một cảm giác nhức buốt từ nơi vết thương truyền đi khắp cơ thể. Đầu óc anh trở nên choáng váng, mắt hoa lên và thấy khát nước ghê gớm!

Chính giữa lúc ấy, hai tốp máy bay lảng vảng ngoài xa bay vun vút vào, đôi cánh bạc của chiếc bay đầu rải ra to dần trong ống kính, và Bân

hét thật to:

- Phía Đông Nam có địch - hai ngàn mét!

Thuyền trưởng lập tức cho tàu vận động về hướng trái.

Ái cũng phát hiện thấy địch cùng một lúc, bằng mắt thường. Bân lại nghe tiếng Ái hạ lệnh cho khẩu đội bắt mục tiêu mới và chuyển thêm đạn ở dưới khoang lên.

Bân đếm rành rọt:

- Một ngàn sáu trăm!

- Một ngàn!

Khi kẻ địch bay vào đến cự ly bốn trăm thước thì anh nhắc được bàn chân phải lên và đứng vững vàng bằng hai chân trên chiếc bệ sắt loang những máu. Anh đứng thẳng như một người lành lặn bình thường. Thật ra, anh cũng không chú ý và không biết mình đứng như thế nào. Anh chỉ thấy phía trước, qua mặt kính lại có "chúng nó", một cái gì vô cùng hung ác và ghê tởm làm máu trong người anh muốn sôi lên.

Đợt đánh nhau thứ hai ác liệt hơn, kéo dài gần hai mươi phút. Đài quan sát của Bân chẳng khác gì một cái cửa nhìn được mọi hướng địch. Bân lại bị thương lần thứ hai. Một mảnh bom từ phía sau cắt xiên lên trời, quật Bân ngã từ trên chiếc bệ đứng cao chót vót xuống. Anh ngã sấp trên sàn tàu, ngay bên chân chiếc thang sắt. Khi đồng chí chính trị viên chạy tới bế anh xuống hầm tàu thì anh đã bị ngất đi. Đồng chí chính trị viên phải gỡ bàn tay đã xanh nhợt để lấy chiếc ống nhòm và tự tay băng bó cho anh. Vết thương thứ hai của Bân khá trầm trọng, máu chảy loang cả nửa thân áo quân phục và chiếc yếm kẻ sọc.

Trận đánh tiếp diễn đến gần chiều, quân địch mới rút. Ái vẫn cầm lá cờ đỏ đứng sau tấm lá chắn. Anh hạ lệnh thay nòng, lắp thêm đạn và phân công lại các pháo thủ. Nhưng ngoài xa, các tốp máy bay địch đã rút thẳng. Mặt biển trở lại yên tĩnh. Tiếng sóng bị át trong tiếng bom đạn, giờ lại trở lại vỗ về bên mạn tàu. Những đám khói vàng, dày đặc tan dần. Ái cuộn lá cờ trong tay, lăm bắm với các pháo thủ:

- Mẹ cha hăn, hăn đã cặp đít cút thẳng rồi đó!

Ái lật mũ, ngược lên đài quan sát. Bây giờ, anh mới biết Bân đã bị thương.

Từ bốn phía, thuyền lưới của nhân dân đã chèo tới. Hàng chục chiếc thuyền ào ào tiến về phía tàu. Một chiếc thuyền chưa kịp cập mạn, từ sau lá buồm cói, một người con gái đã nhảy lên níu lấy hàng lan can tàu. Sau các be thuyền, bà con ngư dân tíu tít nhóm bấp, người thổi cơm, người nấu cháo. Mấy ông cụ già cứ nằng nặc đòi thuyền trưởng Cương cho lên tàu. Cả một góc biển nhộn nhịp y như sau một trận đánh trên đất liền.

Bân và mấy đồng chí bị thương đã được chuyển từ khoang tàu sang thuyền để kịp đưa vào bờ.

Băng bó xong, hơn một giờ sau Bân mới tỉnh dậy sau một tiếng nấc khê. Bân phải gắng hết sức mới mở được đôi mi mắt nặng trĩu. Lập tức, một luồng ánh sáng chói của nền trời cao lồng lộng hắt vào mắt. Anh bật lên một tiếng rên vì ngực tự nhiên đau nhói, như chính những tia sáng đang đè trĩu lên ngực. Giữa cơn mê chập chờn, Bân nghe được tiếng rên và biết đấy là tiếng rên của mình. Anh hồi hận: "Dầu đau đến mấy cũng không được rên ri". Cái cảm giác trong cơn mê, nhưng đầy lý trí ấy giúp anh thắng được tất cả. Anh lại mở mắt và cắn chặt hai hàm răng lại. Trời đã sẫm chiều. Bầu trời cao vút như chiếc cốc đựng một thứ nước xanh. Chiếc cốc đặt trên tay người làm xiếc, quay tít. Bân cựa quậy, muốn nhìn ra xung quanh nhưng cổ anh đã cứng như một khúc gỗ. Có một đám mây bay qua

trước mặt. Dần dà, anh nhận ra một mái tóc đen, một khuôn mặt. Tất cả đều lờ mờ, lúc mất lúc hiện. Khuôn mặt cúi xuống. Bên đã nhận ra đồng chí chính trị viên. Anh gọi rất khó nhọc:

- Đồng chí Lạc...

- Không phải... Em đây mà!

- Cho... nước!

- Anh cố chịu khát... Anh không thể uống nước được...

Bên đang nằm trên đôi cánh tay một cô gái làng chài, đôi cánh tay áo nâu còn dính những chiếc vảy cá. Người con gái ngồi trên một chiếc thuyền lưới. Trên mặt ván sạp ở đằng mũi, chắt một đồng lưới lẫn với cá vừa kéo lên chưa kịp gỡ.

Về chiều tối, sóng mạnh hơn và trời hơi lạnh. Chiếc thuyền đã căng buồm, sắp chạy. Ái ôm chiếc chần bước xuống thuyền. Ái mang chần đập cho Bên vì sợ anh lạnh. Bên đã tỉnh. Vết thương ở ngực càng đau nhói, như có người cầm dao nhọn khoét vào. Anh lại nghiêng chặt răng. Mồ hôi trên trán vã ra. Lại một cuộc vật lộn thềm lặng.

Ái trải chiếc chần trần thủ còn mới lên người Bên và lay gọi:

- Bên, cậu thấy trong người thế nào?

Bên nhìn một lát mới nhận ra Ái. Trong khoảnh khắc hoàn toàn tỉnh táo, đợt chiến đấu ác liệt cuối cùng hiện ra. Anh chợt nghĩ đến tàu, đến các đồng chí của mình mà hỏi:

- Tàu mình có... việc gì không?

- Không can gì hết. - Ái xòe bàn tay đầy những vết bồng - Ta hạ được tất cả năm chiếc!

Một niềm vui lướt nhanh trên khuôn mặt Bân. Rồi anh lật tấm chăn, và nhận ra không phải chăn của mình. Anh nhìn Ái và lắc đầu.

Ái bảo:

- Chăn mình đó, cậu cứ mang đi mà dùng, bao giờ cậu về sẽ đổi.

Bân vẫn lắc đầu rất khó hiểu.

Ái chợt hỏi thầm với mình: "Nó đang nghĩ gì lạ thế nhỉ?".

Ái nhìn khuôn mặt Bân đã trắng bệch như sáp và cảm thấy lòng đau như thắt. Trên khuôn mặt ấy, nỗi đau đớn vì vết thương, và tất cả nghị lực trong người dồn lên để chế áp nỗi đau cùng hiện lên. Ái cầm mép chăn trùm kín ngực Bân. Anh cúi xuống sát mặt bạn và nói bằng cái giọng chắc nịch, gần như gắt:

- Tớ cam đoan chỉ hai tháng, cậu lại về đứng ngất ngểu trên đài quan sát cho mà coi. Cậu nghĩ cậu sẽ chết hử? Chỉ nghĩ vớ vẩn!

Suốt mấy giờ liền, người con gái vùng biển lạ mặt cứ ngồi lặng yên không hề động đậy, đôi cánh tay ôm ngang người Bân cũng không động đậy. Duy có đôi mắt đã hơi ướt, đỏ hoe dần ngược nhìn Ái như muốn dò hỏi một điều gì.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 5

Đúng như lời Ái, sau hai tháng điều trị và bồi bổ sức khỏe, hôm nay Bân đã lành và càng khỏe mạnh. Anh đang trên đường trở về đơn vị.

Về đơn vị! Ý nghĩ ấy như một nốt nhạc cứ ngân lên trong lòng Bân. Bân tự hỏi tàu mình đang đậu ở bến hay đã ra biển? Anh nhớ những đêm "trực canh" một mình, một tàu, một biển. Biển đang gào thét, cuộn cuộn những đợt sóng cao ngất chạm tới những đám mây xám, hay biển đang trở màu xanh trong vắt có thể nhìn thấu tận rốn biển, và con tàu xé nước chạy một giờ hàng chục hải lý mà không một gợn sóng trào lên boong? Bân nhớ những khuôn mặt, tính nết từng người, những mẩu chuyện tâm sự của các đồng chí trong tiểu đội giữa những đêm lênh đênh ngoài khơi.

Anh đi rất nhanh, chỉ mong chóng về "nhà".

Một buổi trưa, Bân vừa qua một bến phà thì nghe tiếng máy bay phản lực rất nặng từ phía đông dội lên. Tiếng động cơ mỗi lúc một to. Con đường đá hai bên lề mới giống vệt những cây chuối bông văng teo. Quả thật, Bân chưa quen cảnh báo động máy bay trong đất liền.

Trong không khí vắng lặng hình như đang nén lại, sau một lùm cây bên đường bông cất lên một chuỗi cười giòn tan. Tiếng cười lẫn tiếng bánh xe lăn trên đường đá khắp khênh. Tiếng cười càng gần, sau lùm cây hiện ra một tốp bốn cô gái đang đẩy chiếc xe bò.

"Anh bộ đội đây giúp chúng em một tay nào!". Cô gái kéo xe lên tiếng reu ghẹo. Bân lúng túng, cuối cùng cũng phải đặt tay vào sau tấm ván ngăn.

Qua vài câu chuyện, Bân biết họ là công nhân ở một cung giao thông trước mặt. Phía trước, cách một cây số có một chiếc cầu xi măng mới xây. Ngày nào "chúng nó" cũng mò đến. Bom đạn đã có thể lát kín mặt cầu. Cầu vẫn còn nguyên nhưng hai bên dốc cầu chúng nó đã đào nát.

Buổi chiều hôm ấy, Bân nghỉ lại ở cung giao thông.

Anh theo mấy người con gái đi qua một khu nhà gạch đổ nát - nhà ở cũ của họ - rồi men theo một con đường mòn chạy vòng theo cánh rừng cây cối rất rậm rạp. Dưới mé suối, có nhiều tiếng cười nói lao xao và thấp thoáng bóng người. Bân nhận ra có một đơn vị bộ binh, có lẽ là tân binh, đang trú quân trong rừng. Dọc hai bên bờ suối, ở những quãng trống, từng nhóm bộ đội quần áo mới toanh, đang nói chuyện, tắm giặt hay đang ngủ.

Lán "sơ tán" của anh chị em công nhân giao thông nằm bên chân đồi, gồm hai dãy nhà mái lợp và vách che đều bằng cỏ gianh. Trông qua quang cảnh khu lán, cũng thấy chỗ ăn ở của anh chị em công nhân thật sơ sài, có phần bừa bộn. Bên dãy lán nữ nằm đối diện là một khoảng đất trống để rải rác vài mảnh thân máy bay, những dây thùng phuy dầu, áo lót phụ nữ nhuộm màu cỏ úa phơi trên hàng rào. Sát bên vách lán xếp từng đống hòm gỗ đựng các tút đạn cao xạ 37 ly. Quá vào phía trong một trệt đồi làm một trận địa cao xạ nom xa như một cái tổ mối. Đây là trận địa bảo vệ chiếc cầu xi măng và đoạn đường trước mặt. Bân khom lưng chui vào một chiếc lán. Trên dãy sạp bằng nửa kéo dài suốt năm gian nhà, vẫn chỉ thấy lính. Những người chiến sĩ còn trẻ măng, có lẽ vừa qua nhiều đêm hành quân thức trắng, đang lăn ra ngủ một cách hết sức ngon lành. Trên những khuôn mặt trẻ, tuy đã hơi sạm đen và nhuộm màu cát bụi đường trường, nhưng Bân nhìn kỹ vẫn thấy phảng phất cái vẻ ngây thơ và non nớt của những người lính mới nhập ngũ. Ngoài cửa lán, một đồng chí đeo quân hàm thượng sĩ đỏ (1) vẫn còn thức, đang chăm chú dạy cho một em bé tập bập bẹ đánh vần.

(1) Quân hàm đỏ: quân hàm của bộ binh.

Bân đang ngơ ngác nhìn quanh để tìm một chỗ nghỉ thì anh thượng sĩ đứng dậy. Anh ta đưa Bân về phía góc lán, xếp cho anh một chỗ nghỉ thoải mái rồi hỏi:

- Đồng chí vừa ở viện 8 ra phải không?

Bân ngắm anh ta. Trông anh giống như một người chiến sĩ tình nguyện mới tái ngũ, nét mặt già dặn và hơi khắc khổ, có vẻ từng trải. Bân chưa kịp đáp, anh ta đã nói tiếp:

- Vùng này là phạm vi đóng quân của đơn vị chúng tôi, cho nên tôi thuộc lắm. Các đồng chí hải quân đã lên đến đây thì chỉ một là đi viện 8, hai là đi nghỉ phép - Anh thượng sĩ cười - Mà cái chuyện phép tắc của con nhà lính thì đã "phăng teo" từ lâu rồi!

Bân làm quen rất nhanh với người bạn mới. Anh là trung đội trưởng của một đơn vị pháo cao xạ, đã từng chiến đấu nhiều trận, và đã qua nhiều trận địa. Anh đưa tay chỉ những người chiến sĩ trẻ đang ngủ bên cạnh: "Hơn một tháng nay, tôi phải về các tỉnh tiếp nhận anh em tân binh để bổ sung cho các đơn vị mới của sư đoàn".

- Tân binh ở những đâu? - Bân hỏi.

- Phần nhiều ở vùng xuôi.

Trong lúc hai người nói chuyện, anh thượng sĩ luôn ngắm bộ quân phục màu nước biển của Bân rồi bỗng thốt lên:

- Tôi cứ ước được như các đồng chí. Mình với chúng nó "quật" nhau giữa biển khơi, thích hơn!

Bân ngạc nhiên, hỏi:

- Vì sao thế?

- Các cậu không thể thấy hết được như cánh cao xạ chúng mình đâu - Anh đổi cách xưng hô và tiếng nói rít qua kẽ hai hàm răng - Các cậu không ngồi trên trận địa giữa mặt đất, các cậu không thể thấy hết được tội ác của thằng Mỹ đâu!

Từ lúc mới đến, Bân đã để ý đến một em bé trạc lên năm, sáu tuổi, hai má bầu bĩnh, mắt sáng, ngồi trên một chiếc hòm đạn kê trước cửa lán, đang ê a tập đánh vần mấy chữ cái. Quyển vở để trên hai chiếc hòm đạn khác chồng lên nhau thành một cái bàn, trên tấm lưng bé nhỏ của em bé cũng khoác một mảnh vải màn nhuộm xanh ngụy trang trông đến ngộ nghĩnh.

Anh thượng sĩ quay ra ngoài, gọi:

- Lan, cháu vào chào chú hải quân đi nào!

Cô bé vén tấm áo ngụy trang dài lượt thướt, chạy tới ngược cặp mắt đen láy: "Cháu chào chú ạ!".

Bân âu yếm ôm lấy em bé và luôn miệng hỏi:

- Bố mẹ cháu đâu?

Anh thượng sĩ lập tức nhồm dậy, anh nói rất lớn át câu hỏi của Bân, bàn tay khê đẩy vào lưng em bé:

- Lan! Cháu học bài thuộc rồi chứ? Chú cho phép cháu đi chơi, cháu chạy ra sân mà chơi nhé!

Vẻ hấp tấp gần như bối rối của đồng chí thượng sĩ khiến cho Bân phải để ý. Anh hỏi nhanh:

- Bố mẹ cháu ở đâu, hả đồng chí?

Anh thượng sĩ chờ cho em bé đã đi khuất rồi mới kể:

- Cháu bé ấy là con gái đồng chí trưởng cung giao thông ở đây. Tôi dặn đồng chí việc này: đồng chí nhớ đừng hỏi chuyện gia đình nó. Nó sẽ khóc không đỡ được đâu. Dạo tháng năm, trong một vụ mười ba máy bay Mỹ ném bom một làng ven sông Mã, cả nhà cháu ngồi chung một hầm bị chết tất cả, chỉ một mình nó lúc ấy đang chơi ở nhà bà ngoại là còn sống sót. Hôm ấy, nó ở bên nhà bà ngoại về, cứ ngồi bệt xuống bên thành hố bom trước cửa nhà mà gọi mẹ, gọi em, hai con mắt cứ nhìn đau đau xuống đáy hố, trông đến xót ruột! Chính tôi đã đưa cháu từ trong Thanh ra ngoài này giao cho bố nó, hồi đơn vị cao xạ của chúng tôi từ vùng Hàm Rồng chuyển ra chiến đấu ở ngoài này.

Nghe xong câu chuyện ấy, trong lòng Bân có cái gì cứ thắt lại. Cả đồng chí thượng sĩ và Bân đều ngồi yên lặng.

Khoảng ba giờ chiều, máy bay địch lại kéo đến bắn phá ngoài cầu.

Em bé nhận ra tiếng máy bay rất sớm. Lúc nghe trảng bom đầu tiên nổ rền cả khu đồi, Bân vội vàng ôm chặt lấy nó: "Cháu đừng sợ. Đã có chú! Cháu đừng sợ!". Mặc dầu Bân cố an ủi, em bé vẫn run cầm cập, đôi mắt đen láy như vừa phủ một màn mây xám. Bân đưa em bé xuống hầm rồi chạy lên đồi cao.

Bân vừa chạy lên đến lưng chừng quả đồi phía sau dãy lán thì bỗng nghe tiếng một cô dân quân kêu lớn: "Chúng nó ném bom làng Lũ rồi!". Bân đặt bàn tay khum khum trước trán để che nắng. Ngoài ra, bên kia khúc sông nhỏ chảy từ chiếc cầu xi măng trắng xóa ra giữa cánh đồng, một cột khói bốc lên như một cái nấm. Chiếc máy bay địch chúc xuống thả một trảng bom rồi bay vút lên cao. Một loạt tiếng nổ dội đất. Ban đầu, Bân cứ tưởng chúng nó đã thả bom trúng chiếc cầu, nhưng không phải, Bân trông thấy ngọn lửa đỏ bốc lên từ một cái xóm. Lửa liếm trên những mái nhà, những ngọn tre, ngọn lửa mỗi lúc một cháy to thêm, những đám khói vàng

theo chiều gió bay tạt sang phía bên này đường cái. Bân đứng nhìn ngọn lửa và nhìn đám khói vàng đặc.

Gần nhọ mặt người, anh mới sửa soạn lên đường. Ra đến quãng gần chiếc cầu xi măng, giữa quang cảnh náo nhiệt và chen chúc trên con đường cái lúc trời vừa sắp tối, Bân vẫn không sao quên được hình ảnh em bé con người trưởng cung giao thông và trận máy bay địch ném bom xuống làng xóm.

Trận bom ban chiều vẫn chưa phá được cầu. Chiếc cầu vẫn nguyên vẹn, nằm trắng xóa. Những quả bom chỉ đào thêm những chiếc hố sâu, đất đá tung lên năm ngổn ngang hai bên lề đường. Anh chị em công nhân cung giao thông được dân quân trong các xóm ra phối hợp, đang chữa quãng đường bị phá hoại. Bân lại nghe rõ tiếng cười giòn giã của mấy cô gái tinh nghịch mà anh đã gặp.

Trời tối hẳn. Bên trái cầu, ngọn lửa vẫn còn bốc lên từ cái xóm nhỏ. Một đồng rơm giữa cánh đồng đang cháy âm ỉ, thỉnh thoảng một cơn gió lại thổi tung đám tàn lửa đỏ rực bay lên cao. Xung quanh Bân, mùi rơm rạ và lúa cháy, mùi ét xăng, mùi thuốc đạn xông lên nồng nặc. Không biết từ những đâu, người và xe cộ túa ra trên đoạn đường cái. Đơn vị tân binh hành quân thành hàng một, các chiến sĩ khoác súng trường hoặc tiểu liên, quân phục còn mới kê loạt soạn, những người đi đầu đã sang bên kia cầu mà đuôi đơn vị còn vất trong cánh rừng, dọc theo bờ suối.

Bân đang bước dò dẫm trong bóng tối bên một hố bom sát cầu thì từ trong đoàn chiến sĩ tân binh đang hành quân, một bóng người tách ra khỏi hàng, chạy gần như lao về phía anh và hét rất to:

- Anh Bân!

Bộ quần áo mới phát còn nguyên nếp hồ kêu loạt soạt. Mùi vải mới. Giọng nói quá quen thuộc. Bân đã nắm tay người chiến sĩ trẻ, mà vẫn chưa nhận ra ai. Cái bóng người nhỏ nhắn, đứng kề sát bên anh liền thốt lên một tiếng kêu khác, gần như reo lên:

- Em đây mà, Lân đây!

Bân cứ ngỡ mình đang nằm mơ. Trong bóng tối, anh đã nhận ra đôi má đầy đặn, cái mũi, đôi mắt và giọng nói mới vỡ. Đúng là thằng em mình. Anh mừng quýnh. Thằng em trai mà hồi ở nhà, anh thường phải kêu ca vì hay cãi lại mẹ và trốn nhà đi chơi rong suốt ngày ngoài bãi biển, bây giờ nó đã khoác bộ quân phục bộ binh vừa khít, đang đứng ở đây, bên cạnh mình. Bân không kịp hỏi han, vì con đường sát cầu chật ních. Anh nắm tay Lân lôi đi:

- Chúng mình phải len mà lên thôi!

Hai anh em len lỏi giữa đám công nhân chữa đường và xe cộ, rồi đi men theo bên lề cầu treo lưng lảnh những cành cây dừa dại. Còi ô tô "pin pin" rúc từng hồi dài. Tiếng cười nói, thúc giục, gặt gồng. Anh thượng sĩ bộ binh mà Bân vừa gặp ban chiều phụ trách một trung đội đang hành quân qua cầu, anh thượng sĩ hỏi vọng vào trong xóm:

- Có can gì không hả bà con?

Một người đàn bà đứng bên cạnh đồng rạ đang cháy giữa đồng trả lời:

- Người chạy được cả. Tiên nhân cha nó! Nó đốt sạch hết nhà cửa rồi!

Bân chỉ Lân giới thiệu với đồng chí thượng sĩ:

- Thằng em tôi đấy!

Bên và Lân đã qua bên kia cầu. Vẫn những hố bom. Vẫn ngổn ngang người và xe cộ. Bên kia cánh ruộng nước, cái xóm cháy hắt lên nền trời những tia sáng đỏ như một cái ráng lửa chiếu thẳng vào khuôn mặt hơi r ám nắng và vành mũ bọc lưới của Lân.

Lân được phép ra khỏi hàng để nói chuyện. Đến một quãng đã hơi thưa, Bên vỗ vai Lân, hỏi:

- Em ở nhà ra đi đã lâu chưa?

- Em mới đi được hai tuần - Lân hấp tấp hỏi - Sao anh ở đây?

- Anh ở quân y viện ra, bây giờ trở về đơn vị.

- Anh đánh nhau bị thương ư? - Lân nhìn Bên chòng chọc, và nghĩ đến việc đã lâu anh mình không có thư từ gì về nhà. Bên hỏi:

- Làng ta hồi này thế nào?

Lân vẫn nhìn anh bằng cặp mắt vừa tò mò vừa kính phục:

- Anh bị thương vào đâu?

- Vào ngực, cánh tay, nhưng chẳng hề gì cả. Làng ta hồi này thế nào?

- Làng ta vẫn như thế, chỉ có một điều là thanh niên đi bộ đội rất đông. Chúng nó cũng mới bắn phá sơ sơ thôi. Lúa sớm đã bắt đầu gặt...

- Lúa có tốt không?

- Tốt lắm. Hôm em ra đi, ở nhà đang gặt...

Hai người đi xuống quãng đường dốc đổ từ cầu xuống. Xung quanh như có một dòng thác chảy xiết, đoàn quân và các thứ xe từ khắp các chân đồi, mép rừng, từ trong các khe suối lũ lượt kéo ra đường, cứ dồn tiếp lên

mãi. Phía sau, đoàn xe ô tô chạy bằng xích kéo pháo cao xạ đang gầm rít và vượt qua trước mặt hai người, những chiếc nòng pháo đồ sộ chĩa thẳng lên trời.

Lân vừa kể chuyện nhà, vừa ngắm anh với tấm lòng đầy kính phục. Qua con mắt của Lân thì Bân đã được chiến đấu, đã bị thương, và điều ấy là tiêu chuẩn chính để định giá trị một người chiến sĩ bộ đội giữa thời chiến. Người anh ruột đi bên cạnh thật xứng đáng cho Lân kính nể và tự hào! Lân hết nhìn Bân lại nhìn những người chiến sĩ đội mũ sắt ngồi chễm chệ trên những bệ súng cao xạ. Cậu ta luôn đưa mắt ngắm xung quanh. Cảnh náo nhiệt và hùng vĩ trên quãng đường hành quân hoàn toàn chiếm lấy cả tâm trí Lân. Trong trí nhớ của cậu ta, khung cảnh gia đình, cánh đồng làng Kiều và những ngày cắp sách đi học như đã hoàn toàn bị xóa mờ. Ngay từ hôm rời huyện đội đến nơi tập trung, một bãi cỏ rất rộng ở đó mỗi người được phân chế vào một đơn vị, Lân tự thấy mình đã hoàn toàn dứt bỏ quãng đời một người thanh niên bình thường. Trên bãi cỏ sẫm bóng, hàng ngàn thanh niên mới nhập ngũ được phát súng và đồ quân dụng (riêng đơn vị của Lân được phát ngay từ khi còn ở huyện đội). Đêm đầu tiên ngủ chung với tiểu đội trên những tấm bạt trải giữa bãi, Lân cứ thao thức nằm đếm sao. Mới chợp mắt, hai giờ sáng đã có lệnh báo động. Tất cả cuốn chăn, bạt vội vàng nhét vào ba lô. Không khí cấp rập, khẩn trương và náo nức như sắp ra trận. Hay là ra trận thật? Lân say sưa ngay với không khí ấy. Thế là bắt đầu những chặng đường hành quân. Chẳng ai biết đi đâu, ban ngày gặp làng trú quân trong làng, gặp rừng, suối, trú quân bên rừng, suối. Đêm lại hành quân. Lân hỏi các cán bộ tiểu đội, biết đã sắp về đến vùng đóng quân của sư đoàn và sắp tới sẽ có một cuộc phân chế chính thức để bước vào đợt tập luyện quân sự. Lân nghĩ đến việc luyện tập quân sự một cách vừa tò mò vừa háo hức. Nhất định phải có những môn học như trinh sát, đặc công chẳng hạn! Nhưng ngay bây giờ, những ngày hành quân, trú quân với biết bao nhiêu công việc mới lạ cũng đã làm cho Lân hết sức say mê.

Lân đi sát bên cạnh anh. Bận lúc này đang nghĩ đến gia đình, anh hỏi Lân:

- Liệu em đi rồi ở nhà dì em có bận lắm không?

- Không sao, ở làng bây giờ nhà ai cũng thế cả. Hôm em ra đi thì ông đã vào ở với dì em.

- Ông có khỏe không? Sao ông lại vào trong ấy?

Lân kể tình hình gia đình đã đoàn tụ, và bữa cơm tiễn chân mình ở bên nhà Bận, mẹ mình cũng vào.

Bận hỏi:

- Ở nhà, u anh và ông vẫn không biết anh bị thương chứ?

- Không.

Bận hết sức mừng vì sự xích mích ở nhà đã tạm thời được dẹp lại. Bận lớn tuổi, và biết suy nghĩ hơn nên anh hiểu hết những chuyện trong gia đình mình, tất cả đều có những nguyên nhân sâu xa từ lâu ngày. Bận hiểu hết tính tình từng người ở nhà. Anh biết, những chuyện ấy không phải đã được thu xếp ổn thỏa, mỗi người vẫn có những ý nghĩ riêng của mình, nhưng dầu sao, như thế vẫn là điều đáng mừng. Tự nhiên, Bận thấy nhớ nhà, nhớ xóm đồng muối và cửa sông Kiêu có lẽ dạo này đang giữa mùa nước sa. Bận còn nhớ hồi mình mới vào bộ đội, anh trông thấy mâm cơm, nhìn ngọn đèn cũng nhớ nhà. Đến khi anh xuống tàu thì cái chứng bệnh "lính mới" ấy mới khỏi, và cảnh sống gia đình chỉ còn là một kỷ niệm, anh đã hòa mình vào cuộc sống tập thể ở dưới tàu. Đến bây giờ, quê hương đối với anh không phải chỉ là một cái làng Kiêu, mà là một cái gì rất chung, là khung cảnh của cả đất nước: một bãi cát, một cánh buồm, một ca nước ngọt, một khuôn mặt đồng bào làng chài. Bận còn nhớ có một lần sau hàng tháng trời lênh đênh giữa khơi, tàu gặp một cơn bão dữ dội. Sau cơn bão, tàu lại tiếp tục đi tuần

biển. Trên đường đi, bỗng gặp một dòng nước ngọt màu đỏ quạch có lẽ tuôn ra từ một cái cửa sông nào đó, chỉ có thể thôi mà tất cả anh em trên tàu đều hết sức mừng rỡ! Hôm nay tuy không về nhà, nhưng được đi bộ trên con đường dài giữa đất liền, được gặp Lân, Bân đã thấy sung sướng lắm, niềm hạnh phúc có lẽ chỉ những chiến sĩ thủy thủ mới cảm thấy hết được.

Đi hết quãng đường bị bom phá, hai người bỗng nghe tiếng máy bay rần rần. Trước mặt, cách một rặng núi đá đen sậm bạt lên mấy ngọn đèn dù máy bay địch vừa thả. Một loạt bom nổ. Lân ngược nhìn ra phía trước, xoắn lại quai súng rồi giật tay ra khỏi tay Bân: "Thôi, anh mạnh khỏe, em đi nhé!" Bân chỉ kịp siết chặt đôi vai nở nang của đứa em vào giữa ngực mình và dặn thêm mấy câu. Lân chạy vút về phía trước. Đại đội của Lân đã đi qua từ lâu. Bân nhìn theo hút Lân, chỉ thấy con đường đá dốc tối om và những mũi súng nhấp nhô giữa hai bờ lau rậm xào xạc.

Phía sau, trên chiếc cầu, cách một quãng rất xa, vẫn tập nập người và xe pháo. Cái ráng lửa hắt lên từ cái xóm cháy ở gần cầu đã tụ vào xung quanh một đám mây, trông xa chẳng khác nào một chiếc lưới kiếm nung đỏ.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 6

Con sông Kiêu đang giữa mùa nước sa.

Đoạn sông trước cửa trường học ngày càng đỏ sậm. Nước thủy triều từ ngoài khơi đổ vào, con nước sa từ trên thượng nguồn đổ xuống, các cụ già kể rằng ngày xưa cá chép vượt qua được ba cửa xoáy nước và sóng lừng ở cửa sông Kiêu mới hóa thành rồng.

Thùy đã quen với những mùa nước, với tiếng nước nguồn réo ầm ầm hai bên bờ làm đổ sập từng tảng đất. Mỗi buổi tối, Thùy nghe buổi phát thanh "dự báo thời tiết" báo có mưa to vùng thượng nguồn, qua một đêm, cô thức giấc trông ra thấy nước đã lên láng bãi cát, dải rừng sú kéo dài bên kia sông cũng đầy ắp nước. Rồi chỉ trong một vài giờ, con nước sa đã tuôn đỏ ngầu cửa sông, cái vạch nước biển xanh đang ngấp nghé bị đẩy lùi ra ngoài mặt biển xa tít.

Bên kia sông Kiêu, xóm làng rất vắng. Hồi Pháp thuộc đây là vùng trộm cướp ầm náu. Suốt dải bờ biển dài ước khoảng gần mười cây số chỉ có vài ngôi nhà đèn biển bỏ hoang phế nằm giữa một cánh rừng sú mọc dày đặc, kéo dài. Những cây sú lâu năm cao một đầu một với, lá dày và xanh, lớp vỏ ngoài đen sạm, từ thân cây mọc ra hàng chục nhánh rễ cắm chặt vào lớp bùn đen quánh. Rễ sú mọc chắm và sâu. Hồi kháng chiến, các vị trí địch ở các vùng lân cận và tàu ngoài khơi hàng ngày dội vào không biết bao nhiêu là đạn đại bác nhưng cánh rừng sú vẫn không hề suy suyển. Bom đạn chỉ phạt gãy ngang thân cây nhưng không tài nào nhổ lên được một gốc sú. Trong những năm phong trào đen tối nhất, cánh rừng sú là căn cứ địa vững chắc của du kích Kiêu Sơn và các làng xung quanh. Tây càn quét

trong làng, ngoài đồng nhưng không lần nào một tên lính lọt vào được cánh rừng rậm rịt và bí hiểm.

Hợp tác xã Kiều Sơn bắt đầu những ngày gặt đại trà. Trận mưa tháng chín đã qua. Gió hanh bắt đầu nổi. Mỗi buổi sáng sớm, lúc bên kia sông Kiều vang rộn lên tiếng kêu, tiếng đập cánh của đàn chim le le và đủ các thứ chim chóc, và một bầu sương muối dày đặc vẫn còn rơi làm mờ đục cánh rừng sù thì bên này sông, hàng chục chiếc đò gỗ hẹp, hình con thoi chờ từng đồng lúa mới gặt đã lướt thành hàng dọc trên quăng kênh thủy nông về bến sân hợp tác xã. Cả thuyền và lúa, cùng vạt sân xếp lúa đều ướt đầm.

Trong làng, những tay hái gặt nhanh, những tay đập lúa nổi tiếng đã đi vắng. Người vẫn cứ ùn ùn ra đi: Thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến. Đàn bà bây giờ bó lúa, xóc lúa thay cho đàn ông. Từ hôm bắt đầu gặt đại trà, mỗi người khỏe mạnh trong làng xé ra làm hai, làm ba để làm hết việc ngoài đồng. Gà gáy lần thứ nhất, trong các bếp đã đỏ lửa. Và miếng cơm vào miệng, bước chân xuống ruộng mà con mắt còn cay. Lúc nắng hanh buổi sớm bắt đầu le lói, có đám lúa đã gặt gần xong. Cuối ruộng còn đang gặt, một hàng nón dàn hàng ngang tiến về vạt lúa chín sát bờ, tiếng hái xén thân cây lúa rào rào. Trong lúc đó, ở đầu ruộng vừa gặt xong, hai ba người đã đánh trâu xuống cày vỡ. Những luống đất cũng vội vã trở mình chờ nắng ải, tháo nước để kịp làm vụ chiêm.

Các thầy giáo và các em học sinh năm nay cũng đi gặt.

Một buổi trưa, Thùy vừa ở ngoài ruộng về, đang ngồi nói chuyện với mấy em học sinh ở ngoài thành phố mới xin vào học thì chợt nghe tiếng còi ô-tô. Một chiếc xe com măng ca đeo biển đỏ bò từ từ trên đoạn đê cao mới đắp, tấm vải bạt che mui đỏ quạch vì bụi đường. Từ chỗ ngồi bên phải người lái, một cái đầu húi trọc ngó ra ngoài. Chốc chốc người đàn ông đầu húi trọc, vận quần phục ngồi bên cạnh người lái xe lại đưa ngón tay trỏ

sang cánh rừng sú và quay lại trao đổi mấy câu với những người ngồi ở hàng ghế sau.

Đến quãng trận địa bắn máy bay của trung đội dân quân Kiều Sơn thì chiếc xe ngoặt xuống con đường đất rẽ vào cánh đồng.

Thùy nói chuyện với các em học sinh mới xin vào học xong, lúc ngừng lên đã trông thấy chiếc xe quân sự đang bon bon trên quãng đường chạy thẳng vào cổng trường.

Chiếc xe đỗ ngay trước hàng giậu. Cánh cửa mở đánh két.

"Cô Thùy có trong ấy không?" - Một người đàn ông đội mũ lá đang còn cúi lom khom xỏ dép trước cửa xe nhưng đã lên tiếng hỏi. Vừa thoát trông thấy đôi má đỏ gay và ánh nắng giữa trưa chiếu trên tấm lưng vạm vỡ, Thùy nhận ngay ra ông Lâm - ông bố Bân. Cô vội vã chạy ra lễ phép đáp: "Có ạ, bác mới về đấy ạ!".

Từ cuối tháng ba, ông Lâm đã thôi hẳn chức phó Ban nông nghiệp tỉnh và được điều xuống tăng cường cho huyện, trực tiếp làm bí thư huyện ủy. Ông Lâm rút khăn lau mồ hôi rồi cất giọng hồ hởi, như thói quen của các cán bộ huyện khi ghé qua những cơ sở quen dọc đường:

- Cô giáo có nước cho chúng tôi uống với. Chà, khát nước quá! - Nói xong, ông cầm chiếc mũ lá quạt lấy quạt để và đi thẳng vào nhà.

Căn buồng riêng của Thùy nằm ở cuối dãy nhà lá, bên cạnh căn phòng chứa học cụ. Một chiếc giường con, một chiếc va li đặt cuối giường, chiếc bàn viết và gương, lược, mọi đồ đạc đều sạch sẽ, nhỏ bé. Thùy rất ít khách, khách lạ lại càng ít. Tất cả mọi đồ đạc trong gian buồng hình như đều có những đôi mắt đang ngơ ngác nhìn cái đoàn người vừa bước vào. Bước theo ông bí thư huyện ủy là một đoàn cán bộ quân đội gồm thủ trưởng và các cán bộ thông tin, công binh, tác chiến... Mới nhìn qua cũng biết họ là những cán bộ chỉ huy hải quân, nhưng chẳng rõ người nào cấp bậc gì. Tất

cả đều không đeo quân hàm. Quân phục cũng giống nhau: Quần tím, áo sơ mi trắng mới nhuộm xanh chỗ đậm chỗ nhạt. Người nào cũng có những nét thần sắc hao hao giống nhau: Đôi tròng mắt bàng bạc vì đói ngủ, tiếng cười to và rất phóng khoáng, những lo toan và suy nghĩ hình như lúc nào cũng phảng phất trên vầng trán, cả trong tiếng cười sang sảng. Họ bước vào, lần lượt từng người tới chào và bắt tay Thùy một cách thân mật. Thùy vô cùng lúng túng, cô kéo ghế, nói líu tíu:

- Các anh chịu khó ngồi nghỉ một lát, em đi bắc...

Rồi cô chạy đi tìm chiếc ấm siêu bắc lên bếp.

Từ lúc vừa ngồi xuống, cho đến khi Thùy đun nước xong, cô rót nước ra một hàng chén bày trên bàn, ông Lâm không ngớt lời khoe khoang, cô giáo trường làng mình với mấy người bộ đội đi theo:

- Cô Thùy trước đây trọ trong nhà tôi. Bà con trong xóm tôi ai cũng khen cô ấy rất chịu khó, kiên nhẫn dạy bảo các em. Năm ngoái cô ấy là giáo viên tiên tiến trong huyện đấy!

Đồng chí bộ đội ngồi bên ông Lâm là một người trạc gần bốn mươi, đầu húi trọc, nước da tái, đôi tròng mắt xám nhưng đưa đẩy hết sức linh lợi. Đây là trung tá Quang, khu trưởng khu tuần phòng hải quân. Quang lắng nghe ông Lâm nói, cười hưởng ứng rất nhiệt tình, thỉnh thoảng lại cúi xuống chăm chú nghiên cứu tấm bản đồ "một phần hai mươi lăm nghìn" mà một cán bộ khác, trẻ hơn, vừa giở ra trên bàn.

Gian phòng của Thùy chẳng mấy chốc đã nghi ngút khói thuốc lá. Súng lục, bi đông sắt, áo dù ngụy trang, những đôi giày da nện lộp cộp trên nền đất, tất cả tạo nên một bầu không khí mới lạ giữa căn phòng vốn xưa hay tĩnh mịch và ngăn nắp.

Mọi người uống xong một tuần nước. Họ đã quên đây là nhà riêng một cô giáo, họ nói chuyện vui vẻ không hề giữ ý tứ, báo cho nhau biết trước

đấy nửa giờ một chiếc tuần dương hạm của hạm đội 7 vừa di chuyển lên hướng Tây Bắc, vịnh Bắc Bộ và cười oang oang. Từ ban đầu, Thùy đã chú ý đến ông Quang. Thùy đã gặp ông một đôi lần. Cô vẫn còn nhớ, nhưng chắc ông đã quên, không nhận ra Thùy, Thùy kéo một chiếc ghế ngồi tậ trong góc phòng, thỉnh thoảng lại chạy xuống bếp rót thêm nước. Lúc cô đánh bạo định hỏi thăm thì cũng là lúc Quang xếp tấm bản đồ lại và trao cho người cán bộ tham mưu ngồi bên cạnh. Chắc hẳn từ lúc vào Quang mãi suy nghĩ, đến bây giờ mới có dịp nhìn kỹ người nữ giáo viên mà đồng chí bí thư huyện đã hết lời khen ngợi. Và ông chợt kêu lên:

- Chết chữa, đến giờ tôi mới nhận ra... Nhưng cô còn nhớ có một lần cô đã đến nhà tôi không nào?

Thùy mỉm cười đáp:

- Có ạ, cháu nhận ra bác từ lúc bác mới vào. Bác là bác Quang chú cô Liên ạ!

Thùy quen biết gia đình đồng chí Quang trong khu gia đình quân nhân ở trên phố. Hồi ấy, Thùy còn là một nữ học sinh và rất mê chiếu bóng. Liên là một cô bé liêu lĩnh và lười học. Liên thường nhờ Thùy làm hộ toán và giả công bằng cách bao giờ trong khu gia đình quân nhân chiếu bóng thì cô ta rủ Thùy cùng vào xem. Đôi bạn, Liên đưa Thùy vào chơi nhà chú thím mình.

Ngày trước, thỉnh thoảng Thùy mới được gặp ông Quang nhưng cô rất quen bà vợ ông và lũ cháu nhỏ. Bà vợ ông (một người đàn bà nông thôn theo chồng ra tỉnh ở) rất mến tính nết hiền lành và dịu dàng của Thùy. Cô hỏi thăm:

- Bác gái và các em "sơ tán" về đâu ạ?

Quang khoát tay:

- Tôi bảo nhà tôi dọn về nhà quê tất cả. Đâu lại trở về đây như cũ. Còn thằng lớn tôi đã gửi vào trường văn hóa quân đội.

Thùy ngấm ông hồi lâu rồi nói:

- Cháu trông bác hồi này khác trước nhiều quá!

- Đen đi hả?

- Vâng ạ!

Quang bất ngờ cười vang và đưa tay xoa cái đầu trọc của mình:

- Tôi hiểu rồi! Tôi cười cái đầu "sư cụ" của tôi chứ gì? Chẳng phải vì anh Giôn-xơn gây chiến mà mình phải cắt trụi tóc. Nguyên do là tại cái anh nắm tóc, ngứa vô kể! Thôi thì xấu đẹp gì bọn mình nữa, phải không anh Lâm?

Ông Lâm cũng cười và gật đầu.

Quang hỏi thăm Thùy một cách thân mật:

Chóng thế đấy. Tôi không ngờ cô đã đi dạy học. Cô đã lấy chồng chưa?

Trước mặt mọi người Thùy đỏ bừng mặt:

- Chưa ạ!

- Nhưng chắc đã có người yêu?

- Chưa ạ!

- Cô còn trẻ, việc ấy cứ thư thả, phải không anh Lâm? Tôi cũng thường khuyên cái Liên như thế. Thanh niên phải nghĩ đến việc chống Mỹ

cứu nước đã! Bây giờ đang thời chiến, con người ta đã vướng vào chuyện ấy thì nhất định mất thì giờ. Như chúng tôi hồi trẻ thì cũng vậy thôi!

Mọi người nói chuyện vui vẻ một lát rồi ra xe.

Thùy thu dọn cốc chén. Căn buồng của Thùy trở lại tĩnh mịch và gần như buồn tẻ. Những lời khuyên bảo của ông chú Liên gieo vào lòng Thùy những ý nghĩ vẩn vơ: "Mình chưa nên cột mình vào đời sống gia đình... Nhưng mình đã yêu ai đâu? Đã có ai yêu mình? Cuộc sống một cô giáo trường làng bao giờ cũng phẳng lặng, giao thiệp ít...".

Chiếc xe con cuốn một lớp bụi vàng bên hàng rào trước sân trường rồi bò trở lên con đường đê biển đầy những ổ gà. Thùy nhìn theo những bóng người ngồi trong xe và linh cảm thấy một chuyện gì sắp xảy đến. Chẳng có lẽ, vô cớ một đoàn cán bộ quân đội, cả đồng chí Quang và đồng chí bí thư huyện ủy kéo nhau về ngắm phong cảnh vùng cửa sông này? Ban nãy Thùy đã lồm bồm nghe thấy họ bàn tán những chuyện gì về khu rừng sú bên kia sông.

Quang mới biết và làm quen với Lâm cách đây mấy hôm, trong một cuộc họp trên tỉnh ủy. Cuộc họp rất quan trọng, có mặt tất cả các bí thư và chủ tịch mười bốn huyện và thị, cụm trưởng pháo cao xạ, trung đoàn trưởng bộ binh và hải quân. Khu tuần phòng hải quân của Quang nằm dài ven bờ biển của tỉnh.

Đồng chí bí thư tỉnh giới thiệu từng cán bộ chỉ huy với các bí thư địa phương có quan hệ công tác. Sau khi trình bày kế hoạch phối hợp tác chiến giữa tỉnh và khu tuần phòng hải quân ở ven biển, đồng chí bí thư tỉnh giới thiệu Lâm với Quang:

- Đây là đồng chí Lâm, bí thư Kiến Thành. Hồi kháng chiến, đồng chí Lâm đã phối hợp với các đơn vị chủ lực mãi. Tuy là tình hình mới nhưng

chúng mình chả lạ gì công tác này, chỉ khác là ngày xưa chúng mình đánh Pháp, bây giờ đánh Mỹ, phải không, các đồng chí?

Đến giờ nghỉ trưa, Quang đang định đi tìm Lâm để thảo luận trước một số công việc, và thăm dò xem thử thái độ của Lâm trước nhiệm vụ quân sự ra sao thì không ngờ, chính lúc ấy, Lâm đã đến tìm gặp Quang trước.

Trong gian phòng khách của tỉnh ủy, Lâm nói với Quang rất cởi mở:

- Như anh Thành đã nói, tuy là tình hình mới nhưng chúng tôi chẳng còn lạ gì việc phối hợp với các đồng chí bộ đội. Anh trình bày qua kế hoạch tôi nghe nào?

Kế hoạch quân sự của khu tuần phòng là thiết lập ở vùng biển của huyện Kiến Thành, ngay đầu cửa sông Kiêu, một căn cứ dã chiến của tàu. Quang trình bày tầm quan trọng của cái căn cứ ấy, phải đào một con sông xuyên qua rừng sù nối liền sông Kiêu với dãy núi đá ở phía trong. Mọi công việc phải hoàn thành trong một thời gian ngắn để cho kịp kế hoạch chiến đấu. Quang nói thêm:

- Cái khó khăn nhất của chúng tôi cũng là khó khăn của các đồng chí. Việc chúng tôi thì cần gấp, mà lúc này nhân dân đang bước vào gặt hái. Số nhân công phải huy động rất lớn...

- Các đồng chí không có đơn vị công binh nào về ư?

- Công binh phải làm những việc khác. Vì thế, ban nãy tôi đã định đi tìm đồng chí...

Lâm vỗ vai Quang rất thân thiết:

- Anh Quang ạ, huyện ủy chúng tôi hứa sẽ hết sức cố gắng, anh cứ yên tâm. Ngày xưa, anh hoạt động vùng đồng bằng chắc cũng hiểu cán bộ địa

phương chúng tôi ít nhiều.

Qua vài câu chuyện trao đổi, hai người trở thành đôi bạn tâm đắc. Tình thân giữa hai người dựa trên cơ sở cùng gánh vác một nhiệm vụ chung, và lòng kính trọng cuộc đời hoạt động cách mạng của nhau. Hai người phác qua những khó khăn và thuận lợi sắp tới, Lâm nói:

- Hiện nay các xã ở mạn trên đang phải tập trung làm một số đoạn đường mới và bến phà mới. Công trường "Bãi sù" nếu mở, chủ yếu sẽ huy động dân công các xã ven biển, xã Kiêu Sơn sẽ là xã sở tại. Nhân dân ở đây hồi kháng chiến tốt lắm, bây giờ cũng vậy.

- Hình như quê anh ở dưới đó? - Quang hỏi.

- Vâng, tôi người làng Kiêu. Anh biết làng tôi chứ?

Hồi kháng chiến anh ở sư đoàn Đồng bằng thì tất thế nào cũng có lần qua lại vùng ấy?

Quang trả lời hấp tấp như vừa sức nhớ ra một điều gì rất quan trọng:

- Có, có... Tôi đã đánh một trận phục kích tàu ở đây. Anh Lâm này, anh còn nhớ ai làm bí thư xã anh vào quãng cuối năm 1950 không?

- Ông Vàng.

- Hiện nay còn sống không?

- Còn..

- Đồng chí ấy bây giờ công tác ở đâu?

Nghe Lâm nói hiện giờ ông Vàng vẫn làm bí thư ở dưới xã, Quang sửng sốt: Gần mười lăm năm, con người ấy vẫn làm bí thư ở một xã. Quang

hết sức cảm động và sung sướng vì ngày xưa Quang đã gặp ông Vàng, biết ông là con người như thế nào. Tự nhiên Quang hơi buồn:

- Đồng chí ấy đã công tác mười lăm năm, các anh không cất nhắc lên chắc có sai sót gì?

- Chẳng phạm sai lầm khuyết điểm gì cả. Từ ban huyện ủy chúng tôi đến nhân dân dưới xã ai cũng kính trọng đồng chí ấy.

Lâm kể: Ông Vàng làm bí thư xã đến quăng giữa năm 1952 thì cùng một số cán bộ đoàn thể được sung vào bộ đội. Ông chiến đấu được huân chương, được đề bạt lên chức chính trị viên phó đại đội, đến ngày đầu hòa bình mới về địa phương. Lúc mới về, ông Vàng nhận công tác ở văn phòng ban tổ chức tỉnh ủy. Một hôm, Lâm đi công tác về thấy một người mặc bộ quần áo bộ đội có bốn túi, đang vun gốc sắn sau nhà cơ quan. Lâm tới gặp, té ra ông Vàng! Lâm ở trong ban tỉnh ủy, nên ông Vàng gặp Lâm liền trách ngay:

- Tôi tưởng được giải ngũ về làng, ai ngờ các ông giữ tôi lại làm bàn giấy?

- Bác không muốn làm công tác cơ quan ư? - Lâm hỏi.

- Tôi chỉ cầm được cái cày hay khẩu súng, chứ tay tôi không cầm cái bút được.

Thế là tỉnh ủy trả ông về làng Kiêu. Ông về, trước sau chỉ xin nhận cái chân bí thư chi bộ như cũ. Đảng bộ xã nhất trí bầu ông làm bí thư đảng ủy, ông cáo mình đã già, chữ nghĩa ít, nhất định không nhận. Nhưng từ ngày thắng Mỹ gây chiến tranh, đã mấy lần ông lên tận tỉnh nằng nặc đòi trở lại bộ đội. Mới đây, ông đưa số anh em "nghĩa vụ" lên huyện lại rẽ vào gặp Lâm. Ông dặn Lâm phải chú ý đến nguyện vọng của mình.

... Buổi trưa hôm ấy, sau khi nghỉ ngơi và uống nước ở trường học, đoàn cán bộ chuẩn bị sang nghiên cứu địa hình bên rừng.

Quang ngồi trong xe, đưa mắt ngắm cánh đồng và dòng sông. Chưa bao giờ ông cảm thấy vui như thế. Xung quanh Quang là cánh đồng lúa chín, trước mặt là biển. Nắng tháng chín vàng thắm hai bên chân đê. Đã mấy lần, Quang quay lại nhìn mái trường, chỗ ấy ngày xưa là bốt làng Kiêu. Cũng như những lần có dịp quay trở lại các vùng chiến trường cũ, Quang thấy cái gì cũng đổi khác, cũng mang một ý nghĩa. Vùng cửa sông xung quanh bốt Kiêu này ngày xưa là một cánh đồng cỏ lác tốt lút, bây giờ đã ngan ngát hương lúa, và sừng sững ngôi trường cấp hai của xã.

Ngày xưa, huyện Kiến Thành và các vùng biển ven sông Kiêu không phải là địa bàn hoạt động của tiểu đoàn Quang. Chỉ có một lần vào cuối năm 1950, đơn vị Quang về tổ chức một trận đánh tàu. Trận địa bố trí phục kích ở bên cánh rừng sù. Một buổi tối mùa đông rét như cắt thịt, các chiến sĩ thuộc tiểu đoàn ông ôm súng ngồi thành hàng dọc ở bìa rừng, đại đội cuối cùng kéo dài vắt tận khe núi. Ngoài sông, từ cánh bè đến ngọn sóng đều sáng rực lên dưới ánh đèn pha của ca nô địch đi tuần tiểu. Bọn lính trong bốt Kiêu thỉnh thoảng lại bắn một tràng đại liên "tặc... tặc..." ra cái gò cát ở cửa sông. Bỗng nhiên, từ bên một gốc sù mọc lòa xòa dưới nước, ngay trước mặt Quang, một mái tóc đội mảng bè tây từ từ nhô lên. Quang tưởng như bàn tay mình vừa bị một gáo nước lã dội vào, ông đang nắm đôi bàn tay gầy guộc và lạnh cóng của người vừa mới tới. Hai hàm răng người ấy vẫn còn đánh lập cập trong tiếng báo cáo: "Các đồng chí cứ đợi, thuyền bè bên ấy chúng tôi đã sẵn sàng cả rồi!". Đêm ấy, tiểu đoàn Quang vượt qua sông an toàn. Khi người chiến sĩ cuối cùng chạy qua trước mặt, Quang vội vàng chụp lấy bàn tay tái nhợt và lưng còng những đốt xương của người bí thư chi bộ làng Kiêu và lắc mạnh rồi chạy đuổi theo đơn vị. Từ hòa bình, Quang cũng không có dịp nào trở về vùng này nữa. Thế mà thấm thoát đã mười lăm năm rồi!

Buổi trưa ấy, anh Vàng đang cùng một nhóm đàn bà gặt nốt cánh đồng lúa ngập ở rẻo đồng trũng xa đường cái.

Một anh giao thông đã đạp xe ra tận bờ ruộng đưa cho ông một chiếc công văn đóng dấu đỏ quân sự. Ông Vàng quệt hai bàn tay vào vạt áo, xé chiếc phong bì. Đoạn, ông trao tờ giấy đánh máy mỏng tanh cho cô Tốt lúc ấy đang lim dim đôi mắt ngồi tựa giữa hai bó lúa.

- Cái gì thế, hả bác? - Tốt giật mình mở mắt hỏi.

- Tao bỏ quên kính ở nhà, mày đọc cho tao nghe.

- Con xin bố! Chẳng là vì bố đọc chữ đánh máy rất chậm mà!

Ông Vàng quát âm lên:

- Cái con này, có đọc ngay cho tao nghe không?

Tốt đọc xong tờ công văn quân sự, ông lập tức ra lệnh:

- Để lúa đấy, để hàng đấy, tao trông. Mày chạy ra cánh bãi "Tàu đắm" gọi anh Hiệu, anh Lượm, anh Đật về đây gặp tao ngay. Nhớ bảo họ mang theo cả súng đạn!

Một lát, ba đồng chí dân quân nai nịt gọn ghẽ hốt hải chạy tới. Bốn người lấy một chiếc đò chở lúa chống ra ngoài bãi sông. Hiệu, tiểu đội trưởng dân quân rỉ tai ông Vàng hỏi:

- Có việc gì đấy hả bác?

- Có một đoàn cán bộ quân đội sắp về nghiên cứu địa hình địa vật bên kia sông - Ông hạ thấp giọng - Chưa biết việc gì thì đừng lộ kế hoạch quân sự của người ta!

Ông nghĩ: Đã có đoàn cán bộ quân sự về nghiên cứu địa hình địa vật thì nhất thiết ông phải trực tiếp hướng dẫn và bảo vệ họ. Qua hơn mười năm hòa bình, ông vẫn giữ cái ý thức cảnh giác của một cán bộ cơ sở trong lòng địch.

Bốn người cầm đèn ngồi đợi.

Trên mé đê, chiếc xe quân sự vừa chạy vừa lắc lư trên những ổ gà, đến ngang chiếc cột mốc sơn đỏ liền dừng lại. Đoàn người xuống xe đi bộ qua cánh rừng dương. Ông Vàng trông thấy một người cao tuổi nhất trong nhóm bộ đội đi tách lên phía trước như có việc cần gấp. Người ấy gọi gần như reo lên:

- Đồng chí Vàng!

Ông Vàng nghe gọi, lập tức xách khẩu súng trường chạy tới, trong bụng chưa hiểu ra sự gì. Đồng chí bộ đội dẫn đầu nét mặt rạng rỡ và hoan hỉ, đi xăm xăm về phía ông rồi dang rộng hai cánh tay ôm choàng lấy cả đôi vai gầy gò và khẩu súng trường của ông:

- Đồng chí có nhận ra tôi không? - Quang hỏi.

Ông Vàng cố gắng lấy tư thế đứng nghiêm, đáp:

- Báo cáo đồng chí, không!

Quang ngăm ông Vàng rồi nói:

- Thế mà tôi vẫn nhớ và nhận ra đồng chí. Trông đồng chí vẫn thế, vẫn như hồi năm năm mươi, chẳng khác ngày xưa chút nào cả!

Quang chợt thấy cay cay trên khóe mắt và nhớ cái đêm người bí thư đội bèo tây dẫn tiểu đoàn mình qua sông. Thật kỳ lạ! Sau hàng chục năm, vẫn khúc sông này, vẫn con người ấy, bây giờ Quang lại gặp.

- Chúng mình xuống thuyền đi - Một đồng chí giục.

Ông Vàng vẫn chưa biết Quang là ai. Quang nắm tay ông cùng xuống bến, hai người vừa đi vừa nói chuyện.

Nắng trưa lấp lóa ngoài doi cát.

Hơn một chục người đò qua sông Kiêu, sang bên rừng.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 7

Suốt buổi chiều, đoàn cán bộ ở bên kia sông.

Cũng như ngày xưa, ông Vàng lại hướng dẫn cho Quang đi nghiên cứu từng ngõ ngách trong rừng sù. Xong việc nghiên cứu địa hình, ông Lâm phải trở về huyện ngay để kịp dự cuộc họp huyện ủy mở rộng, còn Quang bị ông Vàng giữ lại. Ông Vàng nhất định mời Quang về nhà mình.

Ông Vàng vẫn ở ngôi nhà ba gian, lụp xụp dựng lên từ ngày mới ngừng tiếng súng. Mấy năm qua, các xã viên đua nhau làm nhà mới, riêng ông Vàng vẫn nghèo, vẫn ở vậy, "bao giờ hợp tác xã làng Kiều này giàu phát lên thì ông sẽ dựng nhà ngói một thể" - Ông thường nói đùa như thế.

Buổi tối, ăn cơm xong, vợ con đã đi ngủ cả, ông Vàng còn ngồi nói chuyện với Quang không dứt ra được. Họ vui vẻ nhắc lại chuyện cũ. Hai người, tuy bây giờ địa vị xã hội khác nhau nhưng đã ngồi với nhau bên một ấm nước, một điếu thuốc thì mọi cách biệt đều bị xóa sạch. Những kỷ niệm thời kháng chiến chẳng khác gì viên ngọc trai nằm sâu trong đáy lòng từng người, họ vẫn gìn giữ nó mà không biết, bỗng một lúc trí nhớ chiếu ánh sáng chói lọi vào, những kỷ niệm vụt hiện ra đẹp đẽ lạ thường, và cuộc sống xung quanh họ cũng đẹp đẽ lạ thường! Cả hai người đều trải qua cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Quang và ông Vàng là hình ảnh cụ thể của hai hạng người - cán bộ địa phương và cán bộ quân đội, suốt mười năm đã chung lưng đấu cật, rất gay go và dai dẳng, vật lộn với thằng giặc chẳng khác gì một con thú dữ ở vùng đồng bằng.

Những người như Quang, ngày xưa ông Vàng quen nhiều lắm. Đêm hôm ấy, ông đã nhắc tới và kể tên không biết bao nhiêu người - những anh trung đội, đại đội hay tiểu đoàn mà ông đã từng gặp và cùng làm việc. Mỗi người được nhắc đến đều gắn liền với một trận đánh, một chiến dịch càn quét của địch. Ôi làm sao mà quên được những ngày ấy, những con người ấy! Một chiếc quần nâu xắn lên tận bẹn, một khẩu súng ngắn nhét dưới đáy chiếc bị cói khoác trên vai, rồi bàn tay gõ khe khẽ tấm liếp: "Đồng chí có phải là đồng chí Vàng không?". Những người chỉ huy đơn vị bộ đội thường xuất hiện như vậy.

Rồi ánh đèn pin rọi lên một cái bột, một cái xóm trên tấm bản đồ quân sự đã nhàu nát.

Những đêm gần sáng không một tiếng gà gáy, không một tiếng chó sủa, chỉ có tiếng gió lùa qua bãi lác ven sông Kiêu hoang vu, ông dẫn họ đi trinh sát trận địa trở về. Ông và họ nằm vật xuống ven bãi, nằm ép lưng vào nhau, cùng nghe tiếng sóng ngoài cửa sông và thao thức. Khi giấc ngủ chập chờn kéo đến, ông vẫn còn nghe tiếng điệu cày rít, một cái lưng ấp vào lưng mình, có ai vừa đắp choàng qua người mình một tấm áo và cất tiếng hỏi se sẽ bên tai: "Chúng nó xuống mỗi tháng mấy lần?", "Đồng bào bị khủng bố có nạn không? Đồng bào có đói lắm không?" Những cuộc gặp gỡ như vậy sẽ kết thúc bằng một trận đánh bất ngờ vào giữa lòng địch. Quân địch co lại một ít. Phong trào dậy lên một ít. Vùng căn cứ lấn ra một ít. Những con người xa lạ đã trở thành ruột thịt với ông lại khoác súng ra đi. Họ đi đến những xóm làng, những chiến trường khác hay nằm lại mãi mãi trên những cánh bãi ven sông Kiêu. Và những đêm gần sáng, ông lại thấy họ đến ngồi bên, đắp cho ông một tấm áo và cất tiếng hỏi se sẽ: "Đồng bào bị khủng bố có nạn không? Đồng bào có đói lắm không?"...

Ông Vàng say sưa nhắc chuyện cũ chán rồi vỗ vào đùi Quang:

- Đồng chí làm cán bộ cao, chắc hẳn biết nhiều tin tức, đồng chí cho tôi biết với. Chúng tôi là loại cán bộ xã chỉ nghe đồn lồm bồm, mà trình độ

phân tích thì chẳng có.

Họ trao đổi, lý giải những sự kiện phức tạp trên thế giới, trong phe ta, rồi nói chuyện tình hình đánh nhau trong miền Nam bằng một giọng rất hào hứng và tin tưởng.

Hai người thức đến gà gáy lần thứ nhất, ông Vàng rót thêm dầu và thổ lộ tâm sự mình:

- Phen này tôi quyết định xin trở lại bộ đội, đồng chí Quang ạ. Đồng chí đừng tưởng tôi yếu. Tôi còn theo trâu hết buổi được thì còn đủ sức theo bộ đội chiến đấu được năm năm nữa.

Quang khuyên ông Vàng nên ở lại làng. Quang nói:

- Giữa lúc này, Đảng lại càng cần những cán bộ như đồng chí ở xã. Việc cầm súng đánh Mỹ lần này, chúng tôi xin lo... Phải nói thật rằng hôm tôi nghe anh Lâm nói đồng chí vẫn còn ở đây, nghĩ lại được gặp đồng chí, tôi mừng và cảm động lắm.

Gần sáng hai người mới đi nghỉ. Quang đặt mình xuống bên cạnh ông Vàng, trên chiếc giường tre đơn sơ. Đêm hôm ấy, ông Vàng cứ nằm trằn trọc, thao thức. Trong lòng ông có cái gì náo nức, muốn trỗi dậy. Lâu nay, ông vẫn nghĩ mình chữ nghĩa ít, tác phong chậm chạp, khả năng kém, không thể nào theo kịp mọi người. Lâu nay ông vẫn tự xếp mình vào loại cán bộ già cỗi, tuy có tinh thần nhưng cũng không thể theo kịp bước tiến mới của cách mạng được nữa.

Sáng hôm sau, trước khi ra về, Quang đề nghị ông Vàng dẫn đi xem cái xác tàu chiến mà đơn vị mình đã đánh đắm trên cửa sông Kiêu năm 1950. Quang rất lấy làm thú vị khi nghe ông Vàng kể đồng bào đã quen gọi cánh bãi là bãi tàu đắm. Hai người lên đê, Quang đưa mắt ngắm dải cát lẫn váng bùn ăn lan ra ngoài mép nước, rau diếp dại, cỏ lông gà mọc trùm lên

những đám cói mới thả, Quang cố nhớ lại cái thể trận phục kích tàu ngày xưa và hỏi:

- Nó chìm ở quăng nào nhỉ?

Ông Vàng cười, đưa tay chỉ về phía một vạt cói tốt lút, xanh ngắt ngắt như cánh rừng sù ở cuối bãi:

- Nó nằm kia, ta cứ lội xuống vạt cói ra thì thấy xác cái thuyền Tây còn nằm kia!

Quang xắn quần theo ông Vàng lội xuống giữa bãi cói. Chiếc tàu chiến của giặc Pháp nom đến thảm hại, chỉ còn là một đồng sắt méo mó bị nước mặn ăn mòn, xung quanh đít tàu bám đầy hà. Quang quay lại hỏi ông Vàng:

- Máy năm qua, bác không biết gỡ sắt ra mà làm gì ư?

Lâu nay ông Vàng vẫn nghĩ cái đồng sắt gì chẳng làm gì được, đã để nước mặn ăn mòn đi nhiều, bây giờ nghĩ lại lại thấy tiếc!

Tay gõ gõ vào một mảnh sắt, ông Vàng nói với Quang:

- Cũng chẳng phải của vất đi đâu. Sắt này là loại sắt tốt, tuy đã lâu ngày nhưng mới hỏng lớp vỏ ngoài, còn dùng được. Nay mai tôi sẽ cho anh em dân quân lập một cái bệ rèn, rèn gươm mác đủ trang bị cho cả làng này ấy chứ!

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 8

Sau khi đoàn cán bộ nghiên cứu về được mấy ngày, ông Vàng huy động toàn lực lượng xã viên tập trung gặt cánh lúa ở bãi Tàu đằm bên ngoài đê. Trên các thửa ruộng pha cát của cánh bãi bây giờ chỉ còn trơ gốc rạ lờm chờm. Ngoài ngã ba con đường cái và dốc bờ đê vào làng, mới cắm một tấm gỗ đề hàng chữ sơn đỏ "Bến đò Kiều, 1500m". Từng đoàn ô tô vận tải quân sự chở những khối máy móc trùm vãi bạt kín mít chạy rì rì ngoài đường cái. Những chiến sĩ lái xe ngó ra ngoài buồng lái, ngắm tấm biển đỏ ở ngã ba đường và quay xe thẳng theo đoạn đường đê vào làng. Chỉ trong vài hôm, trên các thửa ruộng mới gặt đã hiện ra từng đống máy móc cao lù lù, che bạt kín mít. Một tiểu đội chiến sĩ hải quân mặc quần áo thợ lem luốc suốt ngày hì hục quanh những chiếc máy mới chở đến.

Vì còn phải giữ bí mật kế hoạch quân sự, các cán bộ xã chưa phổ biến cho nhân dân biết những công việc của anh em bộ đội. Tuy vậy, bà con làng Kiều cũng đã đoán biết được. Trong làng, từ các ông cụ già đến các thanh niên, các em bé đều phấn khởi. Trong những năm kháng chiến, mối tình giữa những người dân làng Kiều với bộ đội rất khăng khít, mỗi người trong làng đều nhớ tên tuổi một vài chiến sĩ thuộc đơn vị này, đơn vị khác mà gia đình mình đã từng đón tiếp, nuôi nấng. Mấy năm hòa bình yên tĩnh, vùng cửa sông Kiều vắng bật bóng anh bộ đội. Những người lính từng năm gai nếm mật, nhường cơm sẻ áo với nhân dân đã rút về các đơn vị tập trung đóng trong các doanh trại ở xa. Bà con làng Kiều vốn sẵn có cảm tình với bộ đội, bây giờ nghe tin "anh em" sắp trở về, ai nấy đều vui vẻ và sẵn sàng giúp đỡ. Trông thấy từng đoàn ô tô xếp hàng dầy dài trên đê, và những khối máy móc dỡ trên xe xuống xếp đầy cánh bãi, mọi người càng phấn khởi và

tin tưởng. Bộ đội mình bây giờ đã lớn mạnh, đến thẳng Pháp ngày xưa ở đây cũng không thể có nhiều xe cộ, máy móc như thế kia được!

Công việc đầu tiên của đồng bào trong làng là thu xếp việc đồng áng để chuyển gập số máy móc của bộ đội sang bên kia sông.

Buổi chiều trên cánh đồng làng Kiêu hôm nay việc gặt hái càng tập nập, hối hả. Trời vừa chạng vạng, lúa đã được chuyển về sân kho gần hết. Trên các thửa ruộng suốt năm dải đồng vắng bật bóng người. Theo lệnh của ông Vàng, mọi người chuyển gập lúa về, kịp ăn cơm để ra bến cho sớm.

Đêm nay, cả làng Kiêu tập trung sức chuyển máy sang rừng sù. Trời vừa tối, trong các xóm và ngoài bãi tập nập người đi lại. Ngoài bến đò trước cửa trường học rộn lên những tiếng ồn ào. Từ các trẻ em và người già, đều kéo ra bến đò. Các giáo viên và các em học sinh trường cấp hai đêm nay cũng ra bến.

Ăn cơm xong, Thùy vội vàng thay bộ quần áo mới mặc chiếc áo vải nâu cô vẫn thường mặc đi đào hào. Cô khóa cửa, vừa bước ra sân vừa quấn hai dải tóc lên sát gáy. Ngoài sân, các em học sinh và các thầy giáo đã đến đông đủ.

Thùy cùng mọi người ra tới nơi, thấy bà con xã viên trong làng đã kéo ra đông nghịt. Ông Vàng ngược lên nhìn trời đang lác đác có hạt mưa, động viên mọi người:

- Đêm nay chúng mình phải khiêng suốt đêm mới xong. Bà con chúng ta hãy cố gắng lên!

Dưới bến, thuyền nan đỗ san sát. Ngoài bãi, các chiến sĩ đã tháo rời các bộ phận máy móc và chèn lót cẩn thận. Mọi người chia thành từng tốp, lần lượt khiêng xuống thuyền. Tiếng cười nói, tiếng gọi nhau ầm ĩ trên khúc sông. Thùy hòa mình vào cái không khí ồn ào chung quanh. Cô nhập vào một tốp. Gần một chục người xúm xít quanh bốn chiếc đòn khiêng lồng vào

một khối máy rất lớn. Sau tiếng hô "hai, ba" tất cả đứng lên. Chiếc đòn dòn sức nặng trên đôi vai bé nhỏ của Thù. Cô vịn tay lên vai mấy người đàn bà đi bên cạnh, nhích từng bước xuống phía bờ sông.

Ván cầu và be thuyền trơn tuột, dính đầy bùn. Từng người lần lượt bước lên. Thù đang cố lấy đà bước lên chiếc cầu gỗ, chợt có người gọi phía trước "Cô đấy à?". Thù ngừng lên, trông thấy một bóng người đàn bà cao lớn, cô nhận ngay ra bác Thịnh. Từ trên thuyền, bác Thịnh vội vã len qua mấy người đàn ông, bước nhanh xuống và ghé vai vào đoạn đòn khiêng sau lưng Thù.

Bộ phận máy được đặt xuống nhẹ nhàng, chiếm gần hai khoang thuyền.

- Sức tôi còn con gái mà thua bác. Không có bác đỡ, tôi khó mà lên cầu được! - Thù thở phào, nói một cách ngượng nghịu.

Bác Thịnh kêu:

- Tôi chưa thấy cô giáo nào như cô, việc gì cũng cứ lặn vào!

Thù đáp:

- Hôm nay các giáo viên đều đi khiêng máy, cả các em học sinh lớn nữa!

Chiếc thuyền từ từ trôi ra giữa sông, nước đã mấp mé bên mạn. Bác Thịnh ngồi sát bên Thù, hỏi thăm:

- Vừa rồi cô về thăm nhà, cụ có mạnh khỏe không?

- Tôi chưa về trên nhà được, bác ạ!

Câu hỏi của bác Thịnh làm cho Thù lại nghĩ đến mẹ. Đã gần một tháng, cô chưa về nhà. Trước kia, hồi tình hình còn yên tĩnh, tuần nào cô

cũng về trên phố thăm mẹ một lần. Thế mà lâu nay, công việc nhà trường và công việc địa phương quá bề bộn, mặc dầu cô luôn luôn nghĩ đến mẹ, càng thương mẹ nhiều hơn, vẫn không thể về được.

Một lát, bác Thịnh đưa mắt nhìn ra mé cửa sông và hỏi Thùì:

- Lâu nay, ngoài trường cũng không nhận được lá thư nào của thằng Bân ư?

Thùì còn ngồi yên lặng chưa kịp đáp, bác đã nói tiếp:

- Cái thằng gan thế. Cô ngồi sát vào đây kéo nước sánh vào ướt hết. Nó đánh nhau bị thương nặng mà chẳng hề báo tin gì về nhà đấy!

Thùì nghe và giật mình:

- Ai báo cho bác cái tin ấy?

- Ông Lâm báo với tôi mà! Từ hôm ông Lâm về nói cái tin ấy, tôi thương nó quá. Chả lẽ lại đi giận con? Vài hôm nữa, tôi định đi thăm nó, xem nó bị thương ra làm sao mà chẳng gửi thư từ về nhà...

Chiếc thuyền đã sang đến bãi. Mọi người đứng dậy lại bám quanh những chiếc đòn khiêng.

Bờ đất bên này càng tối. Tất cả chìm trong một màu đen dày đặc. Những cành sú chi chít, kết chặt lấy nhau như một bức thành. Mấy người đi đầu phải vừa đi vừa đưa tay ra phía trước sờ soạng để lần lối đi.

Thùì như người bị lạc giữa bóng tối trong rừng. Cô chỉ nghe tiếng nói lao xao, và bốn phía sờ chỗ nào cũng tua tủa những cành cây. Dưới đất xông lên mùi bùn, đặt bàn chân xuống chỗ nào cũng lún ngập đến gối.

Bác Thịnh bảo Thùì:

- Đoạn này khó đi lắm, cô để tôi khiêng một mình.

Từ đấy cho đến khi vào đến chân núi, một mình bác Thịnh giữ một đầu đòn. Máy nặng, trời tối, rừng như vây lấy nhưng bác vẫn cứ bước băng băng. Hình như bác cũng đã quên cả việc Bân bị thương và nỗi lo lắng của mình.

Chốc chốc, Thù tới bên cạnh:

- Bác để cho tôi khiêng một đoạn.

Bác Thịnh trao chiếc đòn cho Thù, nhưng chỉ một lát, bác đã ghé đôi vai chắc chắn của mình vào phía sau.

Trong khi những chiếc thuyền của hợp tác xã làng Kiêu liên tiếp chở những chuyến máy đầu tiên sang rừng thì dân công các xã ở gần cũng tới, đứng rải rác hay tập hợp thành hàng ngũ bên kia sông. Trên bờ đê, đàn ông, đàn bà chen chúc, áo toí lá và chăn chiếu loạt soạt, tiếng người phụ trách hô khẩu lệnh tập hợp, tiếng cười ré lên trong đám con gái, những đóm thuốc lá cháy lác đác... Trước cửa trường học, ông Vàng lật đật xách chiếc đèn bão chạy đi tìm các đồng chí phụ trách các xã.

Các thứ máy chất đầy trên bãi Tàu đằm vẫn chưa đưa qua sông được bao nhiêu. Sau chuyến đầu tiên, số người chuyển máy được tách ra làm hai. Một nửa phụ trách khiêng máy từ bãi lên thuyền và một nửa khác, toàn là những người khỏe mạnh chuyển tiếp từ thuyền vào tận chân núi.

Bác Thịnh và Thù đều xung phong ở lại bên rừng. Trong khi chờ chuyển thuyền thứ hai sang, bác Thịnh dắt Thù đến bên một gốc sù mọc sát bên bờ sông, mặt đất tương đối khô ráo và bằng phẳng. Bác với tay bẻ một cành lá đưa cho Thù xua muỗi, rồi bảo:

- Ta ngồi đây nghỉ một lát.

Thùy ngồi xuống, tay không ngừng phe phẩy cành lá trên đôi bắp chân còn dính đầy bùn. Thùy bắt đầu nói với bác Thịnh tất cả mọi việc mà cô đã biết. Cách đây mấy hôm, Bân đã biên thư trả lời cho cô biết anh sắp ra viện, anh rất khỏe mạnh, chỉ còn mấy ngày nữa là được trở về đơn vị; và Bân dặn cô không cần phải cho gia đình anh biết chuyện anh bị thương làm gì.

Bác Thịnh nghe xong, bác rất mừng vì Bân đã khỏi, nhưng lại trách Thùy:

- Sao cô biết nó bị thương mà không bảo cho tôi biết?

Thùy thú thực:

- Hôm tôi vào ăn cơm, tôi đã định nói nhưng lại sợ... bác sinh ra lo lắng, tôi lại không dám...

- Cô tưởng tôi lo, rồi đâm quýnh lên chứ gì? Chẳng phải đâu cô ạ, cháu nó đi đánh giặc, trước mũi tên hòn đạn bị sây sát là chuyện thường. Mình đánh nó thì nó cũng đánh mình. Rồi anh em trong đơn vị lại chăm sóc cho nó khỏi. Số đàn bà như tôi suốt đời chỉ thấy vất vả với lo lắng nên đã quen với những chuyện ấy đi rồi!

Chỗ hai người đang ngồi, muỗi bay tủa ra như trấu. Bác Thịnh vẫn cời trần, cầm chiếc áo cánh đập phành phạch vào hai bên vai. Bác vừa xua muỗi vừa kể lại trận càn năm đầu kháng chiến, ông cụ Lâm và ông Vàng phải rúc trong rừng gần nửa tháng, muỗi đốt sưng vù cả hai bắp tay. Lần địch càn ấy, người em trai ông Lâm làm quân báo xã bị địch phục kích bắt được. Nó đánh suốt nửa tháng, không còn sót một thứ đòn gì. Bác Thịnh sót ruột vì thương em chồng, ngày nào cũng xách liễn cháo lên đồn khóc lóc đòi tiếp tế, đêm đêm lại nằm cơm đem lén ra rừng cho ông cụ. Người em bị địch bắt nhưng nhất định không chịu khuất phục. Về sau, chúng đã đổ thuốc đạn lên bụng và đốt. Một buổi trưa bác Thịnh xách liễn cháo lên

đến công bốt Kiều, liền vớt ngay xuống và chạy vào sân công xác em chồng về...

Bác Thịnh kể cho Thùy nghe những đận gian lao thời kháng chiến, bác ngồi suy nghĩ một lát rồi tâm sự:

- Đời người ta cũng có nhiều thứ khổ. Đói là một. Nhưng cái đói cũng không bằng thằng giặc. Hồi kháng chiến, giặc bắt bớ lòng sục, nay bắt người, mai phục kích tra khảo. Có những lúc tôi lo đến nấu gan nấu ruột. Nhưng ngồi mà lo cũng chẳng được! Tôi vẫn ăn vẫn làm, vẫn đẻ con, nuôi con. Người ta vẫn bảo cái con mẹ Thịnh không có ruột, chỉ biết làm như trâu. Thế đấy cô ạ! Trời sinh ra người đàn bà để mà gánh vác... Kìa, thuyền đã sang rồi, chuyến này tôi xem ra còn nặng hơn chuyến trước đấy!

Bác Thịnh mặc áo đứng dậy và đi xuống gần mép nước. Bóng bác cao lớn, đôi vạt áo cánh buông lòa xòa. Thùy cũng đi theo bác. Năm chiếc thuyền sang cùng một lúc. Cả năm chiếc đều không chở máy mà dành để chở dân công mấy xã tranh thủ sang rừng trước.

Trong phút chốc, khu rừng sù như bừng tỉnh. Xung quanh chỗ hai người đứng, nổi lên tiếng dao phát cây rào rào. Tận trong khe sâu sát chân núi vang ra tiếng cây đổ. Một ngọn đuốc soi lập lòe. Lửa đuốc loang ra càng nhiều. Đoàn người các xã vẫn ùn ùn đổ vào các ngách rừng. Tiếng dao chặt gốc cây chan chát. Một cây cao đổ ập xuống làm cho một cặp chim le le đang ngủ chợt giật mình thức giấc, cất lên mấy tiếng kêu hốt hoảng rồi đập cánh bay ra ngoài sông.

Thùy đứng giữa khu rừng tối, lập lòe ánh đuốc và lắng tai nghe những tiếng động của rừng ở chung quanh, tự nhiên cô quờ tay nắm lấy bàn tay rất to và ráp của bác Thịnh.

Khu rừng sù âm u, gần mười năm nay chỉ có chim le le và giống cá nác ở đã thức dậy đột ngột, như mười năm kháng chiến, nó vẫn thức để

lắng nghe từng tiếng bước chân đi càn và vẫy rừng.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 9

Sau khi đi nghiên cứu địa hình với Quang, Lâm trở về huyện để triệu tập cuộc họp huyện ủy mở rộng, bàn công tác quốc phòng và chuẩn bị chiến đấu theo kế hoạch của tỉnh.

Trong cuộc họp có đông đủ các bí thư và chủ tịch các xã, Lâm báo cáo nghị quyết của huyện ủy về những công tác sắp tới và dành thời gian rộng rãi cho các cán bộ thảo luận. Suốt hai ngày liền, Lâm đi đến từng tổ chăm chú nghe các ý kiến. Một số cán bộ dưới nhắc huyện ủy không được quên việc xây dựng kinh tế. Một số khác đòi phải tập trung sự lãnh đạo vào công tác quốc phòng và chuẩn bị chiến đấu hơn nữa. Sau khi nghe rất nhiều ý kiến, Quang hiểu các cán bộ hơn và cũng hiểu mình hơn. Khi kết luận cuộc thảo luận, Lâm đã vận dụng chủ trương của Đảng để giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng trong phạm vi địa phương của mình. Trong tình thế mới, cần trang bị cơ khí nhỏ cho các hợp tác xã, phát triển thêm màng lưới thủy lợi, càng phải đẩy năng suất lúa lên cao hơn nữa, nhưng tuyệt đối không thể ỷ vào nhiệm vụ kinh tế mà lơ là nhiệm vụ quốc phòng. Trước mắt, nhân dân toàn huyện phải dốc sức hoàn thành căn cứ tàu hải quân ở cửa sông Kiêu. Khi cùng huyện ủy quyết định như thế, Lâm đã suy nghĩ rất kỹ, đã tính toán số nhân công phải huy động, biết rõ nhân dân sẽ rất vất vả nhưng cũng biết rõ nhân dân sẽ quyết tâm làm.

Lâm đặt mình vào cương vị đại diện cho Đảng, lại đặt mình vào quần chúng để xem xét các công việc làm của mình. Đứng ở cương vị một người cầm đầu phong trào địa phương, nếu Lâm lãnh đạo sản xuất kém, nhân dân sẽ coi ông như một bí thư huyện kém tinh thần trách nhiệm và năng lực; nhưng giữa lúc cả nước đang có chiến tranh, lúc đất nước đang phải đương

đầu với kẻ thù xâm lược, nếu Lâm coi nhẹ việc quốc phòng và chuẩn bị chiến đấu, nhân dân sẽ coi ông như một kẻ có tội đối với Tổ quốc, và chính Lâm cũng tự coi mình là một kẻ có tội rất lớn. Đối với việc huy động nhân công lên công trường "Bãi sù", một vài cán bộ các ngành kinh tế xung quanh ủy ban huyện nêu ra nhiều khó khăn, nào là đang giữa vụ gặt hái và bao nhiêu việc chông chặt khác. Lâm phê phán những ý kiến ấy và chủ trương kiên quyết huy động nhân công hoàn thành cái căn cứ tàu đúng thời gian mà Quang yêu cầu.

Hợp huyện xong, Lâm liền thu xếp công việc để xuống xã.

Lâm rất phấn khởi. Nghị quyết của huyện ủy được chấp hành rất khẩn trương. Tuy nơi nào cũng đang bận gặt hái, công việc còn đang bề bộn nhưng dân công các xã vẫn kéo về vùng cửa sông nườm nượp, hết đoàn này đến đoàn khác đổ về công trường. Các xã ở gần đến từ hôm trước, đã bắt tay vào việc. Bà con làng Kiêu đã chủ động chuyển hết các thứ máy móc của bộ đội sang rừng, chỉ trong một đêm là xong.

Lâm về giữa lúc hợp tác xã làng Kiêu đang mở hội nghị toàn thể xã viên để phổ biến nghị quyết của huyện ủy. Trước hàng trăm người ngồi chật nhà trụ sở, ông Vàng tha thiết kêu gọi bà con tích cực gặt hái và góp công sức làm công trường "cùng bộ đội hải quân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Lâm cũng dự họp và nói chuyện "tình hình và nhiệm vụ" với các xã viên ở làng mình.

Mấy ngày sau, Lâm kiểm tra cách tổ chức làm việc và nơi ăn chốn ở của anh chị em dân công, nghe báo cáo kế hoạch đào sông và chỉ định ông Vàng vào ban chỉ huy công trường. Khác với các lần trước, khi Lâm giao công tác mới, ông Vàng nhận ngay, thái độ rất vui vẻ. Hình như ông Vàng đã sẵn sàng gánh lấy cái trách nhiệm ấy, xem như là một điều tất nhiên vậy.

Giường máy làm việc của công trường đã chạy đều. Trước khi trở về huyện, Lâm tranh thủ tạt về thăm nhà.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 10

Xét về họ gốc, gia đình ông cụ Lâm ở xóm trong đồng, cái xóm to nhất trong năm xóm của làng Kiều. Hiện nay nhà chị Quý ở đấy.

Có thể nói vợ chồng ông cụ Lâm là người đã có công "khai thiên lập địa" ra cái xóm đồng muối. Sáu chục năm về trước, ông cụ đi ở cày ruộng cho một gia đình giàu có cự phách. Trong nhà ấy có một người con gái mà lão chủ vô tình nhặt được ở một xó chợ nào đó. Một hôm, lão chủ gọi anh canh điền còn trẻ tuổi đến, bảo một câu trống không: "Tao cho mày con bé ấy. Từ nay hai chúng mày là vợ chồng!". Lão nổi tiếng ác ngầm và keo kiệt. Trước nhà lão có cái cổng xây vòm cuốn, then cửa gài theo kiểu đóng chuồng trâu. Hai vợ chồng ông cụ Lâm ở cho nhà lão đến khi có đứa con trai đầu lòng thì xin ra ở riêng. Một buổi sớm, ông cụ Lâm một tay bế con, một tay ôm một bó lát giường bằng thứ đặng cũ đã thái. Bà cụ bưng một cái thúng đựng vài cái bát mẻ. Đây là tất cả gia tài của họ khi bước qua cái vòm cổng cuốn, bắt đầu cuộc đời tự do của mình.

Hai người đi lang thang, tối đến phải ra bãi cắt lá sù giải ra rồi lát tấm đặng cho con ngủ. Hồi ấy, cánh bãi xóm đồng muối đâu được như bây giờ. Đây chỉ là một cái hói nước mặn vẳng tanh vẳng ngắt, chỉ có cỏ lông chông, sù vẹt và bóng ma trời ban đêm bay chập chờn. Chẳng khác nào một con rồng đang giữa cơn đau quặn, dòng sông Kiều đến mùa nước lũ lại vật mình vật mảy vào hai bên bờ. Từng lớp phù sa dồn ra phía cửa sông, bồi vào cánh hói. Hai vợ chồng, sau một đêm bàn tính, quyết định cắm lại đây. Hai người đấu sức nhau lại đắp một cái nền nhà rất cao, nằm trơ trọi như chiếc cù lao giữa kỳ con nước sinh. Công việc làm ăn ban đầu cực kỳ khó nhọc, sức hai người vượt qua được cũng thật ghê gớm! Những người nghèo

trong xóm thấy thế cũng kéo nhau ra ở. Những người nghèo tựa vào nhau mà sống. Nhiều nền nhà, vườn tược tụ lại thành một cái xóm. Con người ta cắm hai bàn chân xuống đất thật là chặt! Trong mấy chục năm, hết hương lý đến nhà giàu cắm nhà cắm đất, những làn nước biển dâng cuốn sạch hết nhà cửa, những năm kháng chiến địch bắt bớ, giết chóc, đốt phá...; cuối cùng mọi biến cố chẳng khác gì những lớp sóng dâng lên rồi lại rút đi, cái xóm mới ngày một vững như gốc cây cổ thụ đã cắm chặt rễ xuống đất không gió bão nào xô ngã được nữa.

Trong những buổi nói chuyện trên huyện hoặc trên tỉnh, Lâm hay nhắc đến cái xóm nhà mình. Một cái xóm cón con, chưa đầy bốn chục nóc nhà, bốn bề trống huếch trống hoác thế mà suốt mười năm kháng chiến không một trận càn nào cơ sở bị vỡ. Người trong xóm đi bộ đội, đi làm cán bộ thoát ly cũng nhiều. Lâm được giác ngộ cách mạng sớm, đã từng tham gia Việt minh bí mật và lãnh đạo cướp chính quyền ở xã mình. Lúc xảy kháng chiến toàn quốc thì khu điều Lâm đi công tác nơi khác, cho đến hòa bình Lâm mới được về gần nhà.

Từ ngày hòa bình, mỗi khi về làng, bước chân đến trước xóm đồng muối, Lâm rất lấy làm tự hào về quê hương, nhưng không lần nào Lâm không thấy chạnh lòng về việc riêng. Hàng chục năm qua, cái vết thương trong lòng ông mà chính ông đã gây ra lại nhói lên. Mỗi lần tự nhận xét một cách nghiêm khắc, Lâm tự thấy mình là một cán bộ tận tụy, trung thành với Đảng, đã đem hết sức mình vào sự nghiệp cách mạng chung, nhưng đối với gia đình, đối với ông cụ Lâm và bác Thịnh, Lâm lại thấy mình có biết bao nhiêu là thiếu sót. Điều đó làm cho Lâm vô cùng áy náy, không nguôi được.

Từ trước đến nay, mỗi khi về làng, Lâm thường ở nhà bác Thịnh, thỉnh thoảng mới sang bên nhà chị Quý. Hôm ấy, Lâm dắt xe thẳng theo con đường đê khắp khênh về thẳng xóm đồng muối. Lâm đi qua những trạt sân phơi phẳng lỳ, rộng và vắng. Đầu con ngòi dẫn nước mặn từ ngoài biển

vào, một lũ trẻ con cởi trần, đang mò cá, bắt ốc, đứa nào đứa nấy lấm lem như những thỏi than. Nhìn lũ trẻ trong xóm, Lâm lại sực nhớ hồi mình còn nhỏ. Lâm đi qua, những đứa trẻ ngược lên nhìn rồi lễ phép chào:

- Chào bác ạ!

- Chào bác Lâm ạ!

Sau một đoạn ngòi lấp sau bụi sòi, cái Lý gọi "Bố!" rồi chạy vụt ra. Lâm thấy cái đuôi tóc đỏ hoe của con lấm những bùn.

Năm gian nhà bác Thịnh vắng ngắt, càng trống trải. Nền nhà và bờ hè mọc đầy hoa muối. Cứ nhìn những lốt chân thừa thốt in trên những nụ hoa muối trắng xóa và nhỏ li ti, Lâm cũng biết được trong nhà chỉ còn có hai người, và vợ mình ở dưới lò thỉnh thoảng mới về nhà. Lâm càng thương cái Lý. Trong mối tình đối với những người trong gia đình, Lâm dành cho đứa con gái út ở bên này một phần riêng đặc biệt. Nó còn bé mà đã giống mẹ làm sao, từ giọng nói, cách đi đứng. Thấy bố về, con bé mừng quýnh. Như một người đàn bà đảm đang trong nhà, nó chạy đi thổi lửa bắc cơm cho bố, rồi ra ao làm mấy con cá bống bằng ngón tay mới bắt được.

Lâm hỏi việc học hành của con rồi bảo: "Con có muốn lên huyện ở với bố không?".

Nó quay lại hỏi:

- Vậy u ở nhà với ai? - Con bé ngẫm nghĩ một lát rồi thủ thỉ phàn nàn - Anh Bân thì đi bộ đội đánh Mỹ, ông thì vào ở trong nhà dì, u thì ở dưới lò. Thế là con ở nhà có một mình. Ngày xưa, nhà ta có anh Bân, có ông, lại có cả cô Thùỵ. Giá bây giờ cô Thùỵ lại vào ở nhà ta như hồi nào thì con thích hơn!

Hai bố con ăn cơm. Nồi cơm độn một nửa khoai lang khô, có những lát khoai vẫn còn sống. Cái Lý xới cho bố một bát cơm rặt, rồi nó ngồi nhai

từng lát khoai một cách ngon lành. Lâm thấy động lòng. Ông nhất định bắt con phải ăn bát cơm của mình.

Đang dở bữa thì bác Thịnh về, xách lủng lẳng một xâu cá. Lâm hỏi vợ:

- Sao nhà biết tôi về đây?

- Tôi nghe ông Vàng bảo.

Nghe vợ nhắc đến ông Vàng, Lâm phát phì cười, lại chợt nhớ đến cái tính nóng nảy của vợ. Trong cuộc họp đại hội xã viên hôm trước mà Lâm có dự, ông Vàng nói rất dài. Xưa nay, ông Vàng có thói nói năng rề rà, bữa ấy ông Vàng lại nói vừa rề rà vừa dài. Từ trong góc tối, bác Thịnh liền đứng bật dậy: "Ông nói dài nghe phát sốt cả ruột. Có việc gì thì cứ nói thẳng ra, khắc chúng tôi làm!".

Loáng một cái, bác Thịnh đã nấu xong nồi canh. Bác múc cho hai bố con mỗi người một bát cá lành canh, miệng giục:

- Ông ăn cá đi! Ăn cơm xong, ông sang bên dì Quý xem nhà cửa hồi này ra sao. Từ hôm thằng Lân đi, chị ấy vẫn không dám sang bên này. Hôm nọ tôi có vào, nhưng lại không gặp. Ông bảo chị ấy có việc gì khó khăn thì sang bảo tôi.

Lâm đặt bát cơm xuống, hỏi vợ:

- Nhà bàn với ông sang ở bên ấy phải không?

- Phải.

Lâm có vẻ không bằng lòng:

- Việc này đáng lẽ nhà phải bàn với tôi mới phải?

- Ông định nói sao?

- Tôi không muốn ông lại vào trong ấy. Giá mà tôi biết trước...

Bác Thịnh đón được ý chồng:

- Ông sợ dì ấy ăn ở với ông không ra làm sao, rồi lại như ngày xưa phải không? - Bác Thịnh suy nghĩ rồi nói - Con người ta nay khác, mai khác. Khắc chị ấy biết nghĩ ra. Hòn đất còn nặn nên nồi được, hóa là con người ta!

- Nhưng còn ông? - Lâm ngắt lời vợ.

- Ngày trước, ông cũng giận dì ấy nhưng bây giờ thì ông chẳng để tâm đến chuyện ấy nữa đâu. Ông để tâm thì ông chẳng vào ở trong ấy. Từ hôm thằng Lân đi, không có ông thì chị ấy cũng chẳng biết xoay xử như thế nào. Nhà chỉ có một người lớn, mỗi nách hai đứa con nhỏ.

Lâm ngồi trước mâm cơm, vẻ mặt tư lự như khi đứng trước một vấn đề khó khăn. Hôm Lân lên huyện, Lâm sang huyện đội xin phép cho con sang bên cơ quan huyện ủy chơi. Nghe Lân nói ông cụ đã sang ở bên nhà chị Quý, Lâm lấy làm ngạc nhiên và tỏ vẻ không bằng lòng. Lâm không thể quên sự đối xử của người vợ hai với bố mình. Tuy rất yêu chị Quý, nhưng Lâm không phải hạng người mê vợ đến nỗi quên bố mẹ. Lâm nghĩ đời ông cụ đã phải chịu bao nhiêu sự khó nhọc, vất vả, nên mình phải tạo cho bố một cuộc sống dưới chế độ mới hơn ngày trước, không những bố được no ấm, mà về tinh thần làm sao cho bố được thanh thoi. Lâm đã tính toán rất kỹ, Lâm dự định để ông cụ ở với bác Thịnh ở ngoài xóm đồng muối cho đến khi về già. Bác Thịnh và ông cụ đã từng no đói, giặc giã có nhau, từng sống với nhau bằng mỗi tình của kẻ nghèo khó trong hai ba chục năm, từ ngày đen tối của chế độ cũ. Để bố ở chung với người vợ cả của mình, Lâm không phải lo ngại điều gì cả. Hơn nữa, xóm đồng muối là mảnh đất có nhiều gắn bó với ông cụ, phần mộ của bà cụ, khi cải táng Lâm không đem vào trong đồng mà cũng để ở ngoài này. Từ xưa đến giờ, tuy ngoài xóm bãi đồng muối nóng nực, nhưng ông cụ vẫn thích ở ngoài này hơn.

Xưa nay, Lâm cho rằng mình thu xếp cái hoàn cảnh gia đình đặc biệt của mình như cách ấy là hợp lý nhất, đã tính toán hết sức kỹ lưỡng, không thể nào khác được.

Chị Quý thuộc loại người đàn bà có con rồi mới bắt đầu có sắc đẹp, càng sinh đẻ thì vẻ đẹp như một bông hoa càng nở rộ rờ.

Cuộc đời của chị cũng giống sắc đẹp của chị, tuy là làm lẽ nhưng về sau lại có nhiều hạnh phúc: Người vợ cả chẳng bao giờ biết ghen tuông; nhà cửa cao ráo, đẹp đẽ; chồng công tác ngày một tiến bộ. Chị vẫn thường trả lời với mọi người: "Ông ấy làm việc ở trên tỉnh".

Ngày mới lấy chồng, chị Quý xuất thân gia đình buôn bán nhưng là một người con gái hiền lành nhất vùng chợ Hạc. Những năm mới về làng Kiều, vì con cái ngày một đông, chị thôi hoạt động công tác nhưng đối xử với bác Thịnh và ông cụ Lâm một mực lễ phép, tỏ ra biết cư xử trong nhà. Cũng như những người đàn bà hay cậy mình có chồng làm sang, những thiếu sót của chị bắt đầu từ một cách suy nghĩ sai lầm về địa vị mới của chồng. Dầu sao chị vẫn là con người quen tính toán theo cách buôn bán. Trong thâm tâm, chị tự nghĩ chỉ có mình mới xứng đáng được ăn nói, giao thiệp với bạn bè và đồng chí của ông Lâm từ trên huyện hoặc trên tỉnh xuống.

Nhà chị Quý ở đầu xóm, lại kề đường nên cũng có nhiều khách. Đây là một ngôi nhà năm gian, lợp tranh nhưng ba mặt tường đều trát vữa rất kỹ, bên ngoài quét vôi màu vàng tươi. Nền nhà cao, phía trước có bậc thềm xuống sân. Xung quanh nhà cây cối um tùm. Cạnh vườn cây là bể nước, nhà bếp. Tất cả cái cơ ngơi cao ráo, mát mẻ ấy dựng trên nền đất được chia sau cái cách ruộng đất. Cái nền đất của nhà chị Quý, từ hồi làm anh canh điền, ông cụ Lâm đã thông thuộc như thuộc lòng bàn tay, cứ nhắm mắt cũng biết chỗ nào trâu đi có thể vấp, vì hai vợ chồng ông cụ đã ăn ở và sinh

Lâm ở đấy. Ông cụ Lâm cố ý bỏ ra bao nhiêu công sức dựng cho chị Quý và các cháu một khu nhà thật phong quang, với ý nghĩ riêng của mình: Cuộc đời tối tăm đã hết, mảnh đất dưới chân đã thuộc về mình. Trên mảnh đất thấm mồ hôi và nước mắt ấy, hãy làm nhà ở cho đẹp và trồng cây ăn quả lâu năm về sau cho con cháu hưởng.

Sau ngày Lâm rời nhà ra đi bộ đội được vài hôm người ta lại thấy ông cụ khoác bên vai cái tay nải bằng vải nâu vào ở nhà chị Quý. Những người bà con xóm đồng muối hỏi: "Cụ lại bỏ chúng tôi để vào trong ấy ư?" Có người bảo: "Cụ vào trong ấy khó ở lắm đấy!". Ông cụ gật đầu và lại phơi hai hàng lợi ra cười. Bà con xóm đồng muối vốn rất quý mến ông cụ, họ lấy làm buồn vì chưa ai quên cái bận vừa qua, chưa lâu lắm, ông cụ cũng khoác cái tay nải đựng vài chiếc quần áo như thế, từ xóm trong đồng trở về nhà bác Thịnh.

Từ hôm vào trong nhà chị Quý, ông cụ bắt đầu lại bận bịu, suốt ngày chăm nom một bầy cháu nhỏ, lại rào giậu vườn tược, trồng thêm cây, lấy bùn ấp gốc cây, chẳng để ngơi tay ngơi chân một lúc nào. Ông cụ vẫn rất vui vẻ và cởi mở, còn chị Quý dường như chưa dám nói một lời thật tự nhiên với người bố chồng. Chị đã hiểu ông cụ rất rộng lượng, và cũng thấy không có ông cụ thì không biết nhờ cậy ai trông nom lũ con nhỏ để đi làm. Tuy vậy sự có mặt của ông cụ trong nhà chẳng khác gì một điều trừng phạt đối với chị.

Ông cụ lúc nào cũng điềm tĩnh, sẵn sàng bảo ban chị mọi việc làm cho chị rất khó xử. Chẳng thà ông cụ chửi mắng, ghét bỏ chị, có lẽ như thế chị sẽ thấy đỡ day dứt, đỡ khổ tâm hơn.

Trời đã tối một lát. Mặt sông Kiêu sáng lấp lánh, phản chiếu vài ánh lửa bên rừng sù. Cánh đồng như rộng thêm, vì những đám ruộng vừa gặt xong nằm phơi ra, kéo dài tới ngoài bờ sông. Từ phía ấy, từng đợt gió thổi

vào, lan trên những đám ruộng lúa chưa gặt, những bông lúa nặng trĩu va nhau ào ào, một vài con chim ngói ẩn dưới gốc lúa bỗng chốc bay vụt lên kêu chiêm chiêm trong bóng tối.

Lâm để xe đạp ngoài xóm đồng muối và đi bộ vào xóm trong. Lâm bước trên bờ ruộng, mùi rơm rạ và hương lúa chín ngào ngạt, mùi đất mới cày xông lên, không khí hơi lạnh và khô ráo, tất cả gợi cho Lâm một cảm giác quen thuộc, lạc quan của vụ gặt tháng mười được mùa. Lâm dừng lại, cúi xuống ngắm một rẻo lúa chưa gặt, ngắt một bông đưa lên trời soi từng hạt. Lâm cầm bông lúa đi sang một rẻo khác và thầm ước lượng, so sánh kết quả vụ gặt ở làng mình với sản lượng lúa của những cánh đồng làng khác.

Xóm đồng muối nằm biệt lập phía biển đã chìm trong bóng tối và tiếng sóng. Trước mặt Lâm, các xóm đồng hiện ra bên những cánh ruộng, bóng những lũy tre, những hàng cau xum xuê, tiếng trẻ con khóc, tiếng néo đập lúa chan chát, tiếng chó sủa, tiếng gà lên chuồng cục tác. Tất cả tạo nên một không khí nhộn nhịp, ấm cúng.

Lâm về đến hàng giậu bắt vào một cái cổng có hai cây duối uốn khum thì trông thấy bóng một người đàn bà đang rê thóc. Lâm tưởng nhầm là chị Quý, lên tiếng hỏi:

- Tối thế này, nhà còn rê thóc ư?

Người đàn bà hàng xóm đang cúi lom khom, bưng một thúng thóc đứng trước ngõ nhà Lâm vội ngừng lên chào:

- Bác Lâm mới về đấy ư?- Người đàn bà liền báo tin -Thật là tiếc, bác lại về hụt rồi! Bác gái đã bế các cháu sang bên Hạc từ hôm kia!

- Đang giữa ngày mùa, nhà tôi sang bên ấy có việc gì? - Lâm hỏi.

- Bác ấy nghe tin thằng Lân còn đóng quanh quần ở vùng chợ Hạc, chưa đi đâu xa nên tìm đến thăm nó.

- Nó đi tận đâu đâu rồi! Nó vừa ra khỏi nhà đã đi thăm làm gì? - Lân nói và bước vào nhà.

Khác với những lần Lân về, nhà cửa vắng vẻ quá. Trên chiếc giường gỗ quang dầu đỏ chót, thằng con trai lên chín tuổi đang nằm ngủ, có lẽ thằng bé suốt ngày đi chơi nên mới lặn ra ngủ sớm thế. Ông cụ Lân đứng quay lưng ra ngoài, đang thò tay lên đỉnh màn như tìm một vật gì. Ông cụ nghe tiếng chân bước ngoài sân liền quay ra. Lân chào:

- Ông!

- Anh ở bên nhà Thịnh sang đây ư? - Ông cụ buông màn cho cháu xong, chỉ hỏi Lân có một câu rồi chẳng hiểu sao, ông cụ lật đật bước thẳng ra sân, sang bên nhà hàng xóm.

Lân rút trong chiếc cặp ra một chai rượu ngâm thuốc đặt lên bàn. Trên chiếc bàn mộc mới đóng, chưa kịp quang dầu chỉ có một ngọn đèn dầu vụn nhỏ, ánh sáng tỏa lù mù. Lân nhìn ra khoảng sân tối: "Sao thấy mình về, ông cụ lại bỏ đi? Hay là ông cụ lại có thêm điều gì giận mình?". Lân tự hỏi và thấy không được vui lắm. Từ lâu, có lẽ đã hơn mười năm qua, mối quan hệ giữa Lân và ông bố thiếu một cái gì đó, có thể gọi là sự gần gũi tự nhiên của tình cha con. Ít ra cũng do chính Lân tự thấy như vậy. Lân còn nhớ ngày mới hòa bình, mình về thăm nhà. Nhà cửa sau những năm địch chiếm đóng xơ xác, bác Thịnh vừa gầy vừa già, hai con mắt sâu hoắm. Trong chuyến về ấy, nhìn cảnh nhà Lân càng hối hận. Nhưng điều sai lầm đã xảy ra rồi! Lân hết lời xin lỗi gia đình và nói thực mình đã trót lấy vợ hai, đã có với nhau một đứa con. Bác Thịnh ngồi nghe, hồi lâu mới đưa tay lên quệt nước mắt và bảo: "Sự tình đã như vậy thì ông hãy cứ đưa chị ta và con về đây ở với tôi". Riêng ông cụ nghe Lân nói liền nổi giận đùng đùng và bỏ đi uống rượu. Ông cụ vốn trọng sự ân nghĩa, lại rất quý bác Thịnh. Ông

cụ hết sức nghiêm khắc, cho Lâm là một người đã giác ngộ mà còn phụ vợ con ở nhà. Xưa nay, Lâm vẫn hết sức kính trọng bố. Lâm biết bố nói có lý. Từ ngày đó, trong mối quan hệ với bố, Lâm có cái gì gần như dè dặt, mặc dầu Lâm đã là một cán bộ lãnh đạo có uy tín và tiếng nói với tất cả mọi người trong huyện.

Sau nhiều năm, Lâm tưởng những chuyện cũ trong gia đình mình đã ổn thỏa, không ngờ lại xảy tiếp đến chuyện chị Quý gây xích mích và đuổi ông cụ. Chuyện ấy càng làm cho Lâm đau như xé ruột. Lâm tin chắc cho đến già, ông cụ không bao giờ quên và tha thứ cho chị Quý những việc làm ấy.

Lâm vịn to ngọn đèn cho sáng hơn và ngồi đợi bố. Ông cụ ở bên nhà hàng xóm về, một tay xách chiếc phích vỏ tre đựng nước nóng, tay cầm lọ chè. Lâm lấy làm lạ nhận thấy ông cụ hình như có điều gì thích thú.

Ông cụ đưa lọ chè cho Lâm, rót nước rửa bộ ấm chén đầy cái bồn và kể:

- Nhà Quý đã đưa mấy cháu nhỏ về bên Hạc rồi. Từ hôm thằng Lâm đi, nó nhớ đến ngơ ngẩn! Thế đấy, có ở trong hoàn cảnh kháng chiến thì mới hiểu hết... Anh pha lấy mà uống, tôi đoán thế nào tối nay anh cũng tạt về nhà nên đã kiếm sẵn một ít trà cho anh...

Lâm rót rượu mời bố. Lâm biết tính ông cụ thích uống rượu nên mỗi lần về lại mang theo một chai rượu trắng ngâm thuốc bắc. Ngày còn thằng địch tạm chiếm, ông cụ hễ có chén rượu là nói năng lung tung, từ thằng Tây đến thằng hương vệ, tổng dưng đều lôi ra chửi tuốt, chẳng thèm giữ mồm miệng! Từ ngày được giải phóng, ông cụ uống nhưng vẫn tinh táo. Ông cụ thích thú nhấp một ngụm rượu sánh đỏ như nước cao, lấy tay quệt ngang miệng rồi tựa lưng vào cái thành tràng kỷ bằng tre, các đốt rất nhẵn và bóng lộn.

Lâm liếc nhìn bố, dò xét "Chẳng biết tối nay, ông cụ có điều gì mà tỏ ra phấn khởi thế?". Ông cụ giục Lâm uống nước và bắt đầu khởi mào:

- Đêm hôm kia, tôi có đi nghe anh nói chuyện ngoài trụ sở...

- Vâng.

- Anh nói, tôi nghe kỹ hết... Tôi nhớ hết, về nhà nghĩ càng thấy anh nói đúng.

- Ông cụ hào hứng hẳn lên, bắt đầu nhắc lại một lượt bằng lối nói của mình, tất cả những điều Lâm đã nói với bà con trong làng đêm hôm trước:

- Ngày xưa, thằng Mỹ còn núp sau lưng cái thằng Việt gian tay sai, tức là nó muốn thu "nhân tâm". Bây giờ, cái thằng Việt gian sắp đổ, nó mới phải nhảy ra, tức là nó đã mất "nhân tâm". Nhưng tôi hỏi anh điều này: Như thế tức là cũng còn có người chưa thấy hết tội ác của thằng Mỹ, chưa nhìn rõ mặt nó là thằng giặc cướp nước mình ư?

- Ban đầu cũng có - Lâm giải thích cho bố - Nhưng hiện nay thì ai ai cũng thấy thằng Mỹ là thằng đi ăn cướp nước. Nó đã phải đưa quân về làng đi càn quét như thằng Tây ngày xưa rồi! Tội ác của thằng Mỹ đã chất cao bằng núi rồi. Đến vợ con, cha mẹ bọn ngụy binh cũng phải chết vì bom đạn Mỹ. Đồng bào công giáo miền Bắc di cư vào, khi nghe tin máy bay Mỹ ném bom miền Bắc cũng rửa thằng Mỹ!

- Chẳng có cái nhục nào bằng nhục mất đất, mất nước! Anh nói đúng! Phải, lòng người dân Việt Nam ta mạnh mẽ. Anh nói điều này thì tôi càng hiểu lắm, sắp đến ngày thằng lợi thì lại càng phải dấn lên, phải cố sức mà dấn lên để đánh nó ngã quy hần mới thôi!

Ông cụ lại đặt ra không biết bao nhiêu câu hỏi và thắc mắc bắt Lâm giải đáp. Lâm bị cuốn theo tinh thần sôi nổi của bố, cũng hỏi lại:

- Ông thấy kinh nghiệm "vừa chiến đấu vừa sản xuất" của tỉnh Quảng Bình thế nào? Liệu vùng ta khi chúng bắn phá mạnh, có làm được như thế không?

Ông cụ nhóm người lên, đáp:

- Họ làm giỏi đấy! Rồi chúng tôi phải học kinh nghiệm của họ. Nhưng các anh cần nói thêm với bà con điều này: Hồi kháng chiến, thắng ngụy binh nấp sau cái lô cốt, suốt ngày đêm chĩa khẩu súng ra ngoài cánh đồng. Hễ trông thấy bóng người là nó nổ "đòm" một phát. Thế đấy! Thế mà mình vẫn cấy được tới sát chân lô cốt. Đấy chẳng là vừa chiến đấu vừa sản xuất đó ư?

Hai bố con ngồi với nhau đến quá nửa đêm. Lâm ngạc nhiên thấy ông cụ chỉ ở làng, tin tức nghe lồm bồm nhưng hiểu biết tình hình quá nhiều. Lúc bước chân về nhà, Lâm đã có ý định tìm hiểu thái độ của bố đối với mình như thế nào vì Lâm tự nghĩ: Ông cụ vào ở trong này là vì thương cháu, muốn cháu yên tâm ra đi bộ đội, nhưng nhất định về phần mình sẽ có điều mắc mớ, thiếu sáng khoái. Nhưng Lâm thấy ngược lại, ông cụ tỏ ra hết sức vui vẻ, lại có phần hồ hởi đối với mình hơn trước. Những điều ông cụ quan tâm đến đều là những vấn đề to lớn và quan trọng hơn việc trong nhà rất nhiều. Lâm chợt nhớ trong cuộc họp huyện ủy mở rộng vừa qua, Lâm đã nói với các cán bộ xã: "Nhân dân ta có lòng yêu nước vô hạn, chẳng có việc gì mà khả năng nhân dân không làm được!". Bây giờ, hình như Lâm mới hiểu thấu hết lời nói của mình, và thấu hiểu được thêm trên nhiều mặt sâu xa, tấm lòng của nhân dân đối với công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại. Qua một đêm trò chuyện với bố và chuyển về nhà, cũng như mỗi lúc đi xuống cơ sở, Lâm như được bồi đắp thêm lòng tin và quyết tâm đối với công tác, như có hàng triệu giọt máu hồng từ rất nhiều vi ti huyết quản đến tiếp thêm cho cơ thể của mình.

Ngày hôm sau, Lâm trở về huyện rất sớm.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 11

Dạo này máy bay địch thường xuất hiện. Chúng bay từ ngoài biển vào, cao bảy tám cây số, chỉ nghe tiếng máy rần rần tận mây xanh. Vừa kịp ngược mắt trông lên, tiếng động cơ phản lực đã vút qua đầu. Thịnh thoảng, đang nửa đêm bỗng thấy có ánh sáng nhấp nháy ngoài biển, rất xa.

Bên công trường "Bãi sù", dân công đang làm rất gấp. Mỗi ngày, hơn một ngàn người làm. Dải rừng sù, trông từ trên chiều cao bảy tám ngàn thước, vẫn là một dải màu xanh im lìm, chỉ hơi sáng lên một chút lúc có ánh mặt trời và trở màu đen sậm khi mặt trời vừa tắt. Khó mà hình dung được bên dưới đó, dưới những cành sù dày đặc như một chiếc mái nhà khổng lồ, hàng ngàn con người, chỉ bằng đôi bàn tay đang rạch một khúc sông lớn. Từ lúc đặt lưỡi mai xén nhát đất đầu tiên, người ta không thể nào tưởng tượng được chỉ sau một thời gian ngắn, dọc dải đất mới phát cây cối, cái lòng sông đã hiện ra giữa hai bờ đất cao ngất.

Trên những cánh đồng các xã, lúa chín rữ. Trong các trụ sở hợp tác xã, trong từng nhà, người ta đang tính toán, phân công nhau ai ở nhà tiếp tục gặt, ai đi lên công trường để thay phiên cho những người đi lớp trước. Áo phơi lá, đồ đạc, xanh nôi, những con lợn vừa giết xong đem ướp muối, tất cả đồ đạc lụng củng của đoàn dân công xếp ngổn ngang bên gốc đa, trong sân phơi, ngay đầu bờ ruộng. Ngay đầu bờ ruộng đang gặt, các chủ tịch xã, các chủ nhiệm hợp tác xã đang tập họp anh chị em dân công để đả thông nhiệm vụ. Họ chỉ nói vắn tắt, nói với nhau làm gì cho dài? Khắp cả nước đang đổ máu giết giặc, con em họ đang ở ngoài mặt trận, mỗi người đang tự động viên lấy mình, mỗi người đang tự tìm lấy một cách suy nghĩ và cách làm việc mới.

Từ ngày mở công trường "Bãi sù", ông cụ Lâm hay vắng nhà. Chiều nào cũng vậy, ông cụ khoác chiếc áo dạ xám cũ của lính Tây trên vai, nói với chị Quý: "Tao ra ngoài này một tí". Chị Quý biết thế nào ông cụ cũng đi đến tận khuya mới về.

Ông cụ bước xăm xăm ra ngoài trường học. Bên cạnh buồng của Thùy là căn phòng chứa học cụ. Thùy đã dọn cái phòng ấy cho đồng chí An, đại úy công binh hải quân phụ trách công trường đến ở. Ông cụ ghé vào uống chén nước bên nhà Thùy, hỏi han vài câu rồi trong chốc lát đã nghe tiếng ông cụ nói oang oang bên phòng người cán bộ quân sự:

- Anh An! Trong miền Nam quân ta vừa đánh một trận thắng to quá nhỉ? - Ông cụ ngồi xuống chiếc ghế, vừa hỏi vừa đưa mắt ngắm nghía cái đài chạy pin đặt trên bàn.

An đã thuộc tính ông cụ Lâm. Anh mở đài, xách chiếc điều cày và sắp thuốc đặt bên cạnh. Thế là mặc An làm việc, ông cụ cứ ngồi đấy, hút thuốc ào luôn miệng, đắm mình trong khói thuốc và những bản tin tức chiến sự, chăm chú theo dõi từng chiếc máy bay rơi, từng trận chiến thắng lớn nhỏ. Một lần, nghe nói ở một tỉnh miền Đông Nam Bộ, trong một đêm nhân dân nổi lên phá hàng chục ấp chiến lược, ông cụ mừng lắm, liền lôi An đến bên cái đài, và bắt An vịn to lên nữa để nghe cho thật rõ. Mặc dầu chưa biết "mặt mũi" cái tỉnh miền Đông Nam Bộ của dải đất tận cùng miền Nam ấy ra làm sao, nhưng ông cứ hình dung ra quang cảnh tấp nập và vui vẻ của làng Kiều những ngày mới giải phóng, và một lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới trên nóc lô cốt, chỗ ông đang ngồi đây. Ông nghĩ: Đồng bào mình ở cái tỉnh miền Nam ấy ắt cũng vui vẻ, hồ hởi như thế. Ở đâu cũng giang sơn mình, cũng là người nước Việt Nam mình, cũng một nỗi khổ và niềm vui như thế cả.

Một buổi chiều, bác Thịnh sai cái Lý mang một gói thuốc lào sang biếu ông cụ. Vào nhà chị Quý không thấy ông, cái Lý chạy ra trường học, An liền chỉ sang bên kia sông:

- Ông cháu còn ở bên công trường, còn bận. Cháu cứ ngồi đây rồi chốc nữa ông cháu sẽ về.

Đạo này, ông cụ Lâm quên cả thú nghe đài, cứ ở miết bên rừng. Mãi gần chập tối, những chiếc đò chở anh chị em dân công làm đêm đã sang chuyển cuối cùng, ngoài bến tiếng ồn ào đã vợi đi, lúc bấy giờ ông cụ mới lò mò về. Ông đi từ mé bờ sông lên, những vết bùn khô nẻ bám trên chiếc áo khoác bằng da đã rách lòi cả khuỷu tay. Mặt cũng dính bùn. Lúc cười, vài hạt bùn khô trắng từ những nếp nhăn ở hai bên má rơi xuống vai áo.

Vừa bước lên thềm, ông cụ đã hỏi An:

- Ngày hôm qua, ta bắn rụng được cả thầy mấy chiếc, hả đồng chí An?

An đưa gói thuốc Lào gói kỹ trong một mảnh lá chuối khô cho ông cụ:

- Thuốc cháu nó mang ra đây. Nó ngồi đợi cụ mãi. Hôm qua, Thanh Hóa và Quảng Bình bắn rơi năm chiếc!

- Chào, ta bắt gọn hết phi công chứ?

- Chỉ nghe đài báo là có bắt được, không biết con số cụ thể.

- Như thế là bắt được hết! Như thế là tóm được hết! Mấy đứa giết người ấy, cứ đem cho nhân dân phanh thây ra cũng chưa hết tội.

An hỏi ông cụ về công việc bên kia sông:

- Cái dây tường phía trước vài hôm nữa đã kín chưa hả cụ?

Ông cụ vê một điếu thuốc Lào, châm lửa vào que đóm rồi lại dụi tắt:

- Tôi nghe anh em bên công trường nói thằng tướng Mỹ đem vàng ra dụ ta phải không? - Ông cụ cười gằn - Cái thằng Mỹ đến lạ! Vác dao đến

nhà người ta, giết vợ con người ta, đốt nhà người ta rồi bảo: Mày cúi đầu xuống hàng đi tao cho tiền: Nó nói đến lạ tai! Hừ...

Ông cụ hút điếu thuốc xong rồi ngược lên hỏi An:

- Ban nãy anh hỏi tôi việc gì nhỉ?

- Tôi hỏi cụ bức tường mặt trước, chừng bao giờ cụ đắp xong ạ!

- Xong rồi!

An là một cán bộ "công trình", anh hết sức ngạc nhiên:

- Mới hai ngày, cụ đắp xong cả năm khung nhà mặt trước ư?

- Xong rồi!

Ông cụ quệt ngọn lửa qua lại trên nõ điếu, rít thêm mồi thuốc rất khoan khoái để thưởng thức cái công trình tuyệt mỹ của mình vừa hoàn thành. Sau hôm chuyển máy sang rừng, ông cụ nghe An và ông Vàng, hai người trong ban chỉ huy công trường bàn với nhau cử người đi mua nửa đan phen che lán đặt máy, liền khuyên: "Chẳng việc gì phải đan phen, vừa tốn tiền vừa chóng nát!". Ông bàn nên đắp tường đất. Thế là bắt tay vào làm. Tất cả dụng cụ của một người xây tường bằng đất chỉ có hai bàn tay khéo léo, còn đất thì ở đâu chẳng có?. Ông cụ ở luôn bên rừng, đắp kín khung nhà này lại đắp đến khung khác.

Thấy An khen mình làm nhanh, ông cụ cũng thích vì được một anh bộ đội khá am tường công việc "thổ mộc" khen ngợi.

Ông cụ nói càng hào hứng:

- Ngày mai, anh sang mà xem tôi đặt hòn đất như thế nào. Trong làng này từ nhà ở, nhà bếp, chuồng lợn, bờ tường, cái nào cũng chắc chắn. Một bàn tay tôi cứ vẩy hòn đất mà nên cả! Đây là chưa nói đến chuyện ngày xưa

tôi làm hàng trăm cái hầm bí mật. Tôi đã làm cái hầm thì tôi cứ chỉ đúng chỗ, đổ anh em du kích tìm ra được chứ đừng nói thẳng Tây. Chẳng tin, anh cứ hỏi ông Vàng là người đã từng ngồi suốt tháng dưới mấy cái hầm tôi đào...

- Cụ có hay đi làm xa không? - An hỏi.

Ông cụ kể năm ngoái, bên công trường muối dựng nhà kho để dựng cụ, ban chỉ huy công trường đặt giá khoán một bức tường mười hai khung giá sáu chục đồng. Những thợ xã khác chê đặt giá rẻ không nhận. Ông cụ liền đứng ra nhận làm chỉ có bảy ngày rưỡi là xong, lấy về nhà một lúc sáu chục đồng!

Lần này ông cụ làm cho anh em bộ đội gần một tháng nhưng vẫn bảo chị Quý vất cơm cho mình mang đi ăn.

Ngày hôm sau, An sang bên rừng thấy các bức tường ở các dãy nhà đầu tiên đã kín, có bức đã khô. Ông cụ đang lúi húi nhào đất chuẩn bị đắp sang khung nhà khác. Trông thấy đôi bàn tay ông cụ trắng nhợt vì nước ăn, An khẩn khoản đề nghị ông cụ nghỉ. Ông cụ liền từ chối:

- Công việc quân sự phải làm gấp, nghỉ sao được? Tôi không cầm được khẩu súng như hai thằng cháu tôi thì tôi cũng góp sức đánh Mỹ bằng cái nghề của mình chứ!

Ông lão trả lời rồi dẫn An đi xem từng dãy tường rất dày và chắc chắn, quả là tốt hơn dựng phen nứa và tiết kiệm được nhiều. Lần này, An lại phải ngồi suốt buổi nghe ông cụ giảng giải về cái nghề của mình một lần nữa.

Tính ông cụ Lâm như thế! Phàm gặp bất cứ người nào, ông cũng đem khoe cái nghệ thuật đắp tường. Ông có con làm bí thư huyện nên mọi người đều kính nể, nhưng ông cụ không khoe con bao giờ, và chỉ muốn người ta trọng mình ở hai bàn tay lấm đất.

Mùa gặt đã gần xong.

Đến giữa tháng mười một thì công trường cũng sắp hoàn thành và đang bước vào một đợt lao động quyết liệt nhất. Suốt ngày đêm, dù ở xa từ bên cánh đồng làng Kiêu, cũng nghe tiếng ồn ào bên sông vọng sang.

Bây giờ đứng trên bờ nhìn xuống lòng sông Đào thấy hun hút như trông xuống đáy vực. Hai bờ đất cứ mở ra, ngày một cao ngất. Những đoàn người đứng xếp hàng một, cách nhau vài chục bước chân, rải từ dưới đáy sông lên hai bên bờ. Hòn đất đưa từ dưới lên ngày một xa.

Khu vực công trường ở ngoài cùng, giáp sông, là phần đất của làng Kiêu. Đây là cửa sông Đào. Cửa "sông Đào" chưa mở. Một vĩa đất dày gần mười thước, được đắp cao thêm để ngăn nước bên ngoài không cho chảy vào con sông đang đào. Phía ngoài, sông Kiêu cứ chảy xiết. Những chiều thủy triều lên, mặt nước dâng cao và rộng như mặt biển, sóng vỗ xối vào bờ, y như tuồng con sông Kiêu đã đánh hơi thấy một nhánh sông mới, cứ dồn nước đến xung quanh cái bờ đất ngăn, chực tràn vào.

Phía trong cửa sông Đào, hàng trăm dân công làng Kiêu đang hối hả làm việc, đứng trên bờ trông xuống chẳng khác gì một đàn kiến lớn, mình đen trũi đang chậm rãi, kiên nhẫn tha từng viên đất lên, rồi lại chậm rãi, kiên nhẫn quay xuống tha viên khác. Trên quãng này, hai bờ cách xa nhau, lòng sông cũng sâu hơn. Tháng trước, theo sáng kiến của Thùỵ và các giáo viên trong làng, ông Vàng cho dựng những cái giá xúc bùn bằng tre hoặc bương như kiểu cần trục. Nhưng đến nay, những cái giá xúc đã phải xếp lại, mà hoàn toàn chỉ có thể trông vào sức người và lòng kiên nhẫn không mệt mỏi. Mỗi giọt bùn, mỗi hòn đất mang lên tới nơi là một giọt mồ hôi của nhân dân góp vào cùng bộ đội đánh giặc.

Bây giờ tất cả sự chú ý của hàng ngàn con người trên công trường đều tập trung vào khúc sông ngoài cùng và câu hỏi: Bao giờ thì xong? Bao giờ thì mở cửa sông Đào? Bao giờ sẽ được chứng kiến cái kết quả công việc làm của mình?

Nghĩ đến cái ngày ấy, ai cũng phấn khởi và càng làm khỏe hơn.

Từ khi việc gặt hái bên đồng đã hơi vãn, ông Vàng chỉ để lại cho mỗi đội sản xuất một số người ở nhà đập lúa và phơi phóng, các xã viên đều tập trung sang công trường làm đợt nước rút. Chị Quý ở trong số người mới sang. Trông chị hồi này hơi già đi, hai gò má sạm vì cháy nắng, đôi mắt một mí không còn cái nhìn sắc sảo như trước, nhưng đầm ấm hơn và hay dừng lại ở một chỗ trong khoảng không. Lâu nay, chị Quý chẳng khác gì một đứa trẻ, đôi mắt bắt đầu biết phân biệt màu sắc, ánh sáng...

Buổi sáng, bến đò trước cửa trường học chật những người. Mất trật tự và bạo miệng nhất vẫn là các bà nạ dòng. Người ta nói chuyện gặt hái, nhắc đến con cái rồi ùa xuống bến tranh nhau sang đò. Chị Quý xuống bến, đứng đợi một lát rồi đò mới sang. Một bà leo lên đò sau cùng, hai chân buông thõng ra ngoài, cười ngật nghễo và nói vọng về phía mũi:

- Thím Quý ạ, thím phải cảm ơn anh em bộ đội mới phải!

Chị Quý đang mãi nói chuyện với một chị đứng bên cạnh, bỗng quay lại hỏi:

- Cảm ơn thế nào ạ?

- Nhờ có các anh ấy mở cái công trường cho nên ông Lâm mới về luôn. Chẳng là tuần nào tôi cũng thấy ông ấy về đấy ư?

Chị Quý cười ngượng nghịu định nói gì lại thôi.

Một bà khác chêm vào:

- Tôi trông nước da tím hời này hơi xanh, khéo lại có ghen?

Chị Quý mạnh bạo đáp:

- Ông Lâm về làm việc bên công trường chứ có về nhà đâu ạ. Cháu đẻ nữa thì nuôi làm sao cho xuể, phải không bà?

Cái bà ngồi thông chân ở đằng lái liền tuyên bố phản đối:

- Đã làm đàn bà sao lại sợ không nuôi con xuể? Cánh đàn bà chúng mình phải đẻ thật nhiều nữa để lấy người mà đánh giặc chứ!

Cả thuyền ò ãm ã tiếng cười.

Chị Quý cũng vui lây, cũng cười thật giòn giã. Chị nhìn khắp lượt, bỗng nhận thấy một điều: phần lớn các bà cùng sang một chuyến đò, cả người đàn bà vui tính, đều có con ra bộ đội cùng một lớp với con mình. Có mấy người, con lớn con bé đều ở bộ đội tất cả. Chị thấy mến họ, mến cái không khí vui vẻ, ấm áp giữa những người mẹ chiến sĩ trong đó có phần chị. Chị nhìn những người đàn bà trong làng bằng con mắt gần gũi và thân thiết hơn.

Chị chợt nhớ hồi Lâm mới ra đi được vài hôm, chị ở nhà và lúc ấy mới biết mình yếu đuối hơn những bà mẹ trong làng rất nhiều. Hình như các bà, các chị khác, người ta không biết buồn biết nhớ là gì cả. Chồng hoặc con xách khăn gói ra khỏi nhà thì họ cũng xách hái ra đồng. Họ biết giấu tình cảm riêng vào trong lòng. Họ vẫn chòng ghẹo nhau, vẫn nô đùa và làm không bao giờ để bàn tay rỗi. Hình như họ đã quên những người thân yêu nhất vừa ra đi. Riêng có chị, chị nhớ con không đứng đâu cho yên, không ngồi đâu cho yên, như thế có vật gì bỗng chốc rơi tuột khỏi bàn tay. Hồi ấy chị sang bên Hạc, tìm không thấy Lâm, chị ở lại bên nhà bố mẹ vài hôm rồi bỗng bế con về làng Kiêu. Ở làng đã khởi công làm công trường, ngoài đồng đang gặt và tranh thủ cày vỡ, công việc thật là nhiều. Đủ các thứ công việc chòng chắt chẳng khác nào những cánh tay chìa ra, kéo tất cả mọi

người vào cái guồng máy lớn đang hoạt động, không để cho một ai có thể đứng ngoài. Chị Quý đi gặt một đạo, sang công trường một đạo, tối về lại đi đập lúa đến tận khuya. Nặng hanh tháng mười ngoài đồng và bùn lầy bên rừng sù đã lấy đi của chị một phần lớp da trắng trẻ. Chị cũng chẳng có thì giờ mà ngồi nhớ con nữa. Đêm đêm, tiếng đập lúa cứ chan chát ngoài sân kho. Đập lúa đêm mà không chuyện trò, không có mấy bà hay pha trò thì hai cánh tay cứ rã ra, và con mắt riu lại. Chị Quý đã quen với cảnh những đêm đập lúa vất vả, chị không còn được nhàn nhã như trước, nỗi nhớ con trong lòng chị tự nhiên vội dần đi.

Hôm đầu tiên đặt chân sang công trường, chị giật mình tưởng nằm mơ. Cả khu rừng đảo lộn lên tất cả! Đầu óc chị cũng đảo lộn lên: "Sức đông người có thể làm được thế này ư?". Lâu nay, chị làm việc gì cũng khỏe, rất dai sức. Hôm ấy, chị đội sọt bùn trên đầu cứ đi băng băng trên những đoạn dốc rất trơn, hết chuyến này đến chuyến khác. Nhưng sang ngày thứ hai, thứ ba thì chị đã mệt, nhắc sọt bùn lên vai tưởng không bước đi được. Nhưng chị vẫn cố, cuối cùng đã làm ngang mức hôm đầu. Chị đã nghiệm thấy rằng phàm lúc khó khăn, mình gắng lên được một bước là bước tiếp lên được mãi...

Chuyến đò ồn ào và đông nhất, chở những người đàn bà làng Kiêu sang công trường cập bến ngay dưới chân via đất ngăn con sông Đào. Mọi người tản vào các khu rừng. Trời sáng một lát lâu mà trong rừng còn tối. Qua một đêm, lớp bùn đen dưới đáy sông lắng xuống, nước mạch dâng lên đến bắp chân, chảy róc rách vào các ngách trũng. Một lớp váng như váng dầu với những chiếc lá sù đã ả nổi lênh bênh trên mặt nước trong vắt. Cách đây mấy hôm, cái đập ngăn nước bị vỡ một mảng lớn, nước ngoài sông Kiêu chảy tràn vào. Dân công làng Kiêu phải ra sức bịt lại, và đóng thêm một hàng cọc gỗ ở phía ngoài.

Sang tới nơi, nhóm đàn ông còn quây quần quanh chiếc điếu, hoặc đi xem lại chỗ vĩa đất xem có thềm lậu quăng nào không. Những người đàn bà liền bắt tay vào việc. Chị Quý từ bờ sông đi lên đến bìa rừng thì gặp Tốt. Tốt quây một gánh hàng cũng vừa ở dưới đò lên. Tốt chào rất lễ phép: "Thím lên trước đi nhé!" rồi quây gánh hàng lên đứng giữa khoảnh đất cao nhất. Một đám đông dân công, bộ đội lập tức vây lấy cô.

Tốt cười nói vui vẻ, vừa trao hàng, vừa thu tiền, hai bàn tay thoăn thoắt trên đôi quang chất đầy diêm, thuốc lào, thuốc lá, xà phòng. Ai đến mua cũng hỏi thăm: "Cô đã khỏe rồi đấy ư?" Vừa qua, chỉ có mấy hôm, công trường vắng Tốt thế mà hình như cũng kém vui. Hôm đập nước bị vỡ, Tốt và mấy cô gái khác theo cánh đàn ông lăn xả vào, lấy thân mình tạm thời bịt lấy dòng nước. Tốt đứng chỗ nước xoáy nhất. Khi mọi người rút ra, trong đám đông có gần một chục người phải dìu mới đi được, còn Tốt thì gần như bị ngất, phải đưa cáng tre chuyển đất cáng về bên làng.

Tốt bán hàng rất nhanh, rồi dọn quang gánh, đến chuyển đất với chị Quý. Chị Quý đỡ lấy sọt đất trên tay Tốt, hỏi bằng giọng âu yếm:

- Tôi tưởng cô còn nằm bên bệnh xá vài hôm nữa?...

- Cháu cũng định thế, nhưng sao nó sốt ruột không chịu được, ra ngoài này đi làm cháu lại thấy khỏe hơn, thím ạ!

Trước đây, thỉnh thoảng chị Quý có ra cửa hàng ngoài gốc đa mua mắm muối, diêm thuốc, thỉnh thoảng có nói chuyện với Tốt, nhưng chị không chú ý đến Tốt nhiều lắm. Tính chị xưa nay ít chú ý đến những người trong làng, cũng không quen thân với ai trong làng. Lâu nay, chị bắt đầu để ý và đã có cảm tình với Tốt. Hai người thường đứng cùng một dây chuyền đất. Với mọi người, bao giờ Tốt cũng bạo dạn và tinh nghịch, nhưng chị Quý để ý thấy Tốt đối xử với mình khác hẳn. Hôm nào cũng thế, chị Quý ra đến bờ sông cũng thấy Tốt đang đứng đợi mình để cùng sang một chuyến đò. Hôm nào chị sang trước, giữa đám đông người vừa ở đò lên, chị nghe

một tiếng cười rất trong. Khi quay lại, chị trông thấy khuôn mặt tươi trẻ, hàm răng rất trắng của Tốt và một gánh hàng đu đưa trên vai cô. Chị chưa kịp hỏi đã nghe Tốt niềm nở chào trước, như trách: "Hôm nay, thím sang sớm thế?".

Dần dà càng ngày chị Quý càng thấy Tốt đẹp và chăm chỉ, ngoan ngoãn.

Trong làng Kiều, lớp con gái mười chín, đôi mươi mới lớn lên có khá nhiều cô đẹp. Nhưng giữa các buổi họp, hay giữa những buổi cấy, gặt, tát nước ngoài đồng, đứng bất cứ ở đâu, Tốt vẫn cứ nổi bật lên trong đám con gái. Tốt đẹp, lại ăn nói táo bạo. Như một cành hoa hồng đang độ nở, đẹp rực rỡ nhưng lắm gai, Tốt đã làm cho nhiều anh con trai vừa mơ ước muốn đến gần lại vừa e sợ. Cái cửa hàng mua bán bên gốc đa, cánh cửa khép, cánh cửa mở từ lâu đã khiến cho nhiều anh thanh niên quanh vùng đi qua phải chú ý liếc mắt nhìn vào. Đã có biết bao nhiêu đám hỏi Tốt, người nhờ mối manh, người viết trao tay nhưng Tốt chưa nhận lời một người nào cả. Tình yêu cũng kỳ lạ! Mặc cho bao nhiêu kẻ sẵn đón, van vi, Tốt đều từ chối, và cô lại thầm có cảm tình với Lân. Cho đến ngày ra đi, chính Lân cũng không biết chuyện ấy. Suốt thời gian còn ở làng, có bao giờ anh học sinh mới lớn lên ấy thèm để mắt nhìn vào cánh cửa hàng mua bán hoặc trả lời với Tốt một câu cho ra vẻ lịch sự, dịu dàng đâu!

Chiều hôm ấy, Lân đã đi tập trung ở huyện, Tốt cũng về huyện cất hàng. Cô gánh gánh hàng về đến ngã ba đầu phố thì gặp Lân. Cô vội đặt gánh xuống. Hai người đứng nói chuyện với nhau được một lát. Lân có vẻ vội. Tốt chỉ kịp giúi vào tay anh một chiếc khăn thêu hoa và lại quấy gánh hàng về làng. Hình ảnh cuối cùng của Lân mà Tốt còn giữ mãi là một người chiến sĩ đứng trước mắt mình, đẹp như một bức tranh vẽ, cùng cái không khí quyến luyến tiễn người ra trận chỉ có cô mới cảm thấy hết mà thôi. Không ngờ lâu dần, khi Lân đã đi thật xa thì hình ảnh Lân, người chiến sĩ vừa quen thuộc vừa xa lạ ấy càng in thành nét đậm trong trí Tốt,

khắc vào tim Tốt, nhen lên trong lòng cô một ngọn lửa tình yêu tuy chưa phát ánh sáng ra ngoài, nhưng cứ cháy âm ỉ...

Tốt và chị Quý vẫn thường đứng cùng một dây chuyền đất. Một hôm, giữa buổi tối, Tốt vào nhà chị Quý chơi. Ngoài sân, xếp một đồng lúa chưa kịp đập. Tốt sai thằng bé em Lân lấy néo. Cô đập gần hết đồng lúa rồi mới thấy chị Quý gánh một gánh rơm ở ngoài sân kho về. Chị Quý vồn vã bảo:

- Cô vào trong nhà chơi!...

Tốt ôm mấy đứa bé trong lòng, ngồi chơi rất lâu. Trước lúc xin cáo từ ra về, cô ấp úng hỏi:

- Hôm qua, cháu nghe nói Lân vừa gửi thư về phải không thím?

"Phải rồi, cô ta yêu thằng Lân rồi!" - Chị Quý vụt nghĩ ra. Chị nhìn Tốt bằng đôi mắt của một người mẹ, xiết bao âu yếm:

- Phải đấy, cô ạ!

- Cậu ấy có hỏi thăm cháu không?

Thư của Lân gửi về, chị Quý đọc lấy làm bực mình vì chẳng hề hỏi thăm một ai cả. Tuy vậy, chị cũng nói:

- Có, nó có gửi lời hỏi thăm cô...

Tuy hai người đang ngồi bên ngọn đèn dầu, chị Quý cũng nhận thấy đôi vành tai nhỏ và trắng như ngó sen của Tốt cứ ửng đỏ dần như một cái vỏ lựu. Ôi, chị Quý yêu Tốt biết chừng nào! Làm sao chị không yêu được, khi người con gái đẹp và tốt bụng ấy đang lặng lẽ chia sẻ cùng chị niềm yêu thương đối với đứa con trai của chị đã đi xa.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 12

Suốt quãng thời gian nhà trường nghỉ gặt, Thùy vào xóm đi gặt một buổi, một buổi cô sang bên công trường. Các anh chị em giáo viên đều tham gia lao động cùng các xã viên ở làng.

Hôm đập nước vỡ, Thùy cũng làm ở gần, cùng Tốt nhảy vào chỗ nước xoáy, Thùy yếu hơn Tốt nên cô về nhà bị mệt phải nằm bệnh xá trên xã mất hai hôm. Hôm nay cô đã có thể trở lại lớp học của mình.

Sau những ngày nghỉ, các em đều đen cháy và lại trở lại lớp đông đủ.

Vẫn những chiếc đèn chai xách tay đặt trên các dãy bàn. Thùy đứng trong lớp học, vẫn nghe tiếng gôi lúa nện thành thạch xuống mặt cối đá, tiếng trục đá lăn ken két trong xóm. Bên kia, cách mặt sông tối đen và lặng như tờ, quang cảnh công trường đang bước vào ban đêm: Những chùm đèn điện sáng; hàng ngàn tiếng kêu lao xao không phân biệt rõ hòa lẫn vào nhau rồi lại tách ra - thứ tiếng động của hàng ngàn con người đang làm việc hối hả như một cái tổ ong khổng lồ không bao giờ ngớt tiếng kêu vù vù.

Cuộc sống của làng Kiều vẫn yên ổn, địch chưa bắn phá nhiều, nhưng trông bề ngoài, cũng không còn yên tĩnh và lặng lẽ như hồi Thùy mới về dạy học nữa.

Trong làng Kiều, mấy năm hòa bình vừa qua, Thùy chỉ thấy người ta xây dựng nhà cửa và làng xóm, hội họp, thanh niên đi bộ đội rồi lại trở về. Có khi người ta rất xúc động và tự hào nhớ lại những năm vật lộn với địch, nhớ bao nhiêu người ngã xuống. Nhưng đấy là những kỷ niệm, những thử thách đã qua.

Bây giờ, những người dân hậu phương ở đây, cũng như các chiến sĩ ở ngoài tiền tuyến đang đứng trước những thử thách mới, mỗi người đang tự tìm lấy chỗ đứng của mình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong đó có cả cô - một cô giáo!

Thùy giở một trang sách in và ghé vào bên ngọn đèn treo trước bảng. Ngọn lửa cháy trên đầu cái tim bắc lọc qua lần mặt kính đầy muội đèn chiếu lên trang sách những tia sáng vàng khè. Dưới các dãy bàn bắt đầu nổi lên tiếng giở sách loạt soạt. Tuy đang bận chăm chú giở trang sách để tìm bài học nhưng Thùy cũng biết các em đang nhìn mình, những cặp mắt trong trẻo đang ngước lên như muốn hỏi: "Cô sắp nói với chúng em điều gì đây?".

Thùy nhìn xuống và nói nhanh:

- Các em, cô sẽ đọc để các em chép bài.

Dưới hai dãy bàn cuối, thêm một chỗ ngồi để trống. Sau đợt Lân đi, lại thêm một học sinh vừa trúng nghĩa vụ quân sự.

Thùy khơi cái tim bắc cho ngọn lửa cháy to hơn và đọc chậm rãi. Cô đọc cho các em chép một bài giảng văn mà cô rất thích:

- ... Đêm ấy, tôi nghỉ lại với bác trên cái lán giữa rừng... Lúc tỉnh dậy, bác chỉ nói chuyện tình hình. (1)

(1) Trích trong cuốn hồi ký "Từ nhân dân mà ra" của đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Cô đọc xong một câu lại ngừng, theo dõi các em viết. Tiếng ngòi bút gãi trên mặt giấy lạo xạo. Mọi người đã chép xong. Cô bắt đầu đọc tiếp thì từ trong xóm, thốt lên một tiếng kêu: "Tắt hết đèn đi, máy bay đấy!". Hàng

chục ngọn điện bên rừng sú vẹt tắt. Đèn trong xóm cũng tắt hết. Trong bóng tối bao trùm lên xóm làng, bãi sông, lũy tre, đường sá, tiếng đập lúa ngoài sân phơi nhà hợp tác nghe càng rõ minh bạch, cứ chan chát, thành thịch, mỗi lúc càng gan góc và bèn bỉ. Bên kia sông, ngay đầu cánh rừng có tiếng người đàn bà tinh nghịch: "Thằng Giôn-xơn lại đi mò đấy!". Nghe tiếng cười giòn giã, âm ỉ bên cửa sông Đào, Thùý cứ ngỡ số người làm ở bên ấy càng đông hơn ban ngày.

Một tiếng trẻ con khóc trong xóm.

Thùý vắn nhỏ ngọn đèn, nói:

- Các em che ánh đèn và chúng ta tiếp tục viết!

Cô bước xuống giữa các dãy bàn học sinh, gấp trang sách lại và tiếp tục đọc theo trí nhớ. Bài giảng văn ấy, Thùý đã từng được các thầy giáo dạy hồi học lớp bảy, từ lâu cô tưởng đã quên, tự nhiên chợt nhớ lại, rành rọt từng chữ một.

Cô đọc thuộc lòng cho các em viết tiếp:

- Lúc tỉnh dậy, Bác chỉ nói chuyện tình hình. Bác dặn: "Lúc này, thời cơ đã đến. Dù phải hi sinh đến đâu, dù phải thiêu cháy cả dải Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập".

Tiếng máy bay địch vẫn chưa dứt. Trong khoảng trời đêm, chúng bay rất cao và xa, gợi cho người ta cảm giác như có một con rận đang bò lằn lằn trên quần áo, da thịt. Làng xóm vẫn bình thản. Mấy ngôi sao trên ngọn cây phi lao ngoài cửa sông Kiêu vẫn nhấp nháy như những cặp mắt tinh táo. Thùý mở đầu bài giảng văn bằng cách đặt những câu hỏi cho các em trả lời. Đang giữa buổi học, một học sinh ngồi phía cửa tự động đứng dậy:

- Thưa cô, có người gọi cô ạ!

Thùy ngó ra ngoài. Trong ánh đèn chiếu ra ngoài hiên, một bóng người đàn bà cao lớn đang đứng nép bên cánh cửa sổ. Thùy nhìn kỹ mới nhận ra bác Thịnh. Thùy chưa kịp bước ra thì bác Thịnh lúng túng, đã chực bỏ đi ra sân:

- Cô cứ dạy... Tôi đứng ngoài này... tôi nghe vậy!

Thùy hết sức ngạc nhiên. Cô chưa bao giờ thấy bác Thịnh lui tới những nơi trụ sở làm việc, và cũng chưa bao giờ thấy bác ra trường học.

- Bác đi đâu khuya vậy? - Thùy hỏi nhanh.

- Tôi ra thăm cô... Tôi vừa ở bên trạm xá sang đây.

Thùy nắm tay bác kéo vào lớp, bảo bác ngồi ở dãy bàn cuối có mấy chỗ trống:

- Bác ngồi đây... đợi tôi một lát nhé!

Cô phải nài mãi, bác Thịnh mới dám đánh bạo ngồi xuống bên mép chiếc ghế dài và cố thu mình lại, hai chân giấu vào trong chân ghế. Bác đưa cặp mắt rụt rè nhìn lên tấm bảng và cái bàn của Thùy.

Chưa hôm nào Thùy giảng bài say sưa như thế. Hình như hình ảnh bác Thịnh đã gợi lên cho cô hình ảnh và cuộc đời của những người mẹ kháng chiến, một cái gì vô cùng quý giá cứ sinh sôi mãi và không bao giờ mất. Cô sực nhớ Bân và Lân, đêm chuyển máy sang rừng, bữa cơm ở nhà bác.

(Bác Thịnh vẫn ngăm nhìn lớp học bằng cặp mắt rụt rè, và đang lắng nghe Thùy giảng bài).

Thùy nói với các em, mà cũng là nói với mình. Có lúc, cô cứ ấp úng, không sao diễn tả được thật rõ những cảm xúc và ý nghĩ ra lời nói... "Trải qua hai chục năm, từ khi Bác Hồ kêu gọi toàn dân quyết tâm giành độc lập,

lời kêu gọi ấy đã biến thành lòng quyết tâm và hi sinh của cả nước. Ngày nay, lúc cả nước đang dốc sức ra để đánh thắng giặc Mỹ, mọi đòi hỏi của cuộc kháng chiến đều cấp bách, mọi người đều phải đương đầu với kẻ thù, nguồn sức mạnh trong mỗi người được gọi dậy. Nguồn sức mạnh tiềm tàng vô tận của cả dân tộc ta đang được gọi dậy để đánh bại kẻ thù dám thách thức nó. Rồi ngày mai, khi tên đế quốc xâm lược hung hãn nhất thế giới bị đánh bại, cái sức mạnh vô địch ấy lại lặn vào trong chiều sâu, như mọi chuyện truyền thuyết đẹp đẽ trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta...".

Tất cả những ý nghĩ ấy, tuy không nói ra được đầy đủ nhưng cô đều cảm thấy sâu sắc, và muốn truyền tới các em.

Buổi học hơi quá giờ. Khi các em xách những chiếc đèn dầu, ồn ào tỏa về các xóm, Thùy dẫn bác Thịnh về căn buồng riêng của mình ở dãy nhà ngang.

Bác Thịnh cứ tấm tắc khen:

- Cô giảng sách hay quá!

Thùy rót nước mời bác, hỏi:

- Lâu nay bác bận ở dưới lò muối phải không?

Bác Thịnh bưng chén nước, ngược mắt ngắm gian nhà:

- Tôi xuống hẳn dưới lò rồi cô ạ... Ông Vàng bảo tôi xuống đấy phụ trách tổ lò muối, trông nom cho các cô ấy làm.

Bác hỏi thăm sức khỏe của Thùy, ngồi kể việc nhà, việc lò đến tận khuya. Trong lúc ngồi nói chuyện, bác ngắm gian phòng của Thùy và nhiều lần hỏi: "Cô ở ngoài này có một mình thôi ư?"

Hôm sau, bác lại ra ngoài trường rất sớm, lúc Thùy chưa lên lớp. Bác nói hấp tấp, ngượng ngập:

- Tôi vừa nghĩ được điều này... định ra bàn với cô...

Thùy chẳng hiểu việc gì cả, liền giục:

- Bác cứ nói đi...

- Trong nhà tôi hồi này ít người vắng vẻ quá... Cô lại ở ngoài này có một mình. Tôi ra rủ cô vào ở chung với u con tôi cho vui. Được như vậy thì tôi yên tâm lắm... Ông Lâm cũng bàn với tôi như vậy... Tôi chỉ sợ phiền cho cô mà thôi.

Thùy hỏi lại một lần nữa:

- Tôi vào trong ấy với bác, như ngày trước?

- Phải, phải... Tôi chỉ ngại phiền cho cô... Nhưng mà tôi cứ nói, được thì được, không được thì thôi.

Thùy biết lâu nay bác Thịnh rất bận. Một mình trông cả một khu lò muối gần hai chục người làm. Số lò nấu tăng gấp ba bốn lần. Mỗi ngày, bác chỉ tạt về nhà một lát, nấu quấy quá niêu cơm, rồi lại lật đật đi thẩu gần nửa đêm mới về.

Ý định của bác hơi đột ngột. Thùy đáp:

- Bác để tôi bàn với anh em giáo viên, nếu được...

- Còn ý cô thế nào - Bác Thịnh ngắt lời.

- Tôi muốn vào ở với bác, với em Lý quá đi chứ! Nay mai trường cũng dời vào trong xóm kia mà... Nhưng bác để tôi bàn với anh em ngoài này đã...

Thùy biết nếu mình vào ở xóm đồng muối sẽ phải đi về mất thì giờ. Nhưng cô cũng muốn được sống chung với bác Thịnh, muốn được cùng chia sẻ nỗi vui buồn với một gia đình mà cô đã coi như gia đình mình.

Ít ngày sau, Thùy dọn vào ở với bác Thịnh.

Mùa nắng đã qua. Xóm đồng muối đã đỡ cái gay gắt khó chịu của thời tiết, nhưng cũng không còn cái không khí đông đúc, ồn ào trên sân phơi với tiếng trang đất lẹt xẹt, những người đàn bà áo nâu bạc trắng vừa kháo chuyện vừa múc những bầu nước giặt mặn chát từ giếng đổ lên ô, cũng không còn tiếng nạo muối, tiếng cười vui vẻ mỗi buổi chiều.

Sang thu đông, bà con làm muối lại kéo vào đồng, hay xuống lò. Năm nay, hết mùa phơi, bà con phần nhiều sang công trường.

Thùy dọn cái bàn viết trên chiếc hòm gian mà mấy năm trước cô vẫn ngồi viết. Năm gian nhà đã gọn ghẽ và ngăn nắp hơn. Dọn dẹp xong đầu vào đấy, cô dắt cái Lý đi thăm một vòng các gia đình trong xóm, Thùy vào thăm từng nhà. Bà con xóm đồng muối rất quý mến Thùy. Họ coi cô như người trong xóm, hoặc người trong gia đình. Lần nào nghe nói cô vào nhà bác Thịnh mà không tạt sang nhà họ, họ đều trách.

Độ gần một tuần lễ sau khi Thùy dọn vào xóm đồng muối thì con sông Đào bên công trường hoàn thành. Và hôm đó là ngày giỗ bà cụ Lâm. Nếu cúng đúng ngày bà cụ mất thì ngày ấy đã cách đây ba bốn hôm, nhưng ông cụ Lâm bao giờ cũng nghĩ thiết thực, ông để lùi ngày giỗ của vợ mình lại đến hôm mở cửa sông Đào, gọi là sau gần hai tháng làm việc vất vả, có chén rượu liên hoan với mấy anh em trong ban chỉ huy công trường.

Đêm hôm trước, bác Thịnh ở dưới lò muối về, bác lúi húi vo đậu, ngâm nếp và sửa soạn các thức ở dưới bếp một lát lâu mới lên nhà trên. Sang mùa đông, trời đã lạnh. Cái Lý cuộn mình trong chiếc chăn bông của

Thùy ngủ từ lâu. Bác Thịnh lau hai bàn tay vào tà áo, thắp que hương rồi giục Thùy:

- Ta đi ngủ thôi, nửa đêm rồi!

Thùy tắt đèn. Bác Thịnh đặt mình xuống giường, hỏi:

- Ngày mai, thông "cửa sông" phải không cô?

- Vâng. Mai, chắc bác Lâm cũng về...

Thùy nằm sát bên bác Thịnh, nghe hơi thở đều đều phả ấm bên người. Que hương giữa nhà vẫn cháy đỏ, thơm ngát. Tiếng sóng biển vỗ ì ầm ngoài bãi. Mấy cây tre gầy guộc ngoài vườn cửa mình kêu loạt soạt. Bác Thịnh quay hẳn người về phía Thùy nói:

- Từ khi tôi về làm dâu ở nhà này... đến thời bây giờ mới gọi là được sung sướng, nhàn nhã đấy, cô ạ. Nhà này có bà cụ là vất vả nhất. Tôi nghiệp, suốt đời bao giờ cái váy cũng xắn đến gối, cứ làm quần quật cho đến khi nằm xuống.

Không biết là lần thứ mấy, Thùy lại nghe bác Thịnh nhắc đến cuộc đời lam lũ chỉ có nước mắt và mồ hôi của bà mẹ chồng đã mất, câu chuyện gần như có quan hệ chặt chẽ với lịch sử cái xóm đồng muối này.

Hai người đang còn nói chuyện thì nghe tiếng nổ ình ình ngoài biển. Đã hai hôm nay, đêm nào cũng nghe tiếng súng. Tiếng súng nổ một lát rồi im bật, rồi lại tiếp tục, xa hơn một ít. Ngoài đường đê, dân công đi làm đêm đã trở về. Tiếng máy nổ kêu phành phạch bên công trường vọng sang.

Bác Thịnh nằm lắng tai nghe tiếng súng rồi hỏi Thùy:

- Cô có đoán ra việc gì không?

Thùy nói:

- Hay là các "anh ấy" đi tuần ngoài biển, đã gặp địch?

Tiếng súng lại tiếp tục, từ ngoài khơi vọng vào xóm đồng muối.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 13

Ông cụ Lâm rất quan tâm đến ngày giỗ vợ.

Ngày hôm trước, ông cụ đã dặn bác Thịnh phải sửa soạn nấu nướng thật sớm, sáng ra là cúng ngay để buổi chiều mọi người có thể sang công trường. Ông cụ chỉ dặn một lời như thế. Xưa nay, chuyện giỗ tết trong nhà, bác Thịnh đều lo liệu chu tất, đã quen rồi.

Trời vừa sáng, bác Thịnh đã đánh thức cái Lý dậy. Bác nhóm lửa, làm gà, đồ xôi. Bóng bác cứ thoăn thoắt, ra sân lại vào nhà. Sang tiết cuối tháng mười một, trời đã rét nhiều. Cái Lý ngồi co ro đun bếp, chốc chốc lại hỏi:

- Hôm nay giỗ bà đấy, u nhỉ?

- Ăn cỗ xong, u cho con đi xem nhé!

- Xem gì?

- Xem cái gì ở bên rừng, hôm nay vui lắm. Bọn chúng nó kháo thế!

Thùy quét dọn nhà cửa thật sạch sẽ. Cô xếp sách vở của mình lại rồi trải lên mặt chiếc hòm gian một chiếc chiếu hoa mới.

Bác Thịnh đang nấu nướng thì bốn mẹ con chị Quý dắt díu nhau sang. Ông cụ Lâm cùng ông Vàng và An cũng từ bên kia sông về.

Ba người đàn ông ngồi hút thuốc trên nhà trên. Dưới bếp, bác Thịnh đang nấu nướng và nói chuyện với chị Quý. Từ hôm sang với Lâm, hôm nay là lần thứ hai chị Quý sang nhà bác Thịnh. Chị cứ đứng tha thẩn trước

thêm nhà bếp, bác Thịnh hỏi gì thì nói, bảo gì thì làm, xem ra thái độ chị vẫn còn ngượng nghịu, dè dặt.

Bác Thịnh bê lên nhà trên một chiếc mâm gỗ đơm đầy xôi, trên đặt con gà luộc; một bát nước mắm cáy và một nồi tư cơm trắng. Tất cả đều bày trên mặt hòm gian. Sau khi đã thắp hương và rót rượu ra mấy chiếc chén, bác Thịnh lui ra bảo ông cụ.

- Xong rồi, ông vào khăn đi!

Ông cụ Lâm nét mặt hể hả, đang ngắm lũ con chị Quý chơi và khóc âm ỉ ngoài sân. Ông quay vào hỏi: "Xong hết rồi hả?", rồi đưa tay vuốt hai tà áo dạ màu cứt ngựa xám lấm tẩm những vết bùn, chậm chạp bước đến bên chiếc hòm gian ở giữa nhà. Cử chỉ đầu tiên của ông khi đứng bên bàn thờ của vợ là khịt mũi đánh hơi mấy cái rồi đập nút be rượu lại, xong quay xuống nói với hai người khách: "Ngày bà ấy còn sống, thấy tôi có cứt rượu là bà ấy và nhà Thịnh tìm cách giấu biệt!".

Ông cụ vịn tay vào mép bàn thờ, đưa cặp mắt lơ lơ nhìn lên cái khoảng không ngào ngạt hơi cơm mới, hơi rượu trắng lẫn những sợi khói nhang trước mặt, rồi lăm bắm một lát, chẳng ra nói với vợ, chẳng ra khăn.

Một lát sau, mọi người đã chia thành hai nhóm quây quần bên hai mâm cơm dọn trên giường và trên chiếc chiếu trải giữa nền đất - "Ăn đi các anh, rồi còn đi!". Ông cụ giục hai người đàn ông rồi thêm một câu: "Giỗ thời chiến mà!". Ông Vàng và An cũng đang vội. Họ ăn nhoáng một lát đã xong. Hai người giắt chiếc tăm trên miệng, uống chén nước rồi vội vã cáo từ.

Khách đã về, trong nhà liền trở lại yên tĩnh. Chị Quý cũng sửa soạn ra về, lũ con tất cả ba đứa túm lấy dải áo mẹ theo lệt thệt đằng sau không chịu rời ra một bước. Từ lúc ăn xong, ông cụ tiễn hai người khách về rồi vẫn ngồi xếp bằng trầm ngâm trên giường.

Trên bàn thờ, que hương vẫn còn cháy.

Bác Thịnh nói nhỏ với Thùy và chị Quý:

- Năm nào ăn giỗ xong, ông cũng ngồi nhớ bà. Bà mất hơn mười năm nay mà y như còn sống, ông chẳng quên đâu!

Lát lâu, ông cụ quay xuống hỏi hai người con dâu:

- Nửa đêm qua, các chị có nghe súng nổ ngoài biển không?

Bác Thịnh trả lời:

- Có.

Chị Quý rụt rè hỏi:

- Hay là tàu nó với tàu mình đã chạm nhau?

Ông cụ nghe mọi người nói một cách lơ đãng, thỉnh thoảng ngược nhìn lên mặt hòm gian, rồi nói với bác Thịnh:

- Nhà Thịnh này, tao không tin cái điều mộng mị đâu. Nhưng mà đêm qua, lúc ngủ với các anh bộ đội ở tổ máy bên rừng, rõ ràng tao trông thấy bà ấy về, trên tay cũng cầm một cành lá làm ngụy trang. Lúc nghe súng nổ ình ình, tao mới bừng tỉnh.

Bác Thịnh hỏi một cách rất thật thà:

- Ông bà đã kịp nói chuyện gì với nhau chưa?

- Có, toàn là chuyện nhà cửa, làng nước - Ông cụ tặc lưỡi, cười - Giá còn sống thì bà ấy còn trông con hộ cho nhà Quý được, không khéo còn gánh phân được, tao nom bộ còn khỏe mạnh vững chãi lắm. Tao chỉ bảo

với bà ấy rằng đi đâu cũng nhớ phù hộ cho hai đứa cháu nó đánh giặc. Đấy cũng là nhiệm vụ của bà ấy!

Ông cụ kể xong, như người trút được nỗi lòng, liền cường vang và kêu: "Toàn là chuyện mê tín! Toàn là chuyện mê tín!". Ông cụ gọi mấy đứa cháu nhỏ lại, bế lên lòng rồi hỏi chị Quý đang nhấp nhòm định xin phép ra về:

- Nhà Quý có việc gì ở nhà mà vội thế? Chiều hôm qua, trên xã có thư của thằng Lân mới đánh về phải không?

Chị Quý lại ngồi xuống bên via hè. Từ lúc ăn giỗ xong, chẳng hiểu sao chị thấy lâm râm đau bụng như những lần trước mỗi khi bắt đầu có nghén. Chị định về nhà nằm nghỉ nhưng lại phải ngồi nán lại, và bắt đầu kể lẽ rành mạch:

- Từ hôm cháu bước chân ra đi, đã gửi về hai lá thư. Cuối tháng tám một lá, giữa tháng mười một lá. Cả hai lá thư, cô Thùy đã đọc. Lần nào cháu cũng bảo rằng khỏe mạnh hơn ở nhà, lên thêm những ba bốn cân.

Đến lá thư này thì lại chẳng đề "hòm thư" nào cả. Nó bảo tôi báo cho ông và cả nhà biết rằng nó đã được phiên chế về đơn vị mới sửa soạn đi chiến đấu xa lắm. Ở đây làng ta cũng có mấy người, nhưng ở tiểu đoàn khác. Bây giờ mỗi buổi sáng nó tập leo núi, tập chạy mười lăm cây số, mang cả bạc đà, súng, đạn. Nó viết: khi nào u nhận được thư này thì con đã đi xa rồi.

Chị Quý kể đến đây thì ngồi lặng yên, cơn đau tăng lên, mặt hơi tái đi. Trong phút chốc, một bầu không khí gợn như trang nghiêm bao trùm lên khung cảnh gia đình. Bác Thịnh và Thùy chợt nhớ đến ngày Lân rời nhà ra đi.

Nghe tin ấy, trong cả nhà ông cụ là người vui nhất. "Thế là gia đình mình đã góp một thằng cháu cầm súng đi chiến đấu xa rồi!". Ông cụ vô

cùng sung sướng nghĩ đến Lân, đến những người đồng ngũ của cháu, và con đường mà họ đang đi tới. "Ở đâu cũng giang sơn mình, cũng là người nước Việt Nam mình, cũng một nỗi khổ và niềm vui như thế cả!". Ông cụ lại nhìn lên bàn thờ, bồi hồi nhớ lại hồi bộ đội về tiếp thu các vùng bên kia sông, hồi ấy bà cụ đang ốm nặng. Ông vục một bên nách, bác Thịnh vục một bên, hai người dìu bà ra ngồi ở ngạch cửa để nhìn lá cờ của ta, bé như một đốm lửa đỏ, kéo trên lũy tre ở một làng rất xa bên kia sông. Bà khỏe hẳn ra, thấy ai đi qua cũng khoe: Sao lá cờ của ta linh thiêng vậy, thoát kéo đi lại thoát hiện về!" Ông bảo bà cố mà sống, để xem các anh bộ đội đi "thu lại Nước!" Quân Pháp rút theo cách cuốn chiếu, cờ nó lùi đến đâu, cờ ta cắm đến đó. Đến ngày lá cờ đỏ sao vàng to như cánh buồm tiến về cửa sông Kiều thì bà mất. Ngày ấy, ông cứ tiếc cho bà không gắng sống mà đi đây đi đó, trời đất đã rộng thênh thang! Đồng bào ta "trong ấy" ngày mai đây cũng vậy. Miễn là đuổi hết thằng Tây, thằng Mỹ, cứ húp bát cháo, tay cầm lá cờ mà đi đây đi đó cũng sướng. Người ta có mảnh đất dưới chân và hai bàn tay là có tất cả, xây dựng lên được tất cả!

Khuôn mặt r ám đen, lóng lánh màu quang dầu của ông cụ cứ rạng rỡ, nở nang dần vì hơi rượu, và cái tin đứa cháu trai được "nhận nhiệm vụ đi chiến đấu xa". Ông nói với hai người đàn bà, như ra lệnh:

- Việc này là việc quân cơ. Các chị không được đi đâu cũng nói, cũng khoe nghe không?

Khoảng một giờ chiều, dọc hai bên bờ sông Đào cất lên một tiếng reo lớn và kéo dài. Người ta vừa vét xong lớp đất cuối cùng.

Con sông Đào nằm dài giữa cánh rừng như một con trăn khổng lồ đã bị moi rỗng ruột. Hai bên bờ, ngổn ngang những ụ đất, những giành sọt đã hỏng rách chìm sâu trong bùn, những thân cây sù bị đất lấp tới ngang giữa thân. Người đứng hai bên bờ đông nghịt. Trên phần đất làng Kiều, một

người vừa cắm lên một lá cờ, chẳng ai bảo ai, người ta tiếp tục cắm những lá cờ đỏ trên phần đất của xã mình. Dài theo bờ sông, lác đác những lá cờ đỏ chói.

Ở nhà bác Thịnh ra, ông Vàng đã hơi chệnh choáng. Đứng trên cái vỉa đất ở cửa sông có những hàng cọc gỗ đâm tua tủa, ông Vàng đưa cặp mắt lơ lơ say sưa nhìn suốt lòng con sông Đào một lần cuối cùng. Gió ngoài sông Kiều thổi tung vạt áo quân phục cũ đầy những nếp gấp lộn xộn, hăng hắc mùi ẩm mốc và long não. Từ ngày phục viên về làng, người ta chỉ thấy ông "diện" bộ quần áo xanh màu nước dưa có bốn túi ấy mỗi năm vài bận là cùng.

Hai bên bờ sông, người bên làng sang mỗi lúc một đông. Một đám thanh niên dân công và bộ đội đang vây lấy gánh hàng của Tốt. Tiếng cười chốc chốc lại rộ lên. Ở các khu lán nằm sâu trong rừng, các bếp tỏa khói mù mịt, người ta đang thổi cơm hay nấu nước chè tươi để gánh ra công trường cho anh chị em ăn bữa chiều sớm hơn mọi ngày. Một vài cán bộ tranh thủ phổ biến với anh chị em dân công xã mình việc gì đó. Hôm nay, quả là một ngày vui.

Khoảng hơn một giờ chiều, ông Lâm mới về. Lâm cùng ông Vàng đi kiểm tra lần cuối cùng. Đến từng chặng, Lâm bắt tay và thăm hỏi các cán bộ xã. Ai cũng muốn Lâm dừng lại lâu lâu một chút để ngắm nghía cái công trình lao động của mình, ai cũng muốn đồng chí bí thư huyện và ban chỉ huy công trường nói vài câu khen xã mình. Ông Vàng và Lâm đi ra đoạn phần đất làng Kiều. Lâm bước qua những mô đất gập ghềnh trên sườn dốc. Khi ngược lên, Lâm chợt trông thấy bố mình đứng ở ngay đầu hàng đám đông bà con làng Kiều, vẻ mặt hớn hờ như trẻ lại, đang nói chuyện oang oang với mấy ông lão khác. Lâm chào các ông lão. Ông cụ hỏi:

- Anh đã về qua nhà chưa?

- Chưa ạ. Xong việc ở đây tôi mới về nhà được...

Đi quá một đoạn, Lâm phàn nàn với ông Vàng:

- Tôi họp trên tỉnh suốt gần một tuần nay, xong là về thẳng đây. Hồi này tôi bận quá, hôm kia ngày giỗ bà cụ, tôi cũng chẳng về được.

Ông Vàng cho biết ông cụ hoãn ngày giỗ đến hôm nay mới cúng; và sáng nay chị Quý cũng sang, cả nhà rất vui vẻ.

Hai người ra đến gần via đất ngăn. Lâm nhìn qua những hàng sù, đã thấy một khoảng trời xanh và mặt nước sông Kiều quen thuộc. Lâm nói với ông Vàng:

- Về công tác của đồng chí, huyện ủy đã có quyết định rồi.

Lâm chỉ cho biết thế. lát sau, ông Vàng hỏi rõ thêm:

- Ý kiến thế nào, anh Lâm?

Lâm đặt tay lên vai ông Vàng, và nhìn bộ quân phục ông đang mặc:

- Đồng chí không đạt nguyện vọng đâu. Nhưng đây là ý kiến của thường vụ: đồng chí ở lại công tác ở địa phương...

Ông Vàng sực nhớ cách đây hơn hai tháng, có lần ông đề nghị với Lâm xin trở lại bộ đội. Chuyện ấy, ông Vàng đã quên mất, nhưng Lâm vẫn còn nhớ.

Lâm không ngờ ông Vàng trả lời rất vui vẻ:

- Tôi xin phục tùng tổ chức, tôi ở lại xã cũng được, anh ạ!

Lâm bảo ông Vàng cho thông "cửa sông".

Trên via đất, đội dân công đang moi những chiếc cọc gỗ lên, xếp trên bờ. Hai bên bờ, bà con đang sốt ruột chờ đợi. Một anh thanh niên chạy tới

đưa tận tay ông Lâm một chiếc cuốc. Lâm trao chiếc cuốc cho ông Vàng:

- Đồng chí cuốc nhát cuốc khai sông Đào đi!

Ông Vàng lấy làm vinh dự giờ thật cao lưỡi cuốc sáng loáng bập xuống một nhát thật sâu. Tiếng vỗ tay, tiếng reo hò bật lên, kéo dài mãi không dứt. Một anh cán bộ thông tin huyện đeo chiếc máy ảnh chạy xăng xái tìm chỗ đứng chụp. Hàng trăm lưỡi cuốc, và xẻng, xà beng xúm vào cái via đất rắn chắc như một bức thành mà bõ.

Những tảng đất lớn vỡ dần ra. Đất vỡ đến đâu, nước bên ngoài xoáy vào đến đấy. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Thuyền đứng giữa đám đông, nắm tay cái Lý. Tiếng cuốc bõ xuống liên tiếp và những tiếng reo hò xung quanh làm cho Thuyền vừa say sưa vừa choáng váng. Thuyền đưa mắt nhìn quanh nhưng không thấy bác Thịnh và chị Quý. Cô cố tìm khắp nơi, cũng chẳng thấy hai người đứng ở chỗ nào cả.

Buổi trưa ấy, bác Thịnh và chị Quý không ra công trường. Hai người ở nhà. Những tiếng ồn ào từ bên sông đưa sang, hai người đang ở nhà đều nghe rõ.

Chị Quý bị đau bụng. Lúc mọi người trò chuyện xong, rủ nhau đi hết, chị Quý cũng ra về. Chị ra đến giữa sân thì cúi gập người lại, mặt tái mét. Mấy đứa trẻ ngơ ngác, sợ hãi. Bác Thịnh vội chạy ra dìu vào buồng. Thế là từ lúc ấy cho đến chiều, chị Quý cứ nằm lặn lộn trên giường, người vằn lại như một cái vỏ đỗ. Cơn đau bụng đột ngột thật đáng sợ, chị gục đầu vào thành giường, có lúc nắm cả cuộn tóc đưa vào miệng cắn chặt. Một lúc lâu, cơn đau mới hơi dịu xuống. Bác Thịnh nhìn nét mặt tái nhợt và lăm lăm mồ hôi của chị Quý nói nhỏ:

- Dì lại có nghén rồi! Tội nghiệp, mỗi lần có nghén lại đau bụng.

Trong mấy giờ liền, bác Thịnh ngồi bên giường, hết quạt than để chườm, lại tìm đủ các thứ thuốc trong nhà. Chị Quý tưởng đỡ, không ngờ

một cơn đau khác đã trở lại. Chị lại lăn lộn trên tay bác Thịnh hết cơn này đến cơn khác cho mãi đến chiều mới khỏi.

Chị Quý ưỡ ỏi ngồi dậy. Dáng còn yếu ớt, chị tựa lưng vào thành giường, bắt đầu vấn lại tóc. Bộ tóc rất dài trùm kín hai vai.

Lúc xòe bàn tay lật món tóc về phía sau chị Quý mỉm cười ngượng nghịu rồi nói với bác Thịnh:

- Máy đưa sau này còn đỡ, nhưng hồi tôi ghen thẳng Lân tôi đau tưởng chết đi được... Hồi đó, tuy đã có mang nhưng tôi cứ giấu, cứ xung phong đi đưa thư cho các anh ấy. Gặp địch thì chui xuống ao. May hồi ấy tôi đang còn sức con gái, còn khỏe lắm.

Bác Thịnh với tay đẩy cánh cửa buồng. Một luồng ánh sáng lọt vào. Gian buồng sáng hơn. Bác Thịnh ngồi nghe chị Quý kể chuyện sinh đẻ, chuyện công tác hồi chị còn con gái. Một lát sau, bác lâm bẫm: "Thế mà chúng nó đã đi bộ đội được cả rồi. Nhanh thế!". Chẳng hiểu bác nói câu ấy với chị Quý hay nói với mình.

Bên sông Kiều bỗng bật lên một tiếng kêu rất to, xen lẫn trong tiếng người có tiếng ào ào như nước lũ tràn qua đê. Hai người đàn bà giật mình, cùng nhìn nhau và kêu lên một lúc:

- Mở "cửa sông" rồi!

Ngoài kia, cửa sông Đào đã mở. Vĩa đất ngăn đã bị vỡ ra một mảng lớn. Trong chớp mắt, khối nước ngoài sông Kiều ào ào tràn vào như một đàn ngựa bồm trắng xóa, đang phi tới hất nhào tất cả mọi chướng ngại. Cái vĩa đất phải tốn biết bao công phu mới giữ được đã đổ sập xuống. Nước tràn băng băng qua từng chặng. Tiếng nước réo âm âm. Sóng ngoài cửa sông cồn lên. Khoảng dăm phút sau, con sông Đào đã đầy ắp nước, một thứ nước sủi ngẫu tằm bọt, lẫn bùn đen và lá sủi ải vỡ mạnh xối vào hai bên bờ. Cái ngã ba sông Đào nối liền với sông Kiều bây giờ trông rộng bát ngát.

Cho mãi đến chiều tối, mọi người đã ra về, nước ngoài sông Kiêu còn chảy vào con sông mới đào. Tiếng nước chảy dần dần nhẹ hơn, rì rào trong rừng, vị nước biển mặn thấm vào từng thớ đất...

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 14

Trước ngày mở cửa sông, Thùy gặp một người quen ở trên phố và được biết tình hình của gia đình.

Thường trong khi Thùy làm việc bận rộn, người ta cứ ngỡ cô ít quan tâm đến gia đình. Trên phố, Thùy chỉ còn mẹ, người mà Thùy lúc nào cũng nghĩ đến. Mỗi lần ngồi một mình nghĩ đến mẹ, hay những lúc bác Thịnh hỏi thăm "Cụ ở trên phố hồi này ra sao?", Thùy lại thấy bỗng hiện lên trước mắt hình dáng người mẹ với mái tóc bạc, đang ngồi một mình trên cái bậc cửa. Cũng lúc ấy, có biết bao kỷ niệm nho nhỏ, không quên được cùng hiện lên. Nhà Thùy ở cuối dãy phố hẹp nằm kề ngoài ô. Một chiếc cột đèn bằng sắt sơn đen và rất cao đứng ngay ở đầu phố, bên chân cột đèn là một khoảng đất trống: chợ họp ở đấy, vòi nước ở đấy, trẻ con trong phố chơi với nhau và lớn lên vẫn trò chuyện với nhau ở đấy. Gia đình Thùy chỉ có mẹ và một người anh trai. Người anh, sau khi học xong đại học, nhận công tác tận trên Tây Bắc, hàng năm mới về thăm nhà một lần. Từ bé chí lớn, Thùy chỉ sống quanh quẩn với mẹ trong cái dãy phố nhỏ bé có cây cột đèn điện. Từ ngày cô thôi học để đi dạy thì bà mẹ ở nhà có một mình. Thùy yêu mẹ bằng một mối tình bao trùm lên cuộc sống tình cảm của cô, cô yêu từ miếng trầu mẹ ăn, cái bậc cửa mẹ thường ngồi khâu áo bông. Hồi mới về làng Kiều, có nhiều đêm ngồi soạn bài xong, Thùy quay mặt vào vách khóc thút thít như một đứa trẻ, vì chợt nghĩ đến mẹ không biết đang làm gì ở nhà một mình?

Bà mẹ Thùy góa chồng sớm. Bố Thùy là Vệ quốc đoàn "Nam tiến" từ ngày Pháp mới khởi hấn ở Nam Bộ và chiến đấu bị hi sinh ngay giữa thành phố Sài Gòn. Trong những năm kháng chiến mới bùng nổ, bà cụ một tay bế Thùy, một tay dắt đứa con trai lớn chạy tản cư khắp nơi. Hòa bình lập lại,

bà cụ đưa hai con trở về thành phố với mái tóc đã bạc trắng, rồi lại nuôi dạy con, cho con học hành đến nơi đến chốn bằng số tiền khâu áo bông ít ỏi. Bà cụ phải rất tần tảo và kiên nhẫn mới đủ sống. Cái tính ấy đã ảnh hưởng đến Thùy từ bé. Tuy ở phố nhưng hai mẹ con năm nào cũng nuôi vỗ đủ hai lứa lợn để lấy tiền chi tiêu thêm trong nhà, và Thùy mới có tiền mua giấy bút. Tuy bây giờ hai con đều trưởng thành, không phải nuôi nữa, nhưng bà cụ vẫn giữ thói quen như ngày xưa, mỗi năm vẫn nuôi đủ hai lứa lợn.

Sau ngày giỗ bà cụ Lâm, Thùy thu xếp công việc nhà trường để về thăm mẹ. Cô có vẻ không bằng lòng khi kể với bác Thịnh: người quen mà cô vừa gặp cho biết bà cụ đi "sơ tán" nhưng thỉnh thoảng lại về ở nhà. Có lẽ bà cụ vừa nhớ Thùy lại vừa nhớ nhà. Thùy vừa bực lại vừa thương mẹ hơn.

Buổi trưa hôm ấy, Thùy đạp xe thẳng về cái làng mẹ mình "sơ tán", cách thành phố vài chục cây số. Quả đúng như thế, bà cụ đã bỏ về trên phố. Cô vội vàng đạp thẳng về nhà. Đến gần chập tối, khi Thùy đã đứng trước cái bậc cửa, bên cạnh cánh cửa sơn xanh cũ kỹ thì cô không thấy giận bà cụ chút nào nữa. Cũng như bao nhiêu lần về thăm mẹ, đứng trước cánh cửa nhà mình, tim cô lại đập rộn lên. Cô nép vào bên bức tường cửa sổ, đứng ngắm bà cụ đang ngồi một mình trong nhà, bên ngọn đèn dầu. Cô đứng bên ngoài nhìn vào một lát rồi nháy xô vào nhà như một cơn lốc.

- U!

Bà cụ buông cái áo bông đang may dở, giơ ngọn đèn ngang mắt, hỏi lâu mới thốt lên được: "Cha mà, mà về với mẹ đấy ư con?".

Thùy cầm chiếc áo bông màu tím khâu đã sắp xong, ướm thử vào người, hỏi:

- U khâu áo của ai đặt đây?

- U khâu cho mà y đấy, trời bắt đầu rét rồi còn gì nữa?

Trong lúc Thùy mừng rỡ mặc thử cái áo mẹ mới may cho thì bà cụ lật đật xách đèn đi xuống bếp. Nghe tiếng lịch kịch dưới bếp, Thùy chạy xuống bảo:

- U đừng thôi cơm nữa, con đã bảo con còn no mà.

Bà cụ cầm chiếc niêu đất, đứng ngẩn ra:

- Cha mà, sao mà kêu đói?

Thùy ôm lấy mẹ, chế giễu:

- Tai u dạo này nghe lẫn rồi, ban nãy con bảo đã ăn cơm dưới làng, con no rồi kia mà!

Đêm ấy, bà cụ được ngủ với con gái một đêm, lấy làm mừng lắm. Thùy cũng vậy. Thùy lại nép vào bên yếm mẹ, nghe bà cụ kể bao nhiêu chuyện như ngày nhỏ. Kể chuyện xa chuyện gần chán, bà cụ khuyên: "Bây giờ lại đến thời buổi kháng chiến, con phải tập chịu vất vả, con làm việc gì cũng phải hỏi han các anh cán bộ và ngủ in ít chứ!" Thùy nghe, chỉ cười khúc khích. Bà cụ vội mắng yêu: "Tao tưởng mày đã làm cô giáo, đã thành người lớn rồi cơ đấy!" Thùy càng nằm sát lại bên mẹ và ngủ đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, Thùy dậy rất sớm và chạy tới thăm các nhà xung quanh. Trong dãy phố, ngày xưa, cánh bạn con trai, con gái lứa tuổi Thùy rất đông. Cô hỏi thăm nhưng chẳng mấy người còn ở nhà. Khu phố vẫn nguyên vẹn nhưng đã đổi khác: Trong các sân sau, các gác tường mọc lên những hầm hố tránh máy bay. Bản tin chiến thắng treo ở cột đèn. Tự về khu phố suốt ngày đội mưa nắng ngồi trực bên các khẩu súng bộ binh phòng không đặt xung quanh chợ.

Buổi trưa, Thùy đang ngồi trong nhà soạn chồng sách cũ thì còi báo động thét lên. Từng loạt đạn cao xạ nổ làm rung các cánh cửa chớp. Bên

ngoài, đường phố vắng ngắt. Khi còi vừa báo yên, một cô gái mặc quân phục màu tím, đội mũ ngụy trang, vẻ điềm tĩnh, khoác ba lô bước thẳng lên bậc cửa nhà Thùy ở sát đường.

Thùy vẫn ngồi trong nhà đang mãi lục tìm một cuốn sách, khi ngược lên phải nhìn một lát mới nhận ra người nữ quân nhân vừa bước vào:

- Chao ôi, Liên! - Thùy kêu to và hai người ôm chầm lấy nhau.

Liên hỏi tíu tít:

- Cậu về từ bao giờ, bà cụ đâu?

- Mình về hôm kia, mẹ mình còn ở dưới hầm.

- Bên nhà mình đã đi "sơ tán" hết rồi. Mình đi công tác, nhớ nhà quá nên rẽ qua một lát. Không ngờ cửa khóa, nhà đã đi hết, có người mách cậu vừa về. Thế là mình mừng hết sức!

Thùy ngấm cô bạn của mình không chán mắt. Liên đã nhập ngũ. Trong bộ quân phục hải quân màu tím than, Liên càng rắn rỏi và trẻ ra. Liên chạy vào nhà trong thăm mẹ Thùy, rồi kể chuyện huyền thuyên dọc đường bị máy bay "cù"!

Bà cụ thổi cơm cho Liên ăn. Xong, hai cô bạn gái thức suốt cả buổi trưa nói chuyện. Liên hỏi:

- Chỗ làng cậu dạy học đang xây dựng quân cảng, sắp xong chưa?

- Chưa đâu. Mình có được gặp chú Liên.

- Chú mình có kể chuyện. Ông ấy khen cậu hết lời, làm cho mình phát ghen tị! Chú mình bảo bây giờ cậu phụ trách một trường cấp hai tiên tiến trong huyện, được đồng bào địa phương rất tin nhiệm cơ mà?

Quả ông Quang có nói to thêm thành tích của Thùy với cô cháu gái mình. Thùy vừa nói chuyện vừa tiếp tục lục tung đồng sách cũ trên bàn.

Liên hỏi:

- Giữa thời buổi này, cậu còn giở đồng sách cũ ra để làm gì?

- Cậu quên mình đang dạy học ư? Những thứ này đối với mình còn cần lắm!

Trên sàn nhà, trên chiếc giường hai người đang ngồi bừa bộn những sách vở, giấy má: sách in, sách chép tay, những bản in "rônêô", những bài tập quốc văn viết trên trang giấy khổ lớn còn dấu mực đỏ của thầy giáo; một bài luận từ ngày hai người còn học cấp hai với cái đầu đề: "Sau này em thích làm nghề gì, vì sao?". Thùy chọn những cuốn sách đang cần, bó thành bó riêng. Mỗi lần lục ra được một trang vở, một dòng chữ gọi lại cả một câu chuyện dài dòng và buồn cười, Thùy lại đưa cho Liên xem. Quãng đời học sinh của họ chưa qua đi lâu lắm, nhưng cả hai người đều tưởng như thời cắp sách đến trường đã lùi vào quá khứ, đã xa lắc!

Liên lục ba lô trao cho Thùy một tập các bài báo cô đã viết rồi từ biệt. Thùy cũng vội vã và đột ngột như khi tới.

Chiều hôm ấy, Thùy đưa mẹ về nơi "sơ tán" rồi trở về làng Kiêu.

Cô sang đò, đi tắt qua lối rừng phi lao. Sang mùa đông, cánh rừng rất vắng. Mặt cát dẹt xuống. Thùy đi qua một trảng cát trống phi lao non và chiếc cầu tre bắc ngang con lạch nước mặn thì trời đã tối. Đàng xa, sau những mái lều nằm rải rác dọc các hàng cây cao, đã có nhiều ánh lửa của lò nấu muối đem hắt ra ngoài. Bác Thịnh đang trông lò. Trong gian lều vừa thấp vừa hẹp, chỉ vừa đủ chỗ đặt cái khung bếp, cái bể chứa nước giặt và một chiếc chõng nhỏ như chiếc giường của trẻ con nằm, bác đang lúi húi khuấy mẻ nước muối bắt đầu sôi. Thấy Thùy về, bác Thịnh hỏi tít tít:

- Bà cụ thế nào? Cụ có khỏe không? Nhà cửa trên phố thế nào?

Thùy kể qua loa tình hình gia đình rồi giở cuộn giấy báo ra trước khung bếp. Bác Thịnh hỏi:

- Giấy tờ gì đấy, hả cô?

Thùy mỉm cười đáp:

- Tôi đọc bác nghe nhé! Đây là một bài báo kể một trận đánh nhau - Cô ghé sát trang báo có in tấm ảnh của Bên trước ánh lửa - Nhà báo người ta viết chuyện anh Bên, lại chụp cả ảnh nữa...

Bác Thịnh sung sướng ngắm bức ảnh con rất lâu, khẽ đưa ngón tay sờ lên mặt giấy.

Bài báo khá dài, tường thuật trận đánh rất tỉ mỉ. Thùy nghiêng trang giấy trước bếp lửa, đọc thật chậm. Bác Thịnh ngồi trên chiếc chõng, lắng tai nghe rất chăm chú. Trên gương mặt đã dầy dãi, những nếp nhăn dần ra, cặp mắt nhìn đăm đăm vào ngọn lửa. Thùy đọc, chốc chốc lại phải dừng lại. Bác Thịnh chốc chốc lại đến bên cửa lò, lúc bỏ thêm củi, lúc cầm thanh gỗ gạt lớp bột xám phồng trên miệng chảo. Làm xong, bác lại đến ngồi bên chõng, và giục.

- Cô đọc tiếp đi...

Thùy lại đọc tiếp đoạn vừa bỏ dở. Khung bếp đầy ấp than, lửa cháy rùng rục. Bác Thịnh đến ngồi bên cạnh Thùy, ngay cạnh lò, vừa nghe vừa theo dõi mẻ muối sắp đông. Thùy đọc đến đoạn tả trận chiến đấu bước vào giai đoạn gay go nhất, bác Thịnh vội vàng bảo:

- Tiếc quá, để chốc nữa cô ạ, bây giờ tôi phải dỡ muối.

Trên mặt chảo mù mịt khói, nước đã sánh đặc. Bác Thịnh khều bớt than, vung tay rắc một lớp hạt thầu dầu, chất nước sánh đặc lùm lùm ở khoảng giữa. Mẻ muối cuối cùng đã nấu xong: Những hạt muối trắng, đủ mọi hình khối đầy ắp trên miệng chảo.

Đêm ấy về nhà, Thùy đọc nốt đoạn cuối bài báo cho bác Thịnh nghe rồi hai người mới đi ngủ. Thùy ngủ thiếp đi đến gần sáng và trong giấc ngủ, cô nằm mơ thấy mình đang giảng bài ở lớp. Cô gọi Bân lên đọc bài. Bân cao lớn, khỏe mạnh, mặc bộ quần áo bộ đội hải quân. Giữa giờ học, máy bay địch từng đàn từng lũ kéo ập tới. Các học sinh của Thùy biến thành pháo thủ hết. Bân trèo lên đứng trên mái nhà. Ta và địch quần nhau. Máy bay của chúng cháy hết chiếc này đến chiếc khác, lửa bốc đầy trời và tiếng súng ở xung quanh trường nổ ran...

Đang giữa giấc ngủ say, bác Thịnh đánh thức Thùy dậy. Thùy vẫn còn nửa mơ nửa tỉnh. Bác Thịnh dựng cô ngồi dậy và bảo:

- Cô ạ, có tiếng máy bay, gần lắm!

Ngoài biển, sóng như xay lúa, có lúc gợn lên. Lát sau nghe tiếng súng nổ lụp bụp. Thùy đã tỉnh hẳn. Hai người chột nghe có tiếng máy tàu thủy ngoài sông. Tiếng máy tàu rõ dần, vang rền mặt đất và một hồi còi "tu tu" thốt lên, vọng vào xóm. Bác Thịnh bảo: "Cô ở nhà nhé, tôi chạy ra lò xem sao?". Bác Thịnh chạy ra lò muối. Thùy nóng ruột quá, cũng chạy ra theo, trong bụng cố đoán xem việc gì?

Con đường đê tối om. Thùy vừa chạy được mấy bước thì trên trời đã âm âm tiếng máy bay, rõ ràng tiếng máy bay phản lực của địch. Đêm vẫn tối như bưng mắt. Bỗng một vầng chớp sáng lòe lên, tiếp theo một loạt bom nổ dậy mặt đê. Thùy vội nằm sấp xuống, nghe đất đá rơi rào rào trên đầu. Trong ánh chớp, hiện ra hình thù một chiếc tàu thủy đang quay mũi nằm giữa cửa sông.

Tràng bom vừa dứt, Thùy nhóm dậy và men theo rìa đê chạy thẳng đến chỗ anh chị em dân quân tập trung. Trên một đoạn bờ hào, chỉ nghe thấy tiếng người nói lao xao, những mũi súng tua tủa. Và bóng ông Vàng chạy qua trước mặt. Bóng đêm như vừa được phủ một lượt tro xám. Từ giữa sông, màn khói hỏa mù như một tà áo khoác tung ra. Phút chốc, cái màn khói mù hăng hắc, màu xám xám đã trùm lên tất cả bờ bãi, rừng sú, mặt sông, cả khu trường học và đoạn giao thông hào mà Thùy và anh chị em dân quân đang nấp.

Mọi người hết sức lo lắng và chẳng ai hiểu ra việc gì cả.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 15

Sau đêm gặp Lân, Bân khoác ba lô cuốc bộ liền ba ngày đêm.

Nhờ gặp một chiếc xe chở hàng của khu tuần phòng đi cùng đường, anh xin đi nhờ. Vào một buổi tối, đã gần nửa đêm, Bân về đến quân cảng.

Bến quân cảng bỏ trống, không có một chiếc tàu nào đỗ. Trên dãy cầu tàu bằng ván lát treo một hàng bóng điện nhỏ, chụp bằng ống bơ, mỗi chiếc tỏa một quầng ánh sáng bằng cái nĩa xuống mặt biển tối sẫm. Ánh sáng những ngọn điện phòng không lờ mờ. Những cơn gió từ ngoài khơi không ngớt thổi ràn rạt vào bờ đá. Bân đứng trước cầu tàu, nhìn sóng khỏa trên đầu những chiếc phao đỏ nhấp nhô trước mặt, anh bỏ mũ để cho từng cơn gió lẫn hơi nước biển mơn man trên da mặt và thổi tung món tóc bay xõa. Đã mấy tháng nay, Bân không được hưởng cái thứ gió lồng lộng và phóng túng, có lẫn vị chát của muối biển. Chỉ đứng trước bờ biển một lát, Bân đã thấy khỏe hẳn ra.

Anh khoác ba lô đi lững thững trên bến. Bãi sửa chữa tàu ở bên kia dãy nhà kho nằm nối tiếp nhau, như đang ngủ im phăng phắc. Anh đến gần một ngôi nhà kho và nhìn về phía bãi. Giữa cảnh đêm vắng, hiện ra một mảng đen đồ sộ hình thân tàu. Không cần đọc số tàu vừa sơn lại, cũng chẳng phải đến gần, bằng linh tính của người thủy thủ Bân nhận ra ngay tàu của mình. Chính T.730 đang nằm trên đà! Anh bồi hồi quá, con tàu mà anh sốt ruột muốn trở về với nó, anh đã ngã xuống ở đấy và trong cơn mê vẫn không quên, bây giờ đang nằm kia, trên hai thanh sắt cao giữa bãi sửa chữa, thân tàu che khuất một mảng trời đầy sao. Anh đứng ngoài xa rồi tiến lại gần nhìn dây dây cáp lòng thòng thả xuống từ mặt boong, ngắm những

khẩu pháo phủ áo bạt và chiếc đài quan sát, vị trí chiến đấu của mình. Chưa bao giờ Bân thấy con tàu uy nghi và thật gần gũi với mình như thế. Như tất cả các thủy thủ đi xa về, Bân đưa tay lên vành mũ chào hạm tàu và đứng yên hồi lâu, nghe tiếng gió ngoài khơi thổi qua đài quan sát.

Bân đang đứng đó, chợt nghe trên boong có tiếng bước chân. Một người lính gác, khoác khẩu tiểu liên từ phía sau đi ra.

Bân đưa giấy tờ, rồi ngắm đồng chí chiến sĩ. Đây là một anh chàng còn trẻ, đội chiếc mũ vải bịt tai rất ngay ngắn. Dưới ánh đèn điện, người chiến sĩ trẻ mà Bân chưa hề quen biết nhìn lướt qua hàng chữ trên tấm giấy "chứng nhận thương binh ra viện" và ngược nhìn lên, đôi mắt chớp nhanh:

- Hay quá, hóa ra đồng chí chính là đồng chí Bân. Đồng chí đã khỏi hẳn rồi ư?

Rồi anh nói tiếp, giọng nghe đầy vẻ thân mật:

- Bây giờ tôi mới được gặp đồng chí nhưng tôi đã được nghe nhắc đến đồng chí luôn. Tên tôi là Hà.

Bân theo người chiến sĩ mới trèo lên boong. Anh cất đồ đạc và hỏi thăm:

- Đồng chí xuống tàu được bao lâu rồi?

- Từ sau ngày đồng chí đi quân y viện.

- Đồng chí ở pháo hay thông tin?

Hà đáp bằng giọng ngượng ngập:

- Tôi thay thế đồng chí, tôi làm quan sát viên!

Hà cho biết, T.730 giờ là kỳ hạm. (1)

(1) Kỳ hạm: tàu chỉ huy.

Tuy mới gặp, Bân đã có cảm tình với người chiến sĩ trẻ có khuôn mặt tuấn tú, hơi giống Lân. Đồng thời, anh không thể nào làm quen được với ý nghĩ rằng Hà đã thay thế mình, chiếm lấy chỗ đứng của mình trên chiếc vòng sắt quen thuộc và đầy nguy hiểm. Nhưng sự thực là như thế, Hà đã thay anh làm quan sát viên và T.730 của anh đã lĩnh trách nhiệm tàu chỉ huy.

Sau khi nói chuyện với Hà, Bân biết trên tàu đã có nhiều thay đổi. Trong thời gian anh nằm quân y, tàu vẫn đi làm nhiệm vụ ở ngoài biển, đã đánh thêm hai trận. Nhiều đồng chí thuyền chuyển sang phân đội khác, hoặc bị thương. Nhiều đồng chí được đề bạt và khen thưởng sau hai trận đánh mà anh vắng mặt.

- Thuyền trưởng Cương còn không? - Bân hỏi.

- Còn.

- Ái vẫn ở đây hay đã chuyển đi đâu?

- Đồng chí Ái hi sinh trận ngày 25 rồi!

Bân níu lấy cánh tay Hà:

- Đồng chí nói sao?

- Đồng chí Ái hi sinh trong trận ngày 25 rồi!

Tin đó làm cho Bân choáng váng. Cổ anh như tắc nghẹn. Một chất nước đắng dâng lên đầy miệng. Anh bỗng quên hết: Việc Hà thay thế mình..., những ngày nằm quân y..., anh vừa được gặp Lân trên dọc đường... tất cả mọi chuyện ấy đều trở nên bé nhỏ, như lùi vào trong cõi mơ hồ.

Trước mặt Bân hiện lên sừng sững hình ảnh Ái: cái gáy rám nắng và rộp tóc vì lâu ngày không được cắt, và tiếng thét sang sảng giọng xứ Nghệ - tiếng thét động viên khẩu đội trút căm thù lên nòng súng để trả thù cho đồng bào!...

Khẩu pháo ở "vị trí Một" đang lạng lẽ chĩa chiếc nòng dài, đen sẫm lên bầu trời chi chít sao. Bân tưởng như Ái vẫn còn đứng ở ngay bên cạnh tấm lá chắn, với một lá cờ đỏ như ngọn lửa...

Trời về khuya. Vài ngọn đèn trong các khoang thuyền kê bên xóm chài trước mặt cứ nhấp nháy mãi và kẻ một đường thẳng hơi run rẩy xuống mặt nước. Biển tối sẫm. Tiếng sóng dâng trào lên từng đợt, lúc xa, lúc gần chậm rãi và rất trầm giống như một giọng kể chuyện buồn bã. Bân nằm cuộn mình trong chiếc tầng bằng vải bạt căng từ nòng pháo xuống. Hà vẫn khoác súng đi lại bên cạnh. Hà kể trận đánh ngày 25 rất tỉ mỉ:... "Lúc ấy, tôi đứng ở trên đài, tôi trông rõ đồng chí Ái đang thét lên, tay chỉ vào chiếc máy bay...". Tiếng Hà chìm dần, bên tai Bân chỉ nghe tiếng sóng khuya vỗ vào bờ quân cảng.

Bân nhớ những đêm anh và Ái cùng phiên "trực canh": Bốn bề chỉ có trời và nước. Hai người thỉnh thoảng mới trao cho nhau vài lời, mắt cả hai người đều dán vào bóng tối cho đến lúc chân trời phía đông hừng lên. Lần ấy, tàu đi tuần ven biển khu Bốn và không kéo cờ. Trời vừa tang tảng sáng, xung quanh tàu bỗng thấy có rất nhiều thuyền đánh cá dong buồm chạy thẳng tới. Lấp ló sau mạn thuyền và sau những lá buồm cói, có nhiều mũi súng trường và súng máy, những đôi mắt nảy lửa nhìn chĩa về phía tàu. Bân và Ái vội đi gọi thuyền trưởng và các thủy thủ dậy. Thuyền trưởng cho treo cờ. Sau khi nhận ra tàu mình, đồng bào trên thuyền đứng cả dậy. Hóa ra đồng bào ngõ T.730 là tàu biệt kích của địch nên châu thuyền lại định vây bắt! Ái đang đứng trên đài chỉ huy bỗng hấp tấp chạy băng về bên mạn, kêu lên rồi rít, rồi cứ đứng ngậy ra nhìn sang một chiếc thuyền bên cạnh.

Trong số đồng bào ngư dân trên chiếc thuyền đó, có mấy người đàn bà, và có vợ Ái. Hai vợ chồng đứng cách nhau một khoảng trời và nước, cùng nhận ra nhau một lúc. Cả hai vừa mừng vừa thẹn, cứ cuống quýt. Lần ấy là lần cuối cùng Ái gặp vợ. Vợ anh có đôi mắt đầy lòng đen rất gan góc, chỉ nhìn chồng cũng nói lên được tất cả.

Suốt đêm hôm ấy, Bân không hề chợp mắt. Trong lòng Bân đang nổi lên cơn giông bão. Tình đồng chí, lòng căm thù địch như những đợt sóng lớn cao ngất, trái chiều nhau cùng một lúc xô tới, xoáy vào tận đáy lòng anh. Anh nắm chặt hai bàn tay và ngược nhìn lên nòng pháo trên đầu. Trên cao là một vùng sao rất dày, trong đó có một ngôi sao sáng xanh, chớp luôn, như đậu ngay trên nòng pháo. Bân lẩm bẩm: "Ái, mình sẽ chiến đấu như cậu đã chiến đấu. Nhất định mình sẽ trả thù cho cậu! Nhất định mình phải giết hết "chúng nó" để trả thù cho cậu!".

Tiếng chân Hà đi lại bên cạnh. Hà hỏi vọng vào trong tầng:

- Đồng chí vẫn chưa ngủ ư?

- ...!

- Về sáng hơi lạnh đấy. Tôi đi lấy chăn cho đồng chí đắp nhé!

Bân vội từ chối:

- Tôi cũng có, cậu không phải lấy nữa - Anh nói và giờ ba lô lấy chiếc chăn của mình đắp lên ngực. Đây là chiếc chăn còn mới của Ái, Ái đã đưa cho anh đắp cách đây hai tháng, lúc anh bị thương. Qua lần bông dày, chiếc chăn tỏa lên người Bân một làn hơi nóng ấm áp, lẫn mùi dầu máy và mồ hôi rất quen thuộc. Vừa nằm ấm chỗ, Bân đã ngời bật dậy. Từ lúc ấy cho đến khi chân trời dằng đông lóe dần những tia sáng trắng trắng như sữa loãng, và vệt sao xanh rất gần còn sót lại trên đầu súng đã tắt, Bân cứ ngồi tựa bên khẩu pháo ở mũi tàu, chiếc chăn khoác trên lưng, đưa đôi mắt rảo

hoảnh và xam xám như một lớp tro phủ ngoài hòn than hồng nóng bỏng ngược nhìn ra ngoài biển khơi. Đôi mắt ráo hoảnh và lạnh ngắt!

Trời sáng hẳn.

Khoảng trời trước mũi tàu trắng như sữa.

Một hồi keng khua lạnh lạnh sau dãy nhà kho.

Các chiến sĩ T.730, từ trong khu doanh trại "sơ tán" phía sau con đường dốc đất đỏ quạch đi ra bến. Mọi người đứng tụ tập trước cửa dãy nhà kho dài và thấp lè tè, mới quét một lượt nước xi măng xám nham nhở. Một người báo tin Bân đã về từ đêm qua. Tất cả liền chạy ùa về phía tàu. Những tiếng kêu từ dưới bãi:

- Bân đâu?

- Nghe nói cậu Bân vừa về đêm qua, phải không?

Bân đang đi xem những vết đạn dưới các khoang máy và khoang chứa đạn. Anh từ trong khoang máy chui ra, hai vai váo lấm đầy dầu. Lập tức, những cánh tay từ phía dưới bãi chìa lên. Bân nắm lấy hai ba bàn tay đen sạm và vạm vỡ. Ai cũng tranh hỏi trước:

- Vết thương của cậu thế nào?

- Còn đánh nhau được nữa không?

Bân co chân nhảy xuống bãi, và đưa mắt nhắm đếm từng đồng chí cũ còn lại:

- Khỏi rồi! Còn đánh nhau được, đánh tốt hơn ấy chứ!

Ngay buổi sáng, sau khi thu xếp chỗ ăn ngủ và báo cáo với thuyền trưởng, Bân nhận một bộ quần áo vải bạt màu xanh và treo mình trên cái

giá lũng lảng sát sườn tàu, cùng mọi người cạo hà. Ngồi bên cạnh các đồng chí khác, nom Bân càng trắng trẻo và có vẻ non nớt. Hình như trên người anh chưa phai hết mùi thuốc khử trùng thơm hăng hắc thường phảng phất trong các gian phòng của quân y viện.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 16

Tàu T.730 mới lên đà. Trong trận chiến đấu ngày 25, có một số thủy thủ hi sinh và bị thương phải bổ sung chiến sĩ mới. Tàu bị oanh tạc hư hỏng một vài bộ phận nên phải trở về cảng để chữa.

Theo chỉ thị của khu trưởng Quang, kỳ hạm T.730 phải được sửa chữa hết sức gấp rút. Công việc lắp ráp các bộ phận máy do bên công trường và các chiến sĩ "cơ điện" của tàu phụ trách, các thủy thủ khác làm những việc phụ như cạo hà, sơn và gác tàu. Hàng ngày, từ lúc mặt trời mới ló, bến chữa tàu đã rộn lên tiếng búa nện chan chát, tiếng máy và dây "cua roa" chạy xình xịch. Những chiếc tàu đi làm nhiệm vụ ngoài khơi về nấu tạm ở quân cảng, vôi vữa kéo một hồi còi dài và cuốn neo chạy ra ngoài dãy núi đá còn bọc kín trong màn sương mù trước mặt. Trong lúc đó, kỳ hạm T.730 vẫn nằm trên đà! Như một thủy thủ già gan góc xưa nay quen vùng vẫy, con tàu chỉ huy nằm đó, đang thèm khát biển khơi, thèm khát cuộc chiến đấu.

Tàu T.730 nằm trong bến gần ba tháng thì một buổi sớm, trung tá Quang tới thăm tàu và các thủy thủ.

Nhìn nét mặt hơi lăm lì, đôi tròng mắt màu khói thỉnh thoảng ánh lên và đưa đẩy hết sức linh lợi, chúng ta cũng đoán được người chỉ huy đầy cương nghị và quen suy nghĩ ấy đang mải mê với những ý nghĩ, những dự tính sâu xa của mình. Chắc hẳn vấn đề mà Quang đang nghĩ tới rất quan trọng đối với các chiến sĩ, và cũng rất thú vị.

So với ngày cùng Lâm về làng Kiêu thì dạo này trông Quang gầy hơn, hai vòm mắt thâm quầng. Gần hai tháng qua, ông chuyên nằm ở các đài

quan sát mặt biển. Quang có tác phong chiến đấu giống như của một đồng chí chỉ huy cũ của ông ở đại đoàn Đồng bằng: trinh sát, điều tra địch hết sức tỉ mỉ và chu đáo, nhưng khi đặt kế hoạch tác chiến lại rất nhanh và táo bạo.

Chiếc xe con chạy vun vút trên con đường trồng thông. Con đường lộng gió, nối liền mặt biển với cánh đồng, như một đường viền của hai tà áo. Quang đưa mắt nhìn ra ngoài: Phía tay phải là những cánh ruộng bậc thang trập trùng, những luống đất vừa cày vỡ. Phía bên kia là biển, gió biển thổi vào trong xe đến nhức mắt. Quang ngắm phong cảnh hai bên đường, cảm thấy mỗi tấc đất của Tổ quốc đều gắn bó với mình như máu thịt. Những năm kháng chiến, ông đã cùng nhân dân cầm súng giành giật lấy từng góc vườn, từng luống cày. Ngày nay, ông lại cùng các đơn vị hải quân mới thành lập, còn non trẻ đang rải cánh tay ra ngoài biển Đông để bảo vệ bờ cõi, cũng như đại đoàn Đồng bằng của Quang ngày xưa, con đại bàng vừa đẻ ra đã vỗ cánh trên từng lớp đồn bốt giặc dày như đinh cắm dọc hai bờ sông Hồng!

Xe vào gần đến cổng gác. Từ bên ngoài, Quang nhìn qua vai đồng chí lái xe thấy các chiến sĩ đang làm việc ở bãi sửa chữa. Tiếng cười nói, tiếng máy chạy, tiếng búa nện sắt choang choang. Không khí bến tàu rất ồn ào. Trên vạt sân nền xi măng trước dãy nhà kho, một đám đông chiến sĩ tàu T.730 đang rũ gi dây neo. Cuộn dây xích sắt buộc vào một cây luồng rất dài và treo lơ lửng dưới một gốc cây si già. Các chiến sĩ ngồi thành hai hàng trên một chiếc ghế dài, những cánh tay đặt trên đầu cây luồng cùng nhịp nín xuống lại thả ra. Cuộn dây sắt vừa được nhắc lên lại rơi xuống nền sân kêu loảng xoảng, làm bay tung những đám bụi sắt màu đỏ.

Khi trông thấy chiếc xe con của Quang vào sân, các chiến sĩ liền bỏ việc đổ xô đến bên thành xe. Một Thượng sĩ vội vàng hô nghiêm. Tình cảm của mọi người như bị nén lại. Sau động tác đứng nghiêm dán năm đầu ngón tay vào đường chỉ quần một cách vội vã, các chiến sĩ liền chạy ùa đến gần

Quang lúc ấy cũng vừa bước xuống. Đối với Quang, các chiến sĩ đều thích gần gũi và chẳng có gì e ngại. Họ tranh nhau hỏi thăm và buông những lời trách móc lâu ngày không thấy ông đến với họ. Một vài cậu trẻ tỏ vẻ nũng nịu với vị thủ trưởng. Được sống những phút như thế, Quang cảm thấy mình trẻ thêm vài ba tuổi. Ông cười hồn nhiên và phân bua: "Mình bận lắm các cậu ạ, gần hai tháng nay mình chỉ nằm ngoài đài quan sát thôi!" Quang bắt tay khắp lượt và đưa cặp mắt thân mật nhìn từng người. Qua cái liếc mắt đầu tiên, ông đã nhận thấy có ba bốn cái đầu cạo trọc.

- Ghê nhỉ? - Quang quay lại hỏi Cường, thuyền trưởng - Đồng chí hạ lệnh cho anh em cắt trọc đấy ư?

- Báo cáo, không! Anh em kêu để tóc dài nước mặn bết vào rất khó chịu.

Quang biết "các cậu" T.730 bắt chước mình, cho đấy là một cái "mốt" thời chiến! - Nhưng không sao, để tóc dài mà gội nước biển hàng tháng cũng ngứa ngáy khó chịu thật. - Quang nói, và đưa tay lên xoa đầu.

Các chiến sĩ cũng bắt chước đưa tay lên xoa đầu mình và ôm vai nhau nhìn thủ trưởng cười.

Quang ngồi xuống chiếc ghế dài kê bên gốc si.

Mọi người ngồi bệt xuống sân. Xung quanh Quang đã nổi lên những câu hỏi:

- Đề nghị thủ trưởng nói chuyện thời sự miền Nam ạ!

- Đề nghị thủ trưởng cho biết tại sao thằng Giôn-xơn bảo phong tỏa bờ biển vịnh Bắc Bộ mà gặp mình, tàu biệt kích chúng nó cứ lúi như chạch ạ?

- Thủ trưởng cho biết chúng tôi sắp được "về" chưa ạ?

Quang hiểu ngay tiếng "về" có nghĩa là được trở ra biển, được đi chiến đấu. Lâu nay, các cán bộ chính trị vẫn thường giáo dục trong toàn quân chúng ý thức "biển là nhà"...

Quang trả lời những câu hỏi rất tỉ mỉ, cho từng người một, rồi hỏi Cương:

- Bân quan trắc đâu?

- Báo cáo, đồng chí ấy vừa lên gặp trưởng ban quân lực - Cương lợi dụng lúc thủ trưởng đang cởi mở, liền khiếu nại việc đồng chí trưởng ban quân lực sắp ra lệnh lấy Bân đi bổ sung cho phân đội khác.

Quang vỗ lên cặp vai béo tròn của Cương:

- Tôi thừa biết đồng chí định giữ cậu Bân lại làm quan trắc suốt đời cho tàu mình. Như thế là tư tưởng sai đấy nhé! Việc ấy không phải là do ý kiến của trưởng ban quân lực, mà là của tôi. Tôi cũng không lấy một chiến sĩ giỏi lên cơ quan khu đâu - Quang quay sang nói với tất cả các chiến sĩ đang vây xung quanh - Quân chúng chúng ta mới xây dựng, hãy còn trẻ. Phải nghĩ đến sự phát triển của toàn quân chúng, các đồng chí ạ!

Quang tỏ ý tiếc không được gặp Bân. Ông hỏi mọi người:

- Các đồng chí đã nghe tin tức gì về chiếc T.40 ở bên khu 9 chưa?

Mấy hôm trước, Cương nghe tin một chiếc tàu của khu tuần phòng 9 đi làm nhiệm vụ trở về thì bị địch oanh tạc. Cương chưa biết tin ấy có đích xác hay không nên chưa dám phổ biến cho chiến sĩ. Anh không ngờ chính Quang lại nhắc tới, với thái độ rất bình thản và vui vẻ.

Cương trả lời:

- Chưa ạ!

- Được, tôi sẽ phổ biến tình hình chiếc T.40 của đơn vị bạn để các đồng chí yên tâm.

Quang giở tấm bản đồ rất lớn giải xuống sân. Ba phần tư tấm bản đồ là biển, một màu xanh bao la và các cửa sông ăn lõm vào đất liền như hình những cái phễu. Các chiến sĩ chen nhau vào tò mò ngắm nghía, một vài người hết sức thú vị khi tìm thấy một hòn đảo, một đoạn bờ biển quen thuộc. Quang đặt ngón tay vào giữa màu biển xanh loãng, vạch một đường ngoằn ngoèo vào trong bờ rồi bắt đầu kể:

- Cách đây một tuần, chiếc T.40 của khu tuần phòng 9 đi làm nhiệm vụ phục kích tàu địch hoạt động ban đêm vùng ven bờ biển. Sau khi đuổi chiếc tàu địch ra ngoài khơi và bắn nó bị thương nặng, vì trời sắp sáng, T.40 được lệnh vào "dựa" ở một cửa sông - Quang đặt ngón tay vào chính giữa hình một cái phễu xanh trên bản đồ - Đây là cửa sông Kiêu, chỗ này là làng đồng chí Bân. Tảng sáng hôm đó, mù biển rất dày. Tàu đi xuyên mù, theo hướng Tây Bắc đến 4 giờ 30 phút thì vào gần đến nơi. Vì trời xấu và không thuộc luồng lạch nên đâm vào một cái lười cát ở cửa sông và bị mắc cạn. Vừa lúc ấy, máy bay địch, có lẽ qua màn ra đa đã tìm ra hướng đi của ta nên chúng liền kéo tới, cứ nhắm khu vực ấy mà bắn phá và thả bom rất dữ dội.

Quang kể đến đây liền xếp tấm bản đồ lại. Trong óc Quang hiện lên rất rõ hình dạng cái lười cát ngầm ở cửa sông Kiêu. Ông cẩn thận gấp từng nếp tấm bản đồ, bỏ vào chiếc túi đeo bên mình, đoạn hỏi Cương và toàn thể anh em:

- Gặp trường hợp như T.40, các đồng chí xử trí như thế nào?

Quang nhìn lướt nhanh từng người chiến sĩ ngồi trước mặt. Sau mỗi một trận đánh, Quang lại càng hiểu chiến sĩ hơn. Đối với họ, bao giờ ông cũng tỏ ra kính trọng và đặt tất cả niềm tin của mình.

Một chiến sĩ trả lời:

- Chúng tôi sẽ đánh, vừa đánh vừa tìm cách "cơ động" tàu.

Mọi người gật đầu tán thành.

- Nếu vẫn không "cơ động" được thì sao? - Quang hỏi vặn.

Các chiến sĩ đưa mắt nhìn nhau, rồi nhìn Cương ngồi bên cạnh. Khuôn mặt đầy đặn của Cương vẫn nghiêm trang và rắn lại như một tảng đá. Mọi người hoàn toàn đồng ý với Cương, với câu trả lời của Cương: - Nếu tàu vẫn bị chặn thì cứ đứng vững ở đấy, ngẩng cao đầu lên mà đánh!

Nhìn nét mặt từng người, Quang hiểu hết. Gặp trường hợp ấy, họ lại đánh nhau quyết tử với địch như trong trận ngày 25 vừa qua. Bất cứ một chiếc tàu nào cũng xử trí như vậy. Giá Quang là chiến sĩ hoặc thuyền trưởng, ông cũng làm như vậy. Có thể, chúng sẽ oanh tạc trúng tàu, có thể có thiệt hại và thương vong, nhưng với số hỏa lực có trong tay, họ đủ sức giáng cho địch những đòn mạnh mẽ, cho chúng phải lộn cổ xuống đáy biển!

Quang rút thuốc lá hút, và mời các chiến sĩ cùng hút. Vặt sâu đầy khói thuốc, Quang nói tiếp:

- Nhưng diễn biến trận này khác hẳn với trận ngày 25. Các anh em T.40 cũng hạ quyết tâm đánh địch như các đồng chí. Nhưng cục diện đối khác hẳn, bởi vì chiếc T.40 có thuận lợi là họ gặp địch sau khi đã dựa lưng vào một cái cửa sông, có nhân dân đứng ở đằng sau lưng. Các đồng chí thử đoán xem trước tình hình chiếc tàu của bộ đội như thế, nhân dân đã xử trí như thế nào?

Một chiến sĩ nhanh nhẩu trả lời:

- Dân quân địa phương tích cực phối hợp chiến đấu với chúng ta!

Quang đáp:

- Đồng chí nói đúng, nhưng chỉ nói như thế cũng chưa thấy hết tinh thần của nhân dân đâu! Vùng cửa sông Kiêu này tôi quen lắm. Chúng ta đang làm thêm một khu vực giấu tàu ở đây. Rồi nay mai các đồng chí cũng sẽ làm quen với nhân dân vùng này.

Quang kể tiếp câu chuyện đang bỏ dở.

Sau khi xảy ra trận đánh, Quang lập tức về làng Kiêu và ông lại gặp ông Vàng (Quang thấy không tài nào kể cho chiến sĩ hiểu hết mọi chuyện mà ông đã biết).

... Đêm hôm ấy, cả làng Kiêu đang ngủ say. Bên công trường điện cũng đã tắt. Loạt bom đầu tiên trút xuống mé bãi gần cánh rừng phi lao. Từ các xóm trong đồng đến xóm ngoài đồng muối đều thức dậy, chưa ai hiểu việc gì. Ông Vàng đang ngủ, chợt nghe tiếng máy tàu ở ngoài khơi liền nhảy xuống giường. Tay với khẩu súng trường trên đầu giường, ông chạy đến một nhà ở đầu xóm. Tiểu đội dân quân trực chiến ngủ ở đấy.

Ông lay mọi người dậy:

- Các cậu có nghe tiếng gì không?

- Có tiếng tàu... cũng như mọi ngày, xa lắm!

- Không phải tiếng tàu mọi ngày... Tao nghe như có tàu đang chạy vào đây!...

Ông Vàng hạ lệnh cho tiểu đội trực chiến lên đê, và cho nhân dân chuẩn bị đề phòng tàu địch vào gần. Lúc tiểu đội dân quân chiếm lĩnh xong quãng giao thông hào trên sườn đê chạy sang xóm đồng muối thì tàu T.40 đã vào đến cửa sông, ngay trước làng. Chỉ một loáng sau, trung đội dân quân đã ra đủ. Máy bay lại thả bom xuống lòng sông và hai bên bờ. T.40

thả khói hỏa mù che kín bãi. Với kinh nghiệm của một cán bộ đại đội cũ, ông Vàng đứng trên bờ, phán đoán ngay được tình hình. Ông gọi một anh dân quân tới, hai người cởi áo bơi ra ngoài cửa sông, ngay chỗ tàu đỗ.

Ông Vàng leo lên tàu tìm gặp đồng chí thuyền trưởng và tự giới thiệu.

- Tôi là bí thư chi bộ ở trong làng.

Thuyền trưởng T.40 một đồng chí thiếu úy còn trẻ, vội vã nắm bàn tay còn ướt của ông Vàng:

- May quá, chúng tôi đang bàn cách liên lạc với các đồng chí...

Ông Vàng hỏi thẳng vào việc:

- Tôi phán đoán các đồng chí bị lộ rồi đấy. Tàu thì vướng vào bãi cát. Các đồng chí định thế nào?

Thuyền trưởng đáp:

- Chúng tôi vừa hội ý toàn thể tàu. Chúng tôi quyết định sẽ chiến đấu đến cùng - Đề nghị đồng chí về đưa anh em dân quân ra đê, chúng ta "chơi" với chúng nó một trận!

Ông Vàng lắc đầu, không tán thành kế hoạch đó. Ông bàn kỹ với thuyền trưởng và chính trị viên rồi vội vã bơi về.

Mười phút sau, trong làng đã ồn ào, tiếng chân chạy rầm rập. Trong các khu vườn, dọc các dong ngõ, ngoài vườn ươm giữa cánh đồng, tiếng dao dẫn cây chan chát. Hàng chục chiếc thuyền lưới, thuyền câu, bè mảng, đò chở lúa của hợp tác xã và công trường ghé hàng ngang vào chân đê chở cây cối trong làng đưa ra ngụy trang tàu. Chuối, ổi, na, mít, dứa, xoan giồng làm nhà, có những cây còn mang đầy chùm quả, cây cối trong làng đều được ngả xuống, hàng trăm đồng bào nghìn nghịt vác ra đê, chất đầy

thuyền. Khi trời sáng hẳn, khói hỏa mù cũng tan hết, hai tốp máy bay địch vẫn lờng lộn trên trời soi tìm mục tiêu. Nhưng chiếc tàu hải quân đã biến mất. Chỗ cái lưới cát từ bờ ăn lan ra ngoài cửa sông chỉ thấy một cánh rừng cây um tùm mọc trên một khóm thuyền gỗ và bè mảng đậu xúm xít chung quanh con tàu bộ đội. Bàn tay đồng bào đã góp lại, trồng lên hẳn một cánh rừng xanh um phủ kín cái cồn cát, cánh rừng ngụy trang tàu ăn liền thành một dải với cánh rừng sù...

Câu chuyện của Quang làm cho các chiến sĩ hết sức cảm động.

Quang kết luận:

- Người chiến sĩ quân đội cách mạng chúng ta phải luôn luôn tìm địch mà đánh, luôn luôn tấn công địch bằng cách phát huy hết những điểm mạnh của mình. Các đồng chí ạ, như thế, chúng ta nhất định đánh thắng chúng!

Lời kết luận hình như không ăn khớp với câu chuyện, nhưng nằm trong cái mạch suy nghĩ của Quang từ đầu. Ông hỏi một chiến sĩ:

- Một quân chủng hiện đại và phức tạp như chúng ta có đánh du kích được không?

- Có ạ!

- Vì sao thế?

Tất cả ò lên đáp rất sung sướng:

- Vì chúng ta có nhân dân ạ!

Quang ngửa cái đầu trọc đã mọc lờm chờm những sợi tóc về phía sau (các chiến sĩ trông thấy có sợi đã bạc). Ông vỗ vào tấm lưng rộng bè của Cương ngồi bên:

- Đúng! Các đồng chí nói rất đúng! Chúng ta có chỗ tựa vững chắc, và cái lưng rất kín. Các đồng chí không phải sốt ruột đòi "về"! Hãy rèn lòng căm thù giặc Mỹ cho thật sắc và chuẩn bị tinh thần thật vững vàng, nhiệm vụ của các đồng chí sắp đến nơi rồi đấy.

Quang đứng dậy lần lượt bắt tay tất cả các chiến sĩ.

Sau khi đi kiểm tra tàu và trao nhiệm vụ sơ bộ cho Cương, Quang ra xe. Qua khung cửa xe, các chiến sĩ trông thấy một khuôn mặt nghiêm nghị và đôi mắt màu khói vút qua. Trên con đường ven biển lộng gió, dòng suy nghĩ của Quang lại được chấp mỗi lại. Trong đời chỉ huy, ngay từ lúc còn là một tiểu đội trưởng, có bao giờ Quang được đánh nhau với thằng địch trong thế lực lượng cân bằng. Bao giờ cũng một chọi hai, có khi một chọi mười. Ngày nay, các thứ tàu và hạm đội của đế quốc Mỹ có mạnh và hùng hổ đến đâu, có gì đáng cho Quang phải bỡ ngỡ? Nhưng Quang bao giờ cũng nghĩ đến trách nhiệm của mình là một người cán bộ, có nhiệm vụ đưa chiến sĩ vào trận tấn công khi đã cầm chắc phần thắng. "Làm sao với lực lượng nhỏ bé, các phân đội tàu của ta sẽ như đàn cá ép (1) có thể đánh bại một đàn cá mập, và vẫn bảo vệ mình nguyên vẹn?". Đây là câu hỏi mà Quang đang tự đặt ra cho mình.

(1) Cá ép: một giống cá biển, mình dẹt, rất bé, thường ép bên sườn cá mập làm cho cá mập thối thịt.

Từ hôm về đơn vị, Bản biết chắc chắn mình sẽ không được ở tàu T.730 nữa. Hà sẽ thay thế anh làm quan sát viên. Cùng mấy đồng chí ở ngành cơ điện và hàng hải, anh sẽ được chuyển đi đơn vị khác.

Buổi sớm hôm đó, nghe Cương bảo anh lên gặp đồng chí trưởng ban quân lực, anh đã đoán ra hết mọi việc.

Đồng chí đại úy làm công việc điều động có vẻ mặt phúc hậu, tóc đã hoa râm, ăn mặc luộm thuộm, kéo ghế mời Bân ngồi:

- Đồng chí ngồi xuống đây. Lâu nay, tôi xem báo thấy có đăng ảnh đồng chí. Té ra đồng chí còn trẻ hơn trong ảnh nhiều!

Bân có cảm tình ngay với con người ấy nhưng chẳng có cảm tình chút nào đối với công việc của ông. Anh ngồi xuống ghế và đợi.

Ông ta hút thuốc lào và không quên mời Bân hút, rồi rót nước đưa tận tay anh. Hỏi chuyện gia đình, chuyện đánh nhau chán chê, ông mới rút trong tập hồ sơ đặt trước bàn ra một mảnh giấy bằng bàn tay và mỏng teo. "Thế là cái sự phỏng đoán từ lâu đã thành sự thật!"

- Bân thoáng nghĩ một cách thất vọng.

- Tôi mời đồng chí lên để... trao quyết định đề bạt cho đồng chí - Ông trao tờ giấy quyết định do thủ trưởng khu tuần phòng ký đề bạt Bân lên chức tiểu đội trưởng thông tin.

Bân đỏ mặt, chưa kịp mừng đã nghe ông ta nói tiếp:

- Sau đây, đồng chí có thể nghỉ phép tranh thủ về nhà mấy hôm, rồi đến gặp tôi để nhận lệnh chuyển chuyên.

Bân đã chuẩn bị từ trước, liền hỏi:

- Báo cáo, tôi muốn đề đạt nguyện vọng, có được không?

- Đồng chí cứ nói.

- Tôi muốn ở lại T.730 - Bân nói với một vẻ cương quyết, mong đồng chí trưởng ban quân lực thay đổi ý kiến.

- Không được đâu đồng chí ạ, thủ trưởng khu đã ký quyết định rồi - Ông vừa nói vừa chìa ra một bản danh sách điều động chiến sĩ và hạ sĩ quan dài hai trang giấy khổ lớn.

Bân biết là mọi việc đã xong: Anh sẽ xa T.730, xa tất cả các đồng chí, xa một cái gì rất thiêng liêng mà anh không thể nào giải thích được. Bân chỉ đề nghị được ở lại tàu thêm một thời gian ngắn nữa: Anh biết tàu của mình sắp đi làm nhiệm vụ.

Đồng chí đại úy quân lực hỏi:

- Vậy đồng chí không định về phép ư?

- Thôi, đồng chí ạ!

Đồng chí đại úy nắm chặt bàn tay Bân. Khi tiễn Bân ra đến cửa, đồng chí thú thực:

- Phải đưa đồng chí đi đơn vị khác ở ngoài khu, tôi rất tiếc. Đồng chí Quang, thủ trưởng khu cũng rất tiếc. Hình như đồng chí Quang cũng muốn gặp đồng chí để nói chuyện, trước khi đồng chí đi.

Bân biết là việc chuyển chuyên của mình đã được quyết định, không nên đề nghị gì thêm nữa. Anh chỉ nhắc lại đề nghị cuối cùng, xin được ở nán lại một thời gian để dự trận chiến đấu sắp tới.

Sau ngày Quang đến thăm vài hôm, tàu T.730 hoàn thành công việc sửa chữa và chuẩn bị xuống đà.

Trên bến tàu, sau mấy ngày rét cóng, bỗng bùng lên những tia nắng hanh. Cây si già đổ một vạt bóng râm xuống mảnh sân chất ngồn ngang từng hàng thủy lôi và thùng hỏa mù sơn đen. Các chiến sĩ làm việc tất tả,

nhưng ai nấy đều vui sướng, vì sắp được bước vào một đợt chiến đấu mới. Từ thuyền trưởng đến thủy thủ bắt đầu theo dõi tình hình địch một cách chăm chú. Từ các đài quan sát, cứ nửa giờ một lại điện về những hoạt động của tàu địch. Những chiếc tàu lớn vờn trên đường ranh giới hải phận, xuất hiện rồi lại biến mất như những cái bóng ma trên mặt biển. Các chiến sĩ hàng ngày để một con mắt nhìn ra khơi, kiên nhẫn và lặng lẽ làm công việc chuẩn bị chiến đấu.

Một buổi chiều, tàu T.730 xuống đà.

Trên bãi, bộ đội, công nhân đã đứng chật. Nắng chiều mùa đông hắt qua vòm trời, từ khu đồi tăng gia phía sau lưng quân cảng chiếu thẳng ra biển. Dây núi đá lô nhô đủ mọi hình khối trước mặt bỗng sáng rực lên như được thếp vàng. Nắng chiếu lấp lánh trên thân tàu đồ sộ phủ sơn mới màu xám.

Mọi người nín lặng chờ đợi phút con tàu xuống nước.

Thuyền trưởng Cương, vẻ mặt trịnh trọng, đứng bên cạnh đồng chí chỉ huy công trường. Con tàu đã được tháo tất cả các khóa hãm. Đít tàu từ từ trượt trên dây bánh xe giữa hai thanh sắt cao của bến đà. Hàng loạt tiếng reo vang ầm trên bến. Chiếc tàu đồ sộ, uy nghi đang chạy chậm chậm, bỗng lao đi như một mũi tên. Những đợt sóng hối hả từ ngoài khơi chạy vào lập tức rẽ ra, tuôn bọt trắng xóa. Biển mở lòng ra đón lấy con tàu, âu yếm và vồn vã như đón một đứa con đi xa trở về.

Tiếng máy tàu nổ vang rền. Đứng trên đài chỉ huy, bên cạnh thuyền trưởng Cương, Bân từ từ kéo lá quốc kỳ lên cột. Lá cờ trải qua khói lửa, qua mưa nắng và gió bão, đã ngả màu bạc lại bắt gió biển bay phấp phật như vẫy chào các thủy thủ. Các chiến sĩ trên tàu, các công nhân và mọi người trên bến đều đứng nghiêm ngược mắt nhìn lá cờ. Bân nhận phiên "trực canh" đầu tiên. Anh khoác chiếc ống nhòm "vọng hải" trước ngực, leo từng bậc thang lên đài quan sát. Trước tầng gác ngôi nhà cao nhất của quân

cảng, một đồng chí thông tin hàng hải múa tít hai lá cờ hiệu chào T.730 vừa xuống nước. Bân đánh cờ hiệu đáp lại lời chào của bến rồi đưa ống nhòm nhìn ra xa.

Ngoài xa, ánh nắng chưa chịu rớt hẳn, còn đọng trên dãy núi đá dần dần trở màu tím, và bóng hoàng hôn dịu dàng, xanh mướt bắt đầu trùm lên mặt biển đang phập phồng như khuôn ngực một người mẹ...

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 17

Bân đã được trên đồng ý cho ở lại dự trận chiến đấu trước khi rời đơn vị.

Sau ngày tàu xuống đà, anh nhận được lá thư thứ hai của Lân. Trong quãng thời gian gần ba tháng, Lân mới gửi cho anh một lá thư rất ngắn, vừa vặn nửa trang giấy. Đặc biệt lá thư thứ hai, Lân viết rất dài.

Anh Bân thân mến,

...

Vừa qua, em đã biên thư cho thầy trên huyện, nhưng em quyết định chưa báo cho dì em và cho cả nhà biết. Nhưng hiện nay, đồng chí thủ trưởng đơn vị đã cho phép anh em biên thư về nhà. Em đã biên thư cho dì. Đôi lúc em tự kiểm điểm cách đối xử của mình với dì hồi ở nhà, em rất ân hận...

Như thế, trước mặt chúng em đã là một cánh rừng mới, rừng núi dốc đứng! Em viết thư này cho anh trong lán của tiểu đội. Chúng em sẽ còn hành quân miết trong rừng hàng mấy tháng nữa. Chắc anh không thể nào hiểu được hết những gian khổ và những thú vui đặc biệt của cánh lính bộ binh chúng em đâu. Một chiếc ba lô, một bao gạo, một chiếc võng dù và một khẩu súng trường trên vai - mỗi đứa chúng em chỉ cần có thế. Với một cặp giò đã luyện rắn, chúng em sẽ lội suối leo đèo, chúng em sẽ đi đến bất cứ nơi nào Đảng gọi đến.

Anh Bân, chúng em sẽ còn đi xa lắm... Hiện nay, thằng Mỹ đang giày xéo lên nửa đất nước ta, có mảnh đất nào của Tổ quốc mà người chiến sĩ không có nhiệm vụ phải đi tới? - Đây là câu đồng chí chính ủy trung đoàn thường nói với chúng em.

Em biên thư này cho anh giữa lúc đang ăn Tết. Chúng em ăn Tết trước một tháng, vui lắm! Có cả bánh chưng và thuốc lá. Không có hoa đào và cây nêu như ở nhà ta, nhưng hoa mai và hoa lau thì rất nhiều, cả một rừng, cả một thung lũng!...

Hồi này em béo và đen lắm. Tiếc rằng trước khi đi, em không kịp chụp ảnh gửi cho anh làm kỷ niệm. Các anh chỉ huy đại đội mến em lắm, các anh ấy vẫn gọi em là thằng Lân "ngỗng", còn các cậu trong tiểu đội lại đặt biệt hiệu em là thằng "voi thồ". Trong tiểu đội ai cần mang giúp là em "thồ" được hết! Em có thừa sức mang bốn chục cân đi suốt đêm!

Đồng chí chính ủy trung đoàn bảo rằng hành quân kết quả là thắng lợi một nửa, nhưng chúng em đã thấy sốt ruột lắm rồi. Bao giờ chúng em mới đi tới đích, bao giờ mới được nổ súng vào đầu giặc?

Anh Bân thân mến,

Hẹn đến ngày anh em ta lại gặp nhau. Ngày ấy nhất định miền Nam nước ta đã hoàn toàn giải phóng.

Anh đừng biên thư cho em nữa vì chúng em đang ở trên đường hành quân.

Em

LÂN

Vào một buổi tối, từ đài quan sát, khu trưởng Quang lệnh cho tàu T.730 nhổ neo ra vùng biển tập kết. So với ngày thường, quân số trên tàu

tăng lên gấp bội. Các đồng chí bị thương đã lần lượt trở về hết. T.730 là kỳ hạm, cho nên thủ trưởng và chính trị viên phân đội, cán bộ chuyên môn các ngành hàng hải và thông tin đều có mặt trên tàu.

Tàu xẻ sóng lao vào trong đêm. Hàng đèn điện nhỏ li ti của thị trấn cảng giăng thành một chuỗi dài rồi chụm lại và khuất hẳn. Trước mũi tàu là màn đêm tối đen dựng thẳng lên như bức thành. Bên đứng phía sau Hà, trên nấc thang cuối cùng lên đài quan sát. Đêm biển vẫn yên tĩnh. Trước mặt, một hòn đảo toàn núi đá hình răng cưa lô nhô in giữa nền trời. Sóng đánh vào bờ như giận dữ, từng khối nước bắn tung sáng lấp lánh. Thuyền trưởng Cương cho tàu nép vào một vòm núi đầy cây cối. Trên dốc núi cao có tiếng khỉ kêu. Bên lắng tai nghe những tiếng động ngoài xa: vẫn chỉ có tiếng sóng đục, âm ì, vội đi trong khoảnh khắc rồi lại trào lên: Biển vẫn yên tĩnh.

Quá nửa đêm, tàu vẫn chưa nhận được lệnh mới, và lát sau có lệnh hạ mức báo động xuống cấp hai. T.730 đậu kề mạn một chiếc tàu khác, của phân đội bạn mới được phái sang phối hợp. Thuyền trưởng Cương lệnh cho mỗi khẩu đội để nửa số pháo thủ trực chiến, còn một nửa đi nghỉ. Riêng các đồng chí báo vụ và ra đa vẫn phải mở máy làm việc. Cả hai tàu thả trôi, không buông neo.

Bên sờ tay lên vai Hà. Sương đã thấm ướt hai bên vai và cánh tay áo Hà. Bên bảo Hà đi nghỉ. Anh đứng một mình trên đài quan sát. Phía biển Đông - hướng quan sát chính - vẫn một màu tối đen thẫm, thỉnh thoảng một đợt sóng nhô lên, tiếng sóng ồ ồ, đứt quãng. Bên lắng tai nghe, cảm thấy giữa tiếng sóng biển triền miên hình như lúc nào cũng ẩn náu một âm thanh gì đó. Anh lắng tai thật kỹ, tiếng sóng vẫn đục. Biển có lúc như ngừng thở, nghe ngóng. Bên cũng ngừng thở. Rồi bỗng chốc tiếng sóng lại trào lên. Nghe tiếng sóng vẫn đục, vẫn không hề chen một âm thanh nào lạ, anh lại thở đều, và bắt đầu đưa ống nhòm rà trên những lớp sóng.

Sóng vẫn đánh rào rào trên vách đá. Đã nghe một tiếng gà gáy trên đảo. Lại một tiếng gà thứ hai đáp lại. Có lẽ đã quá canh hai. Một bóng

người trèo lên, gọi khẽ:

- Anh Bân!

- Hà đấy ư?

- Anh xuống chợ mắt một tí, em gác cho!

Bân giao nhiệm vụ quan sát cho Hà. Tiếng gà lác đác báo hiệu trời sắp sáng.

Bân dặn:

- Cậu phải hết sức chú ý theo dõi, chúng thường lợi dụng lúc trời sắp sáng để lên vào bắn pháo lên bờ đấy!

Điều Bân dự đoán đến ngay trong phút chốc. Anh vừa xuống được vài nấc thang thì bỗng nghe tiếng máy tàu rền rền. Thuyền trưởng Cương đang nhận lệnh của khu trưởng Quang, người trực tiếp chỉ huy trận đánh sắp tới. Từ một đài quan sát trên sườn đảo phía Đông, Quang chỉ thị cho các phân đội tàu ở các vị trí phục kích chuẩn bị "tiếp xúc" địch. Riêng T.730, Quang hạ lệnh vẫn nằm yên tại chỗ.

Trên đài quan sát, Hà trao ống nhòm cho Bân, anh đứng bên cạnh giúp Bân phát hiện mục tiêu.

Phía trước mặt, chệch về bên trái, góc trời bỗng nhiên sáng rực lên những tia chớp chằng chịt. Khoảng một giây sau mới nghe vọng lại một loạt tiếng nổ. Mặt biển chẳng khác gì người đang ngủ say bỗng choàng thức giấc.

- Cha nó, nó đã "cản trộm" lên bờ đó! - Bân thốt lên chửi, và nghe ngóng ước lượng khoảng cách giữa tàu mình và tàu địch, nơi có những tia chớp lóe lên ở đầu nòng súng.

Chúng bắn liền trong một phút, không hề ngừng.

Tia sáng đỏ lừ tuôn ra từng cụm. Sau hàng loạt tiếng nổ, từ phía đất liền lại dội lên hàng loạt tiếng nổ khác, nhỏ và rền hơn. Một vệt sáng dài lan dần phía chân trời như một lớp bụi. Vệt sáng cũ chưa kịp tắt, đã nhóm lên những vệt khác, chân trời sau lưng cứ hừng lên.

Tiếng sóng trầm hẳn xuống. Lại nghe tiếng gà gáy thảng thốt. Tiếng gà gáy trên biển! Giữa lúc các cỡ pháo của địch bắn dồn dập vào bờ, tiếng gà cứ điểm vào, nghe xa và mơ hồ như từ đất liền vọng ra. Trong đôi mắt của Bân và của các thủy thủ, không bao giờ tắt cái vệt sáng nhấp nháy. Cỗ họ uất nghẹn. Hình ảnh những làng mạc, nhà cửa vụt hiện ra. Tất cả đang bốc cháy! Những vệt lửa xa hình như phả sức nóng vào tận gan ruột họ và đốt cháy lòng mọi người. Tự nhiên Bân chợt nhớ đôi mắt cháu bé con đồng chí trưởng cung giao thông. Đôi mắt ngây thơ như đang mở to, ngược lên nhìn anh.

Vừa ngừng mấy giây, chúng lại tiếp tục bắn, càng dữ dội hơn. Lần này, Bân đã trông thấy rõ hai cụm chớp. Chúng nó đi có một cặp!

Phút chờ đợi đã đến.

Từ chỉ huy sở trên vách đá, Quang hạ lệnh cho T.730 và chiếc tàu của đơn vị bạn xuất kích, đường đi và tốc độ do Quang chỉ thị trực tiếp cho hai đồng chí thuyền trưởng.

T.730 vừa nhô ra khỏi bóng núi thì cuộc chiến đấu bắt đầu. Đạn pháo và đạn của tất cả các cỡ súng liên thanh từ các mục tiêu bí mật ẩn kín giữa biển bất ngờ nổ như sấm sét. Từng khối lửa như từ dưới đáy biển bay vọt lên, rót thẳng vào hai chiếc tàu địch trắng toát. Hai chiếc tàu chỉ kịp bắn trả lại được vài loạt rồi luống cuống quay đầu chạy. Nhưng trận địa phục kích đã giăng sẵn. Trên mặt biển sáng rực, hiện ra một cặp tàu của ta, bé hơn, và

hàng chục chiếc thuyền buồm cỡ lớn đang di động. Một chiếc tàu địch bốc cháy, chiếc thứ hai rú máy hoảng hốt chạy về hướng khác.

T.730 và chiếc tàu bạn đến phối hợp xẻ sóng chạy theo hướng đông, luồng sóng để lại phía sau thẳng căng. Tàu địch đang chạy, bỗng phát hiện thấy hai bên mạn đều có tàu và thuyền của ta liền nổ súng bắn vung vãi. Qua máy vô tuyến điện, Quang chỉ thị cho Cương: "T.730 không được để cho địch chạy thoát!". T.730 đã vòng lên khóa đầu. Cương lệnh cho đồng chí lái, lái thẳng vào giữa mũi tàu địch. Trước mặt Bân, khẩu pháo của "vị trí Một" đang hạ thấp tầm ngắm. Trong một thoáng Bân trông thấy cả khẩu đội của Ái xúm xít quanh cỗ pháo. Đồng chí khẩu đội trưởng mới giơ cao lá cờ đỏ chờ lệnh Cương. Lá cờ phất lên. Từ trên cao Bân thét to: "Vị trí Một, bắn trúng tàu địch trả thù cho đồng chí Ái!" Tiếng thét của Bân bị chìm trong một tiếng nổ rất lớn làm rung chuyển đài quan sát.

Cùng một lúc, tất cả các cỗ pháo của ta đều gầm lên. Trong gần một phút không hề dứt, tiếng nổ cứ như giã gạo. Cả một góc biển sáng trưng. Cương ra lệnh vừa bắn vừa tiến sát địch. Trung liên cũng phát hỏa. Chiếc tàu địch hoàn toàn tê liệt, không còn cách đối phó. Đã nghe tiếng lính trên tàu la hét. Chúng chạy nhốn nháo trên boong và trên các tầng. Trông rõ một vệt lửa liếm vào khoang sau. Lửa lan rất nhanh. Bỗng nhiên, từ giữa khoang máy, một ngọn lửa xanh lét phụt lên cao đến hai thước và một tiếng nổ rất lớn trùm lên tất cả các thứ tiếng súng. Trong phút chốc chiếc tàu địch biến mất, trước mặt mọi người chỉ còn một đám lửa đỏ như máu, lẫn với khói đen, tận dưới đáy biển bốc lên trời ngùn ngụt...

Trận đánh kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

Trời đã tang tắng sáng. Một mảng ánh sáng màu hồng hồng ngoài khơi phía đông lan rộng dần. Trên đầu những cuộn sóng nhấp nhô xung quanh

tàu T.730, trông thấy rõ những vết dầu, rải rác vài mẩu gỗ, một chiếc mũ vải xám trôi lênh bênh.

Bên đưa ống nhòm nhìn ra xa. Đã có thể phân biệt vệt nước xanh lơ mờ như khói ngoài chân trời, tất cả dường như đang còn ngái ngủ. Các phân đội tàu và thuyền của nhân dân tham gia chiến đấu đã rút lui khỏi trận địa từ lâu. Các phân đội tàu của bộ đội ở hướng chính cũng đã rút về căn cứ.

Trời sắp sáng hẳn. Mặt biển im phăng phắc.

Hai chiếc tàu ở lại sau cùng cũng nhận được lệnh của Quang nhanh chóng rút khỏi trận địa.

Cương ra lệnh cho các pháo thủ tăng cường quan sát và chuẩn bị sẵn sàng đánh máy bay. Các chiến sĩ đang say sưa ôm lấy nhau, bắt tay nhau và reo ầm ĩ. Trong niềm vui thắng trận, mọi người vẫn nghiêm chỉnh chấp hành lệnh thuyền trưởng. Chính các chiến sĩ cũng nhận thấy ngay phải làm gì sau khi trời đã sáng.

Bên chỉ cái vệt nước ngăn đôi chân trời và mặt biển còn lơ mờ, nhanh chóng chia "xạ giới" giữa mình và Hà. Bên tin chắc vào quy luật hoạt động của địch. Chúng đã tính toán rất kỹ, thường hoạt động vào tầm bốn năm giờ sáng. Chúng lên vào bắn phá một lúc, nếu gặp tàu hải quân của ta là lập tức tháo chạy và báo cho máy bay từ ngoài hạm đội cất cánh. Khi ấy, trời vừa sáng, tàu của ta sẽ là mục tiêu oanh tạc của chúng.

Bên dặn Hà:

- Cậu nhớ các khu vực, và nhìn cho tinh nhé!

Hà gật đầu, tỏ ý đã hiểu: Đường về khu neo, địa điểm tập kết còn rất xa, nhất định buổi sáng hôm nay sẽ gặp máy bay địch trên biển. T.730 và chiếc tàu của đơn vị bạn chạy song song, hơi chệch, theo đội hình "đối

không". Hai chiếc đang đi thẳng hướng Bắc bỗng nhận được mệnh lệnh của Quang cho rẽ về phía Tây, thẳng hướng bờ biển. Thuyền trưởng Cương vẫn đều đặn nhận lệnh của đài chỉ huy. Anh lập tức cho tàu đi theo hướng mới do khu trưởng Quang trực tiếp ra lệnh trong máy nói.

Bên quan sát từng ngọn sóng ngoài xa, và lắng tai thật kỹ để nghe ngóng. Nền trời biển Đông sáng dần, những tia mặt trời hình rẻ quạt như ngọn chổi lớn xua gạt đám mù trên biển. Tiếng sóng dội lên ầm ì làm xôn xao cả khoảng chân trời nhuộm đỏ. Hai chiếc tàu vẫn chạy với tốc lực bốn máy, đám bọt sóng kéo thành một đường thẳng và trắng xóa.

Sau vài chục phút, dải đất liền trước mặt hiện ra. Bên nghe các pháo thủ bàn tán ở phía dưới. Mọi người vẫn chưa nhận ra cái dải đất còn bọc kín trong màn sương buổi mai, đang tiến dần lại trước mũi tàu là thuộc vùng biển nào? Họ như bị lạc vào giữa đám mù. Hà cúi xuống đài chỉ huy hỏi thuyền trưởng.

Cương không đáp. Hà hỏi Bên:

- Đồng chí có thuộc vùng này không?

Dải đất càng tiến lại gần: Một vệt đất, một chòm cây xanh hiện ra lơ mờ. Bên lấy làm ngạc nhiên. Từ trên đài quan sát, qua ống nhòm, Bên đã trông thấy cái bờ cát xanh thẫm và một ngọn núi ở xa "Chẳng lẽ làng mình ư?" - Bên giật mình tự hỏi. Anh nhận ra tất cả phong cảnh hình như rất quen thuộc, ngờ ngợ của làng mình. Anh lại đưa ống nhòm lên nhìn: cánh rừng sù năm dài ven bãi, một vùng nước lấp lánh màu kềm với khóm thuyền mảng đậu xúm xít, và bên này đê, cái chòm cây đa nhô lên trên rặng phi lao. "Thôi, đúng rồi!"

Anh báo cáo với Cương, không nén được vui mừng:

- Đây là cửa sông Kiều - làng tôi đấy, đồng chí ạ!

Một lần nữa Cương hỏi đồng chí quân sĩ trưởng hàng hải (1) đang cầm cùi tính toán. Người quân sĩ hàng hải cũng vừa xác định được trên bản đồ một cách chắc chắn, tàu đang tiến vào cửa sông Kiêu.

(1) Đồng chí chỉ huy bộ phận hàng hải ở dưới tàu, giúp thuyền trưởng nghiên cứu tình hình biển.

Tàu chỉ cách bờ một hải lý, rồi nửa hải lý. Các chiến sĩ đều xông xáo, ai cũng mong muốn được ghé vào cái cửa sông thuộc làng Bân. Họ vẫn còn nhớ câu chuyện của khu trưởng Quang. Mấy đồng chí pháo thủ ngược lên gọi Bân, và chia sẻ nỗi mừng vui với anh.

Mái trường cấp hai và đoạn bờ đê đã hiện ra, có thể trông thấy cả cái lười cát như lưng một con trâu bạc nằm ngâm mình dưới nước. Hai tay tì vào thanh sắt, chiếc ống nhôm "vọng hải" treo trước ngực, Bân đứng lặng yên trên đài quan sát và cứ nhận ra dần, mỗi lúc một ít, những nét rất quen thuộc của làng xóm. Mỗi tình yêu quê hương đến nghẹn ngào, có lẽ chỉ trong hoàn cảnh của anh mới cảm thấy hết, cứ bóp thắt trái tim anh từng hồi. Anh đã trông rõ, bằng mắt thường cây đa giữa cánh đồng nhô lên khỏi những rặng tre thưa còi cọc của xóm đồng muối, những lũy tre um tùm ôm lấy các xóm trong đồng. Tự nhiên, Bân chợt nhớ đến Lân, nhớ những buổi trưa mùa hè, cái lười cát sáng chói trong nắng, hai anh em rủ nhau bơi ra giữa sông, lấy bùn đắp lên mình, đến khi nước thủy triều lên, nghe tiếng ồ ồ ở ngoài khơi mới vội vã bơi vào bờ. Đứa em ấy, bây giờ cũng đang cầm súng và đã đi xa. Còn anh thì đang trở về làng!

Máy báo thoại của tàu bắt liên lạc được với một luồng sóng mới, nghe tiếng nói riu rít, rất rõ "Chào cá ép! Chào cá ép! Chú ý con bò húc, chú ý con bò húc!" Thuyền trưởng Cương phổ biến cho anh em biết máy bay địch đã xuất kích. Nhưng tàu đã vào trước cửa sông Kiêu, đang kéo một hồi còi chào đất liền, chào cửa sông!

Bân đề nghị cho giảm tốc độ. Anh nhảy xuống đài chỉ huy, đứng bên cạnh đồng chí lái và hướng dẫn cho tàu chạy né qua để tránh lười cát. Đã nghe rõ tiếng máy bay địch kêu ran ngoài biển. Tàu từ từ đi vào luồng sông Kiêu. Máy báo thoại vẫn giữ liên lạc với luồng sóng mới, tiếng nói càng rõ, y như ở ngay bên những gốc cây sù nào đó: "Chào cá ép! Chào cá ép! Rẽ hướng trái, rẽ hướng trái!"

Bên bờ sông phía làng Kiêu, đồng bào đổ ra đứng đầy trên bờ đê, đang vẫy tay chào tàu. Các thủy thủ vẫy tay đáp lại. Đêm qua, đồng bào thức suốt đêm nghe tiếng súng ngoài khơi, bây giờ thấy tàu của ta trở về, thế là đủ để xác nhận ta đã chiến thắng.

Hai chiếc tàu chiến bỏ luồng sông Kiêu, nối đuôi nhau rẽ vào cửa sông Đào. Từ thuyền trưởng Cương đến các thủy thủ đều ngơ ngác nhìn cánh rừng sù: Những túp lều dân công ghép bằng cành cây nằm rải rác khắp nơi. Những mái nhà lợp lá trong chân núi. Bóng điện sáng trong rừng. Tiếng đập đá, tiếng mìn nổ ở xa. Tàu chạy đến đâu, từ những túp lều, đồng bào dân công chạy ùa ra đến đó. Họ vỗ tay, họ nhảy lên:

- Chào các đồng chí mới về!

- Chào bà con!

- Thắng chứ? Các đồng chí?

- Thắng rồi!

- Hoan hô hải quân ta!...

Từ lúc tàu rẽ vào luồng sông Đào, Bân đứng lặng đi. Anh nhìn ngơ ngác, tưởng như mình đang nằm mơ, như đang lạc vào một thế giới hết sức quen thuộc mà cũng hết sức xa lạ. Anh ngắm từng hòn đất, từng gốc sù, và đám bọt sóng trắng xóa tõe ra như một đường cày đầu tiên rạch trên mặt sông Đào. Có phải đây là cánh rừng sù của anh thời bé, mà bao nhiêu lần

anh và Lân đã chèo thuyền qua để chặt củi sủ, hay đi bẫy cá nác? Có phải đây là khu rừng căn cứ của các đồng chí du kích hồi kháng chiến với bao nhiêu chuyện kỳ lạ, đầy bí ẩn?

Cánh rừng sủ không còn vắng vẻ như trước, nhưng vẫn đầy bí ẩn với lớp lá rất dày, đan khít, làm thành cái mái khổng lồ che kín con sông Đào. Những cây sủ già, lớp vỏ ngoài đen sạm và con nước sa mùa qua còn để lại ngấn bùn khô trắng vẫn đứng vững chãi hai bên bờ sông.

Nước dưới đuôi tàu xoáy lên. Bân chợt trông thấy một cánh chim le le bay vút qua đầu mình. Tàu đã vào đến khu rừng căn cứ. Con tàu vừa tung hoành giữa biển đã trở về nằm yên tĩnh, nép mình bên bờ con sông mới dào; lưng tàu tựa vào dốc bờ sông có những dấu bàn chân in chi chít trên lớp đất còn ướt.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 18

Một buổi sáng, Bân khoác ba lô về làng.

Anh được phép về thăm nhà trong mấy ngày tàu nán lại ở "căn cứ dã chiến".

Từ trong chân núi, Bân đi băng qua khu rừng ra bờ sông. Buổi sáng mùa đông, ánh sáng trong rừng còn lờ mờ. Những hàng cây nối tiếp nhau chạy dài. Cuối chân núi, một vài mái nhà lợp rạ, tường trét đất mới dựng, bên trong vang ra tiếng máy chạy đều đều, và ánh điện sáng hắt qua hàng khuôn cửa sổ tò vò. Bân đi qua một dãy lán dân công. Một nhóm đàn ông vừa thức dậy đang lục đống xéng và xà beng dựng trước cửa, chuẩn bị đi làm. Sau ngày mở cửa sông, các đội dân công lại chuyển vào làm trong núi. Công việc hồi này tuy không phải làm ồ ạt, gấp rút như trước nhưng lại nặng hơn, phải mở một con đường xuyên núi cho tàu vào trú. Mấy ngày hôm nay, sáng nào cũng có tàu vào, đêm nào cũng có tàu từ đây kéo neo ra đi. Bân ngắm phong cảnh khu rừng đã đổi khác. "Từ nay, cửa sông Kiều không phải là quê hương riêng của mình nữa, mà đã trở thành một căn cứ tàu mới xây dựng, được ghi bằng mực đỏ lên tấm bản đồ hải phận của phòng tham mưu quân chủng". Bân thoáng nghĩ như thế một cách vui vẻ và đầy tự hào.

Ngoài cửa sông Đào, màu nước xám như kẽm, nước vẫn chảy xiết. Gió lạnh thổi vào khóm cây ven rừng làm bật lên những tiếng kêu ào ào. Quanh một gốc sù mọc lẩn xuống mép nước, thân cây trụi hết vỏ và trở mấy cái cành khẳng khiu, buộc xúm xít mấy chiếc thuyền gỗ. Trên chiếc thuyền neo sát bờ, chất một đống quần áo ướt. Một nhóm đàn bà ngồi trên

mũi chiếc thuyền đậu ngoài cùng, đang giặt quần áo, khóa nước rửa mặt. Nghe tiếng cười phá lên và những tiếng nói chuyện rất to, chẳng khác người cãi nhau, Bân nhận ngay ra người làng mình. Anh khoác ba lô đi từ phía xa nên chỉ nhận ra trong nhóm đàn bà cái bóng cô Tốt đang cúi xuống rửa mặt.

Tốt vừa ngừng lên, liền réo ầm khúc sông:

- Có người đấy!

Bân chẳng hiểu có việc gì mà Tốt la lối ầm lên thế. Anh đặt ba lô lên gốc cây, cầm khăn xuống bờ sông rửa mặt.

Qua làn sương buổi sớm, bờ đê và lũy tre bên làng trông mờ mờ. Sương bay quẩn, trắng đục ở các quãng bờ đê ngoặt. Từ trong một khóm sú rậm rạp chỉ cách Bân mười bước chân, một đàn chim le le gần mười con, con nào con nấy béo múp míp vỗ cánh bay vù ra, tiếng cánh đập trên mặt nước rào rào như ai bốc đá quăng xuống. Bân xuống gần đến mép nước, bỗng đứng dừng lại. Từ trong khóm sú rậm mà đàn chim vừa bay ra, một người con gái với hai dải tóc còn ướt quăn ra sau gáy, tay xách chiếc túi lưới đựng quần áo, dáng đi hết sức vội vã, bước ra và đi thẳng một mạch về phía khóm thuyền đậu.

Bân nhận ngay được dáng đi của cô giáo của mình ở bên làng. Anh vắt chiếc khăn lên vai, hấp tấp gọi:

- Cô Thùy!

Đêm qua, Thùy lại sang công trường, vào tận trong khe núi đá làm suốt đêm; mờ sáng, trở ra, quần áo đã lấm bẩn hết. Cô đang tắm và giặt giũ thì nghe Tốt "đánh tiếng" có người lạ. Cô nép vào khóm sú, vội vã thay quần áo rồi đi ra.

Nghe tiếng người gọi, Thùy quay lại, trông thấy một anh bộ đội đang đi tới. Cô cau mày suy nghĩ: "Quái, sao anh ta lại biết mà gọi đúng tên mình?".

Khi Bân đi đến gần, Thùy mới nhận ra.

- Chao ôi! Anh Bân - Thùy không sao kìm được ngạc nhiên và vui mừng, kêu to. Rồi tự nhiên, hai gò má nóng bừng, Thùy cứ luống cuống. Tuy đứng trước mặt Bân, người học trò cũ, cô cũng đỏ bừng mặt - sự thẹn thùng của người con gái nghĩ mình vừa tắm dưới sông lên. Sau khi cất gói quần áo ướt bọc trong chiếc túi lưới vào tận góc đò, Thùy cố lấy vẻ thật tự nhiên bắt tay Bân:

- Anh mới về đấy ư? Sao anh về lối này?

Bân áp bàn tay thật mảnh dẻ và lạnh buốt của cô giáo trong bàn tay to, đầy hơi ấm của mình, rồi chỉ ra phía cửa sông:

- Tôi về theo tàu cô ạ.

Tốt đứng sau reo lên:

- Phải rồi, anh Bân đi đánh nhau về chứ gì?

Bân chào cô Tốt và những người đàn bà trong làng. Mọi người đều nhảy lên bờ làm cho mấy chiếc đò chao nghiêng. Ai nấy đều muốn hỏi thăm một vài câu:

- Trông anh khỏe nhỉ, mà trẻ ra!

- Ôi chao, lớn gấp hai ở nhà đấy nhé!

Trong khi mãi nói chuyện với những người làng, Bân vẫn đưa mắt chăm chú ngắm cô giáo, anh chợt nhớ đến hai ba lá thư mà Thùy đã gửi cho mình. Anh hơi ngạc nhiên nhận thấy cô hình như bé lại, và lần đầu tiên

anh nhận ra cái vẻ đẹp dịu dàng của cô, đôi mắt đen trong suốt và bộ tóc rất dày, ướt, quấn thành những vòng tròn sau gáy.

Bên nhận xét:

- Cô ạ, trông cô hồi này gầy hơn trước.

Thùy cười, nụ cười vẫn nghiêm nghị y hệt như lúc cô giảng bài trong lớp:

- Tôi hơi gầy nhưng dạo này rất khỏe, chẳng ốm đau gì cả.

- Trường ta thế nào ạ?

- Vẫn học đều đặn, chỉ khác trước là bây giờ học ban đêm.

Trong khi hai người nói chuyện thì Tốt đã trèo lên đò. Cô lúi húi cột dây chèo, thỉnh thoảng liếc nhìn lên bờ. Rồi Tốt kêu lớn:

- Anh Bên và chị Thùy có về luôn thế chuyển sang không?

Mọi người cùng giục:

- Anh sang luôn đi, đò của hợp tác xã làng ta phục vụ công trường đấy!

Không biết Tốt làm thế nào, chiếc đò cứ chùng chình như thể người say rượu, nước bắn tung tóe, Bên trông thấy thế liền bảo:

- Cô để tôi chèo cho!

Tốt cười khanh khách, tinh nghịch:

- Xem anh còn nhớ bến mà sang không nào?

Tiếng cười của Tốt cứ ngân mãi giữa không khí lạnh, tiếng cười to và khỏe phá một làn hơi ấm sau gáy Bân. Anh đứng choãi chân trên tấm ván sạp, xang mái chèo nhịp nhàng, không một giọt nước bắn lên đò. Bân cho đò ngược lên ngang cánh bãi "Tàu đằm" rồi buông xuống, cạy lái cho con đò từ từ trôi hướng thẳng về phía bến trường học.

Khi ra đến quá nửa sông, đò đã xuôi xuống, Bân trao mái chèo cho Tốt và anh cúi xuống vốc từng vốc nước xoa lên mái tóc, lên mặt. Nước sông Kiêu lạnh buốt. Những giọt nước đã thấm lên da thịt, Bân thấy tỉnh táo hẳn. Một ý nghĩ vụt qua: "Như thế là mình sắp về làng, mình đang ngồi trên chiếc đò quen thuộc vẫn chở lúa, chở phân của hợp tác xã!"

Chiếc đò ngang gối vào bãi cát thoai thoải cạnh bến trường học. Bân chờ cho những người đàn bà lên hết, mới khoác ba lô bước xuống bãi cát. Bãi cát bến làng vẫn dẽ và sạch. Nước trào lên liếm vào bãi làm cho những con "còng gió" chạy hốt hoảng để lại những dấu chân nhỏ và sáng. Bân khoan khoái ngắm phong cảnh quen thuộc: mái trường lợp rạ, hàng tre, gốc cây đa to lớn... Trước đây vài hôm, anh còn đứng cách xa bờ hàng hải lý để nhận tìm phong cảnh làng xóm qua chiếc ống nhòm, bây giờ tất cả đều đã hiện ra ngay trước mắt. Tất cả vẫn y nguyên như cũ, như ngày anh ra đi: Bên kia bờ, một đôi chim le le thức dậy muộn đang vỗ cánh bay ra ngoài sông rồi biến mất sau bãi cây lơ thơ giữa cồn cát. Ngoài cửa sông, sương sớm vẫn chưa tan hết. Cái bãi cát chằng từng dải lưới, chiếc mảng cắm bên bờ sù, ngoài xa một chiếc thuyền xua cá khua mạn lách cách, tất cả đều mờ hồ như hiện ra sau một bức màn trắng, mỏng tanh và ẩm ướt

Tất cả đều y nguyên như cũ, có phần nhỏ bé đi chút ít, con sông Kiêu cũng hẹp đi chút ít...

Hai người đi tắt qua cánh bãi "Tàu đằm" để về xóm đồng muối. Thuyền kể cho Bân nghe những chuyện xảy ra trong làng, từ việc làm công trường đến cái đêm cả làng xóm náo động, từ đàn bà, đến ông già vác dao đi đẵn cây để ngụy trang chiếc tàu hải quân. Bân hỏi:

- Đạo tôi ở quân y viện, tôi không viết thư về, sao cô biết?

- Một người bạn báo cho tôi biết - Thùy cười - Sao anh không biên thư về báo cho gia đình?

- Vết thương của tôi cũng thường, tôi không muốn u tôi biết đâu, u tôi cả lo lắm!

Thùy nghĩ thầm rằng chính Bân cũng chưa hiểu bác Thịnh bằng mình. Anh chưa hiểu thế nào là nghị lực của người đàn bà trong lúc này. Hồi Bân ở nhà, xóm làng còn làm ăn bình thường. Nhưng bây giờ, tất cả đều đổi khác. Qua báo chí, làm sao Bân có thể hiểu hết được những suy nghĩ và tình cảm của những người ở hậu phương, dù là người trong gia đình.

Cánh bãi "Tàu đăm" còn lởm chởm gốc rạ. Máy đã dọn sang rừng hết, để lộ khoảng đất lấm đầy dầu máy, đen xỉn và dẽ như đất nền nhà. Sương giá tan nhanh, chỉ còn đọng lớn vón trên mặt sông Kiêu, nhưng bầu trời vẫn còn xám như kẽm và gió rét căn cắt. Đầu cánh bãi, mấy người đàn bà đang cày vỡ đất. Tiếng hô "tắc, rì!" nhỏ nhẹ. Bóng những người đàn bà trùm khăn vuông đen, xù ra trong làn áo bông, bước chậm rãi theo trâu. Chiếc lưỡi cày chao nghiêng ánh lên rồi lại sục xuống lớp đất dẽ cứng.

Hai người rẽ về phía cuối cánh bãi.

Ông cụ Lâm cùng ba bốn người đàn ông, đang cày vỡ đất. Ông cụ quần khăn đầu rìu, mái tóc bạc buông lòa xòa hai bên tai. Vẫn chiếc áo dạ màu cứt ngựa đã gần rách mọi ngày trên mình, bên ngoài khoác thêm một chiếc áo nẹp bằng cói.

Bân đặt ba lô cạnh bờ ruộng và chạy băng qua những luống đất đen nhánh mới cày, một làn hơi nhẹ và mỏng như khói tỏa lên giữa các khe đất còn âm ẩm. Ông cụ Lâm hò trâu giữa ruộng, ấn lưỡi cày cắm ngập sâu xuống rồi đặt bàn tay khum khum trước trán, neho mắt nhìn. Khi nhận ra

Bân, ông cụ không hề tỏ vẻ ngạc nhiên, liền đưa cả hai bàn tay to bè và tím ngắt ra bắt tay cháu:

- Anh hôm nay mới về qua nhà ư?

- Ông!

Nét mặt hết sức hể hả, ông cụ kéo hai người về phía lùm dứa ở góc ruộng. Bân nhìn ông tỏ vẻ ái ngại:

- Hồi này ông còn đi cày được kia ư?

Ông cụ vạch các lần áo trong, áo ngoài để tìm sáp thuốc lào; miệng không ngớt động viên con trâu đứng yên tại chỗ, và nói đùa với Bân:

- Từ thuở bé đến giờ, ông chẳng đi cày thì làm quan ư? Rì, rì! - Ông cụ lại an ủi con trâu đang giậm chân bành bạch ra vẻ sốt ruột - Mà đừng yên đấy để ông cháu tao còn trò chuyện với nhau một chút chứ!

Ông cụ bắt đầu ngắm Bân từ đầu đến chân:

- Khỏe đấy! Anh có món quà gì đem về cho nhà không?

Bân chột thấy lúng túng:

- Cháu từ ngoài biển về...

Ông cụ phá lên cười khà khà:

- Tôi biết rồi!... Quà đấy chứ đâu? Phải không cô Thùy? Tức là đêm hôm kia, các anh chẳng nện cho thằng Mỹ một trận nên thân là gì?

Ông cụ chêm mũi thuốc bằng đầu ngón tay. Bân cúi thối cái bụi nhùi rơm cháy bùng lên. Ông cụ đặt đầu chiếc bụi nhùi cháy đỏ trên nỏ điều và rít một hơi thật dài:

- Lúc các anh đánh nhau là lúc tôi còn thức với các anh ở tổ máy bên rừng. Tôi biết hết... Khi các anh về, tôi đứng đón ngay trên bờ đê chứ đâu?
- Ông cụ hút thuốc xong liền đứng dậy - Anh về nhà đi, về ngay cho nhà Thịnh nó mừng! - Nào, chồn chân lắm hử!

Con trâu ghéch mõm lên trời thở phì phì mấy cái, quay lại nhìn ông cụ rồi chậm rãi cất bước. Bân đứng giữa ruộng, ngắm những đường cày thẳng tắp. Cứ nhìn ông cụ bước đi vững chãi và nhắc chiếc cày bằng một tay hết sức nhẹ nhõm mỗi khi bắt sang luống khác, đồ ai bảo là một ông già đã gần tám chục tuổi. Cái nuốm cày trong tay ông cụ mỗi lần khẽ chúc xuống và né nghiêng là lưỡi cày liền cắm ngập, những tảng đất mới đổ ngã về một phía, đều đặn như người xếp từng hòn đất xuống ruộng vậy. Đến cuối ruộng ông cụ lại giục, không quay lại:

- Anh về nhà đi, về thẳng dưới lò cho nhà Thịnh nó mừng!

Một bầy chim sáo mỏ vàng bay sà xuống, quần xung quanh chân trâu. Ngoài sông, sương đã tan hết. Cửa sông Kiều phơi mình trong nắng ấm. Một tiếng còi tàu rúc lên trong rừng. Bân bước theo một rãnh cày mới mở ra còn bốc hơi ấm. Thùy xách chiếc túi lưới đi bên cạnh; màu đất mới óng ánh dưới chân hai người.

Đã lâu rồi, Bân lại được ngửi cái mùi thơm ngây ngất, ấm áp và quen thuộc. Đây là hương vị đặc biệt của đất bãi ven sông Kiều mới cày vỡ.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 19

Tàu T.730 vào bãi sù được mấy ngày thì tin tàu hải quân của ta vừa bắn chìm hai chiếc tàu của địch lan đi khắp các xã. Những người được biết tin đầu tiên là anh chị em dân công. Họ họp nhau lại, kéo từng đoàn đến chúc mừng anh em bộ đội, nhân dịp đó để được ngắm chiếc tàu chiến của mình. Trên boong và trong các khoang tàu T.730 đã chất đầy quà bánh, thư từ của các xã gửi tới mừng bộ đội vừa chiến thắng. Đoàn đại biểu của xã Kiêu Sơn có ông Vàng và bác Thịnh, cùng hơn một chục người có thành tích tham gia công trường.

Từ hôm chiếc T.40 vào cửa sông, tiếng tăm làng Kiêu đã lan đi trong các đơn vị hải quân. Khi đoàn đại biểu xã Kiêu Sơn đến, thuyền trưởng Cương liền đề nghị ông Vàng nói chuyện với anh em thủy thủ. Ông Vàng nói chuyện xong, giới thiệu bác Thịnh là mẹ Bân. Lập tức, mọi người vây lấy bác. Bác Thịnh trong mấy ngày qua hình như trẻ lại, mặt mũi rạng rỡ. Thấy con về vẫn khỏe mạnh, lại được nghe anh em trên tàu nhắc nhở đến con một cách âu yếm, bác không sao giấu được nỗi vui mừng và kiêu hãnh của người mẹ.

Mấy hôm Bân về nghỉ phép, trong nhà bác Thịnh và trong cả xóm đồng muối, ai cũng tỏ ra vui vẻ. Duy chỉ có Thù, ngược lại, cô cảm thấy hình như mình sống và làm việc trong một trạng thái thiếu bình thường. Thậm chí đôi lúc Thù tự oán mình đã dọn vào ở gia đình Bân.

Từ ngày dọn vào ở trong nhà bác Thịnh, Thù đã quen với cảnh sống trong nhà chỉ có hai người lớn, cùng là đàn bà. Hai người vẫn thường nhắc nhở đến Bân và những người vắng mặt, nhưng cả Thù và bác Thịnh đều

nghĩ rằng Bân đang ở một nơi nào đó mà họ không thể biết, nhưng chắc chắn là rất xa. Bỗng dưng Bân trở về đột ngột. Bỗng dưng trong nhà có thêm một người đàn ông. Sự thỏa mái và thân mật trước đây hình như đã mất đi. Khác với ngày Bân ở nhà, bây giờ Thùy hay để ý nhận xét anh rất tỉ mỉ, từ câu nói, cách đi đứng, và cô trở nên ý tứ hơn. Điều mà cô nhận thấy hết sức rõ rệt là so với lần Bân về phép trước, bây giờ anh đã thay đổi nhiều quá. Trông anh chẳng còn dấu vết nào của một anh học sinh, cũng chẳng có vẻ gì của một anh kế toán hợp tác xã. Lúc cô gặp anh ngoài bến đò, lúc anh cúi xuống vốc từng vốc nước sông xoa lên đôi cánh tay hồng hào và vạm vỡ, xoa lên cái ức rám nắng để lộ những thớ ngực đẹp đẽ của con nhà thủy thủ, Thùy ngắm anh và cứ ngỡ không phải Bân. Cô tưởng đấy là một đồng chí bộ đội trẻ, nhưng đây vẻ dày dặn, lần đầu tiên mình được gặp. Lúc ấy, không hiểu sao Thùy cảm thấy có một cái gì gần như nỗi lo sợ xâm chiếm lấy mình. Cho đến khi về nhà, luôn luôn Thùy vẫn bị ám ảnh bởi cái cảm giác ấy.

Một buổi tối, Bân theo Thùy ra lớp. Anh ngồi ở dãy bàn cuối, nơi ngày xưa anh ngồi và chăm chú nghe cô giảng bài. Bữa ấy, Thùy giảng một bài địa lý. Cô nói vấp vấp, ấp úng luôn, mặc dầu bài giảng đã soạn rất kỹ. Thùy phải luôn luôn tự động viên, và tự trách mình: "Mình nói hỏng quá! Có việc gì mà phải ấp úng kia chứ?". Bài địa lý ấy, Thùy đã giảng cho mấy khóa học, đã gần thuộc lòng những tên đất, tên sông núi. Nhưng lần này, trong khi giảng, cô cứ nghĩ đến người học trò cũ mặc bộ quân phục đang ngồi nghe ở cuối lớp, và hình như mỗi tên sông núi, đất đai mà mình nhắc tới sẽ vang động trong lòng Bân. Biết đâu những vùng đất nước yêu dấu mà cô mới thuộc trên bản đồ thì anh đã từng đặt chân tới, đã hiểu thấu từng hòn đất, từng ngọn cỏ?

Giảng xong bài học một cách vất vả, Thùy đề nghị Bân kể cho lớp học nghe một vài mẫu chuyện chiến đấu. Bân xin phép cô rồi bước lên cái bục gỗ, đứng trước tấm bảng, dáng điệu như lúc lên đọc bài. Anh kể gương hi sinh của Ái và những mẫu chuyện chiến đấu rất dũng cảm của các đồng chí

trên chiếc tàu của mình. Các học sinh ngồi nghe rất thích thú. Chính Thùy cũng chẳng khác gì một học sinh, cũng bị cuốn hút vào câu chuyện ngoài mặt trận.

Trong lúc Bân nói chuyện, Thùy ngồi tận hàng ghế cuối cùng bên của sổ, và để một chồng sách che trước mặt. Trong một lúc chợt để ý đến mình, Thùy như người sực tỉnh và bắt gặp mình đang ngắm Bân rất say sưa. Trong khi nói, Bân như đang sống lại giờ phút chiến đấu oanh liệt, cả con người bình thường của anh biến đổi hẳn và mang vẻ đẹp lạ lùng, một vẻ đẹp tinh thần toát ra từ tâm hồn nồng cháy yêu thương và căm thù của người chiến sĩ. Đôi mắt của anh trở nên sắc sảo nhưng đắm thắm biết bao nhiêu! Thùy ngắm không biết chán đôi mắt ấy và tự giải thích: "Đấy là đôi mắt của người chiến sĩ đã trải qua những phút chiến đấu ác liệt, đã nhìn đối mặt kẻ thù, cũng như cái sống và cái chết. Đấy cũng là đôi mắt của người chiến sĩ quan sát mặt biển..."

Bân về nhà được ba hôm, đã sắp hết hạn phép.

Trong ba ngày ở nhà, Bân xắn quần đi cày với ông cụ Lâm. Vụ chiêm năm nay, hợp tác xã bận việc công trường, nên cày muộn. Cày xong cánh bãi, Bân và mấy người đàn ông loay hoay suốt cả buổi trưa mới đặt xong hai cái guồng nước. Bân nhảy lên đập thử, chuỗi gầu bằng gỗ chạy óc ách, dòng nước từ cánh ruộng sâu cuốn lên, chảy tràn vào những luống cày. Nước chảy đến đâu, đất hút ngay đến đấy.

Ông Vàng đi họp trên huyện về. Ông đứng trên mặt đê đưa mắt ngắm dải đất vừa cày xong, đoạn gật gù nói với Bân đang ngồi trên bệ guồng:

- Thế là tôi đỡ lo, dạo trước tôi hứa với ông ấy một câu, rồi về nhà nằm cứ lo ngay ngáy!

Bân hỏi:

- Hứa với ai cơ hả bác?

- Với huyện ủy, với ông bố anh chứ với ai? Cứ tưởng năm nay chết dở vì cày đất trễ! Trên huyện, các ông ấy giao hẹn nhất thiết phải cấy xong trước Tết.

Nghe Bân nói ngày mai đi sớm, ông Vàng bảo:

- Tối nay có cuộc họp chi bộ kết nạp mấy đồng chí mới, anh đảo ra một lát để chào các đồng chí nhé!

Trời vừa tối, các đảng viên làng Kiêu đã đến gần đủ. Gần ba chục đồng chí, phần lớn là đàn ông ngồi chật căn nhà trụ sở hợp tác xã. Một lá cờ búa liềm treo trên vách giữa nhà. Trên mặt chiếc tủ đựng sách phủ tấm khăn hoa đỏ rực rỡ, đặt tấm ảnh Bác rất lớn có kết hoa giấy chung quanh. Trên mấy dãy ghế tre, các đồng chí nam ngồi sát vai nhau như nêm cối, chiếc điếu cày không ngớt kêu từng hồi sòng sọc. Đồng chí phụ trách dân quân xã đang tranh thủ phổ biến một số việc quân sự. Các đồng chí nữ có bốn người ngồi tụm vào nhau thành một khóm. Chốc chốc, trên cái sân lát gạch rộng thênh thang trước cửa lại lóe lên một ánh đèn ló, cánh cửa liếp mở ra, lại một đồng chí tiếp tục đến, có người khoác cả súng trên vai.

Ông Vàng ăn cơm tối xong liền lôi bộ quân phục "chính trị viên đại đội" ra mặc. Với dáng đi hấp tấp bao giờ cái đầu cũng cúi về phía trước, tay xách chiếc đèn bão, một tay cắp chiếc túi bên nách, ông đi ra trụ sở. Ông đi trước, Bân theo sau. Bân trùm chiếc áo mưa vải bạt, bước những bước dài qua những rãnh nước lếp xếp. Đi bên cạnh Bân, ông Vàng thấp hơn nửa cái đầu. Hai người đi men theo một dãy tường đất dài, Bân ngược nhìn vào đã thấy người đến khá đông, tiếng cười, tiếng nói chuyện huyền ảo vang ra ngoài. Trong ánh đèn dầu nhấp nhোang trong nhà, Bân trông thấy một người con gái mặc áo bông tím, hai dải tóc tết buông lơ lửng trên tấm lưng gọn và nhỏ, ngồi xoay lưng ra ngoài.

Bên hỏi ông Vàng:

- Chi bộ ta có cô nào "diện" khá thế nhỉ?

- Đâu? Ngồi trong kia phải không? Cái thằng này! Đấy là cô giáo Thù.

- Cô Thù được kết nạp vào Đảng rồi ư bác?

- Hôm nay sẽ kết nạp. Anh thật đến là quan liêu, cô ấy ở trong nhà mà anh cũng không biết ư?

- Tôi chẳng nghe cô ấy nói gì cả!

Ông Vàng giới thiệu thêm:

- Ông Lâm, bố anh rất chú ý đến cô ấy. Hiếm có một người con gái vừa có học thức mà lại vừa chịu khó và dũng cảm đến như thế. Hôm chiếc tàu vào mắc cạn, tôi vừa truyền lệnh báo động đã thấy cô ấy có mặt cùng trung đội dân quân trực chiến ở trên đê. Máy bay quần trên đầu vẫn mặc, vẫn chèo thuyền chở cây ra tàu, hết chuyến này đến chuyến khác. Hôm đưa ý kiến sẽ kết nạp cô ấy vào Đảng thăm dò trong hội nghị xã viên, ai cũng tán thành.

Ông Vàng cho biết: Sắp tới, hướng phát triển Đảng sẽ nhắm vào phụ nữ. Chủ trương của huyện ủy là trong tình hình mới, các chi bộ xã phải tích cực nâng số nữ đảng viên lên, qua phong trào "ba đảm đang" mà chọn các chị em tích cực và giác ngộ.

Mọi việc chuẩn bị cho buổi lễ kết nạp đảng viên đã xong. Khi Bên vừa bước lên bậc thềm, một đồng chí trong ban chỉ ủy vội chạy ra:

- Mời đồng chí Bên lên ngồi trên này!

Bên định đến với mấy đồng chí thanh niên, nên từ chối:

- Tôi ngồi với các đồng chí dưới này cũng được.

- Thế sao được! Chúng tôi vẫn coi đồng chí như đảng viên ở xã, nhưng hôm nay đồng chí là khách.

Buộc lòng Bân phải lên hàng ghế đầu, cùng ông Vàng và mấy đồng chí trên đảng ủy xã xuống. Căn nhà họp sáng trưng. Chiếc đèn măng sông mới mượn trên ủy ban xã, treo trên đầu mọi người, kêu xèo xèo như rán mỡ. Ba gian nhà sực lên mùi khói thuốc lào, mùi giầu vò. Hai bên cạnh tường và trong các góc nhà, những dây cót quây thóc giống, phân lân, hoặc dây lang khô đều hiện ra trong ánh đèn măng sông sáng xanh.

Sau lễ chào cờ, đến hát quốc tế ca. Chỉ có độ vài người biết hát, còn tất cả đứng yên để nắm tay ngang tai. Sau khi mọi người ngồi xuống, đồng chí "chi ủy" bước ra bắt đầu đọc lý lịch ba đồng chí mới.

Bân để ý nhìn ba người ngồi trên chiếc ghế dài kê chéo, sát chiếc tủ đựng sách. Hai đồng chí nữ, một nam. Thùy ngồi phía trong cùng. Hôm nay hình như lần đầu Thùy mặc chiếc áo bông màu tím này. Bên cạnh Thùy là một bà ước khoảng gần bốn mươi tuổi, nét mặt phúc hậu, thỉnh thoảng đưa bàn tay dụi cặp mắt đùng đục rồi lại ngược nhìn chăm chú tấm ảnh Bác. Đồng chí thứ ba là một thanh niên xóm đồng muối, Bân có quen, làm trung đội trưởng dân quân. Anh mặc chiếc sơ mi nâu bó lấy mình, ngồi ở ngoài cùng.

Thùy ngồi ở đó với biết bao nhiêu ý nghĩ và cảm xúc

Đồng chí "chi ủy" cầm tờ giấy trình trọng đọc:

- Lê Thị Thùy... hai mươi hai tuổi... Nghề nghiệp dạy học... Sinh quán ở khu phố...

Thùy chăm chú nghe từng đoạn trong bản "tóm tắt lý lịch" của mình: "Như thế là mình đã hai mươi hai tuổi,... mình là một cô giáo dạy học,..."

quê mình ở phố... và bây giờ mình đang ngồi đây, chuẩn bị bước vào một quãng đời khác, đầy vinh dự và cũng đầy trách nhiệm nặng nề trước Đảng...".

Sau phần giới thiệu lý lịch, đến phần các đảng viên mới tuyên thệ. Cả chi bộ đứng dậy. Ba người đứng thành hàng ngang, trước lá cờ đỏ thêu hình búa liềm. Đồng chí trung đội trưởng dân quân đứng nghiêm theo tư thế quân sự, mắt nhìn thẳng. Người đàn bà đưa hai tay túm lấy vạt áo trước, cặp mắt đùng đục vẫn ngược lên nhìn tấm chân dung Bác.

Thùy cảm thấy trong khuôn ngực bé nhỏ của mình như có một con chim đang vỗ cánh chực bay tung ra. Cô thở rất mạnh. Tuy đã ở làng Kiêu bao nhiêu năm, đã ra vào cái trụ sở hợp tác xã này bao nhiêu lần, nhưng hôm nay, đứng ở đây, cô vẫn không sao khỏi ngỡ ngàng như người mới đến. Thùy nhìn lá cờ đỏ, trong lòng rất xúc động nghĩ đến bao nhiêu người đảng viên cộng sản của làng Kiêu đã ngã xuống.

Lễ tuyên thệ xong, Thùy bước xuống và cũng không nhớ khi đứng trước lá cờ Đảng, mình đã nói những gì. Cái cảm giác mạnh mẽ, bao trùm lên tất cả là thấy mình vừa bước qua một cái ngưỡng cửa rất lớn. Từ bên này ngưỡng cửa của cuộc đời, Thùy thấy mọi vật đều đổi khác. Ba gian nhà trở nên ấm áp hơn, một mối tình đồng chí trong trẻo, chất phác tỏa lên từ những khuôn mặt các đồng chí ngồi chung quanh. Thùy cảm thấy mình đang được bao bọc trong mối tình lớn ấy. "Từ nay, mình đã trở thành một đảng viên nguyện suốt đời phấn đấu, hi sinh cho Đảng. Trong cuộc đời con gái của mình, từ nay chẳng có gì đáng ghi nhớ và lớn lao hơn nữa!".

Bên ngoài trời vẫn còn mưa bay. Những giọt mưa lấm tẩm, trắng trắng. Mưa xuân.

Thùy theo các đồng chí bước xuống sân gạch như một người đang chênh choáng. Cô bước đi với niềm say sưa, với biết bao ý nghĩ và cảm xúc mới mẻ.

Hồi còn là một cô học sinh cấp hai, mười bảy tuổi mới bước chân vào ngưỡng cửa của Đoàn. Thùy đã mơ ước đến lý tưởng cộng sản đẹp đẽ. Hồi ấy, Thùy và các bạn bè thường hẹn với nhau, bao giờ học xong sẽ xin đi nhận một công tác khó khăn nhất, ở một nơi thật xa để được thử thách. Hồi ấy, cô chẳng khác nào một vận động viên chạy đường dài, mà cái mục tiêu "trở thành đảng viên" thật là cao xa, nằm trong thế giới đầy lãng mạn của tuổi trẻ. "Hồi ấy, chắc chắn không bao giờ mình có thể nghĩ rằng những đồng chí dìu dắt mình lại là những người nông dân ở một làng bình thường, và mình cũng chỉ làm một công tác bình thường - một cô giáo dạy học!".

Một lát sau, Thùy mới nhận ra mình đang đi trên đoạn đường cái, giữa những cánh ruộng vừa cấy. Từng giọt mưa hắt vào mặt làm cho cô sực tỉnh. Bân lặng lẽ đi bên Thùy. Anh khoác chiếc áo mưa vải bạt lên vai cô; bấy giờ Thùy mới nhận ra có Bân đi bên cạnh mình.

Bân nói bằng giọng hết sức vui vẻ:

- Tôi xin mừng cô!
- Ngày mai, anh đi sớm ư?
- Vâng.

Bân hỏi đột ngột:

- Hôm nay, tôi mới biết cô được vào Đảng. Sao cô kín đáo vậy?

Thùy im lặng rồi bỗng ngửa cổ ra cười:

- Tôi không dám nói với anh đâu, thật như thế!

- Sao vậy, hả cô?

- Tôi cũng không rõ!

Thùy buột miệng hỏi:

- Gửi thư cho anh vẫn theo địa chỉ cũ chứ?

- Tôi đã nhận lệnh đi đơn vị khác. Khi nào đến đơn vị mới, tôi sẽ biên thư về nhà.

Trời vẫn mưa bay. Sang tiết giữa tháng chạp ta, mưa xuân đã bắt đầu. Ánh trăng khuya chiếu qua làn mưa bụi bay lâm thâm trắng xóa trên mặt nước sông Kiều lặng như tờ. Hai người đi qua gốc đa. Vòm lá lùm lùm trên mái nhà cửa hàng. Ánh đèn chiếu qua khe cửa. Loáng thoáng trên mấy trệt ruộng cao có bóng mấy người đàn bà đang cấy đêm.

Thùy bàn với Bân:

- Có lẽ bác còn ở dưới lò. Ta tạt qua lò muối rồi cùng về với bác một thể.

- Nhưng chắc u tôi còn dưới đó không?

Thùy nói chắc chắn:

- Còn chứ, nửa đêm bác mới về là thường...

Con đường rẽ xuống khu lò muối hơi xa nhưng Thùy chưa muốn về nhà ngay.

Từ lúc bước ra khỏi buổi lễ kết nạp Đảng, cô không sao tìm được những cảm giác rạo rức và niềm say mê với cuộc sống đang bùng cháy ở trong lòng.

Cô đi bên cạnh Bân, dáng người chiến sĩ vững chãi, cao lớn. Tự nhiên, Thùy lại trách mình cao hứng một cách viễn vông quá! Vào tầm này, chắc hẳn bác Thịnh đã về trong xóm chứ đâu còn ở dưới lò muối?

Hai người đi qua bãi ươm thông. Mưa đã tạnh. Nền trời sáng dần. Qua kẽ mây, sao mọc lác đác trên nền trời. Trăng sáng ngời ngời bãi cát. Nước thủy triều theo ánh trăng lên đầy mặt biển.

Tiếng sóng khơi chợt xô mạnh vào cửa sông Kiêu. Thùy lắng tai nghe tiếng sóng sao mà to và gấp quá, gần như tiếng đập của trái tim giữa lồng ngực mình.

Thùy bước rón rén trên trắng cát, nửa sợ con đường cát trắng xóa tằm trong bóng trăng phía trước dài quá, lại sợ đi chổng hết quá!

Qua chiếc cầu tre bắc chênh vênh trên con lạch nước mặn, Thùy để cho Bân dắt qua. Trông thấy ngọn lửa hiện ra sau một mái lều, Thùy mừng rỡ kêu to:

- Bác vẫn còn trông lò kia! Anh thấy không?

Sau mái lều, ngọn lửa sù đỏ rực. Hai người phải khom lưng mới chui vào cửa lều được. Trong lều muối thật ấm áp. Bấy giờ, Thùy mới biết vừa rồi hai người đi qua bãi cát rất lạnh. Bất giác, cô nhìn bác Thịnh bằng cặp mắt thẹn thùng. Để giấu bớt nỗi bối rối, cô đến bên cửa lò, đứng lẫn trong đám khói bốc lên mù mịt từ mặt chảo: Chảo muối đã sắp đông.

Bân ngồi xuống mép chõng, hỏi mẹ:

- U vất xôi cho ai đấy?

- Cho con, chứ ai nữa? Mai con đi sớm kia mà!

Bân cười:

- Từ đây sang bên kia sông xa gì mà u phải vất vả cho con mang đi ăn đường?

Bác Thịnh ngược nhìn con:

- U biết rồi. Nhưng con cứ mang sang cho anh em trên tàu, gọi là về phép có chút quà của gia đình.

Thùy đứng trông lò hộ bác Thịnh.

Ánh lửa trong khuôn lò đỏ rực, chiếu sáng nửa khuôn mặt Bên. Trông anh giống y hệt tấm ảnh mà Liên đã chụp, in trong tờ báo "Tin quân chúng". Tấm ảnh ấy, Thùy vẫn còn giữ.

Bác Thịnh vẫn lúi húi với gói cơm nếp. Bỗng bác chạy đến nhìn qua chảo muối, nói với Thùy:

- Ra lò được rồi đấy, cô ạ!

Thùy cầm một nắm hạt thầu dầu rắc đều lên mặt chảo. Lớp muối trên mặt càng trắng, những hạt muối đủ mọi hình khối lấp lánh. Thùy cởi áo bông, nhanh tay cầm cán xẻng. Đã nhiều lần, Thùy dẫn các em học sinh đi xem cách làm muối và giảng giải cho các em những phản ứng hóa học về sự kết tinh ra chất muối biển. Nhưng mỗi lần được tự tay xúc từng xẻng muối trắng, còn nóng bỏng từ lò ra, cô vẫn không sao khỏi ngạc nhiên và thích thú, như lần đầu được chứng kiến một sự biến đổi kỳ lạ! Cái kết quả thu được sau một chuỗi dài công việc làm công phu và vô cùng vất vả bỗng chốc hiện ra, nằm lấp lánh trên tay mình.

Trước mắt Thùy, cái chất nước vàng sánh chảy ra từ màu đất, hơi nóng mặt trời và nước biển đã kết tinh lại.

CỬA SÔNG

Nguyễn Minh Châu

www.dtv-ebook.com

Chương 20

Vài ngày sau đợt nghỉ phép ngắn ngủi, Bân nhận lệnh thuyền chuyển chính thức. Anh từ biệt các đồng chí, từ biệt con tàu thân yêu của mình để đi nhận công tác ở đơn vị khác.

Bân được điều tới một phân đội tàu tuần tiễu rất nhỏ, luôn cơ động, hoạt động trên vùng biển sát giới tuyến. Với các chiến sĩ hải quân, đây là vùng biển lý tưởng, được giáp mặt với kẻ địch hàng ngày. Càng đi vào phía nam, bờ biển càng lờ mờ. Biển sâu và dữ hơn, có quãng chân núi Trường Sơn cắm tận mép nước. Tàu của Bân chỉ hoạt động ban đêm, ban ngày thường vào trú ẩn bờ một con sông hẹp, trong vòm núi đá.

Một mùa khô lại đến! Máy bay địch hoạt động ráo riết, thay nhau bắn phá các rặng núi phía tây. Tiếng bom nổ vang trong các khe, lũng. Ban đêm, trông thấy ánh lửa những đám rừng cháy. Con đường rừng có hàng trăm ngã, sườn dốc núi có hàng trăm ngã vẫn mở ra cho quân đi, chẳng khác một dòng suối thép chảy... Mỗi đêm nghe tiếng bước chân những người lính bộ binh đang hành quân, Bân cứ tưởng mình lại sắp được gặp Lân, như trên chặng đường hành quân của Lân cách đây mấy tháng.

Đã sang tháng giêng, hai âm lịch.

Địch bắt đầu bắn phá mạnh ven sông Kiêu. Một buổi trưa, một tốp máy bay từ ngoài biển bay ập vào, ném một loạt bom xuống gần xóm đồng muối. Hai người chết và năm người bị thương. Gần một chục nóc nhà cháy. Sau hôm đó, thỉnh thoảng chúng lại vào ném bom bắn phá dọc bờ sông kiêu. Có hôm chúng thả truyền đơn kêu gọi nhân dân đầu hàng, những tờ

truyền đơn bay lơ lửng trắng xóa, một vài tờ rơi vào xóm đồng muối, nhưng chẳng một ai nhặt. Đất làng Kiêu sau lần chiến tranh trước, đã chai lại. Những hố bom được lấp kín. Nhà lại dựng. Trên các dải đồng, lúa chiêm lên xanh kín bờ, lúa chiêm đang phất cờ lên. Mặc dầu ịch ra sức quấy phá cả ngày đêm, guồng máy làm việc ở hậu phương vẫn chạy đều. Trong làng vẫn náo nức hướng về tiếng súng ngoài tiền tuyến. Mọi người đang ra sức làm việc. Mọi việc hình như đều mới bắt đầu.

Ông Vàng đã nhận chức bí thư Đảng ủy xã, thay cho đồng chí cũ trở lại bộ đội. Ăn tết Nguyên Đán xong, ông Vàng vẫn cái dáng tất tưởi, vội vã, thu xếp cho đợt thanh niên nghĩa vụ lại sắp lên đường. Bây giờ đi dạo một vòng qua các xóm, gặp đàn bà và trẻ con là nhiều, cả lớp con gái đang "thì ăn thì sức" cũng đi dân công hỏa tuyến, đi thanh niên xung phong, đã vãn. Cô Tốt đã giao cửa hàng cho một chị có con mọn trông. Tốt xung phong đi dân công mở đường đợt sáu tháng, tận miền tây khu Bốn. Trước hôm đi, Tốt vào chào chị Quý. Chưa bao giờ người trong làng thấy Tốt hát và cười nhiều như thế.

Bên kia sông Kiêu, tiếng máy tàu chiến trở nên quá quen thuộc với mọi người, như tiếng xay lúa, giã gạo hàng ngày. Đêm đêm, nghe tiếng còi tàu rất trầm, như tiếng gọi đất liền thốt lên từ ngoài khơi, mọi người đều thức giấc. Thù đang ngủ vội vàng ngồi dậy và hướng về phía cửa sông. Bác Thịnh cũng giật mình hỏi: "Tàu vào đấy hả cô?". Những lúc ấy, sau giấc ngủ chợt tỉnh, hai người đều nghĩ đến những người chiến sĩ đi chiến đấu trở về; hai người đều chợt nghĩ đến Bà, mỗi người mang một niềm mong nhớ riêng.

Một buổi sáng đầu tháng hai, Thù đi họp trên phòng giáo dục huyện về, xách một bọc sách nặng. Cô về đến khúc đê lượn bên kia sông thì gặp Liên đang ngồi trong một cái túp trông vó bè, đợi đò. Liên vẫn mặc bộ quân phục tím nhưng đã hơi cũ. Trông thấy Thù, Liên vội kêu lên:

- Thật là may quá, mình đang chờ đò để sang bên làng cậu.

Từ ngày hai người gặp nhau ở nhà Thù, chưa có dịp nào họ được gặp lại nhau. Thù kéo tay Liên, mừng quýnh:

- Làng mình chỗ cây đa lùm lùm kia kìa. Thật là thú quá! Cậu về chơi với mình lâu lâu chứ?

Liên chỉ về phía rừng sú:

- Mình vừa ở trong chỗ các anh ấy ra. Chú Quang mình đang làm việc với các anh ở trong đó, cả đồng chí bí thư huyện nữa. Mình không đi chơi mà sang làng cậu có chút việc.

- Việc gì thế? - Thù nhìn bạn, hỏi.

- Cũng như mình về thăm cậu thôi mà! Chú Quang bảo mình về bên ấy để viết một cái gì về cái làng cậu đang dạy học.

Hai cô bạn gái riu rít trò chuyện, và bước xuống đò. Chiếc đò ngang giắt đầy lá sú, từ từ tách khỏi bãi.

Thù trao bọc sách nhờ Liên giữ, cầm mái chèo một cách thành thạo đưa đò ngược lên ngang cánh bãi "Tàu đằm" rồi thả cho trôi xuống. Xong, cô cúi xuống vốc từng vốc nước vã lên mái tóc, lên mặt. Sang tháng hai, nước sông Kiêu vẫn còn lạnh. Có tiếng chim le le đập cánh trong lùm sú rậm. Tiếng sóng vỗ róc rách bên mạn.

Liên ngăm Thù hồi lâu rồi nói đùa:

- Chú Quang mình bảo cậu ở đây đã lâu, đã thành con gái làng Kiêu rồi. Muốn biết gì cứ hỏi cậu là khắc biết.

Thù đáp:

- Mình biết gì sẽ kể hết cho cậu! Nhưng làm sao biết hết được, mình có phải là "thổ công" đâu?

Cả hai người cùng cười, tiếng cười trong trẻo vang trên mặt sông. Thùy sửa mái tóc, đến ngồi sát bên cạnh Liên, lần bẻ từng ngón tay bạn và thăm phác ra những câu chuyện sẽ đem kể cho Liên nghe. Rồi cô chợt nhớ câu nói đùa của bạn: "Muốn biết gì cứ hỏi cậu là khắc biết". "Ồ, làm sao người ta có thể biết hết được mọi chuyện trong làng như làng Kiêu khi mới ở đây trong khoảng thời gian ba bốn năm. Làm sao mình biết hết được? - Thùy nghĩ - Vì mỗi tấc đất làng Kiêu, mỗi con người quen biết mà mình từng chung sống, từng dạy dỗ con cái họ đều có một cuộc đời gắn liền với lịch sử đất nước đầy thử thách, mỗi người đều mang trong lòng biết bao điều tốt đẹp mà mình có thể học hỏi, có thể khám phá suốt đời không hết để tìm hiểu nhân dân mình".

Con đò ra đến giữa sông. Ngoài dải cồn cát dăm sải nước vẫn là một màu đỏ sậm đất phù sa như màu gạch cua. Ngoài xa tí là biển. Ở chỗ hai dòng nước sắp hòa vào nhau, tiếng sóng bật lên vừa trang nghiêm vừa dịu dàng.

Trời hôm nay sạch quang, không có mù. Hai bờ sông Kiêu mở ra rất rộng, như có bàn tay vô hình mở tung các cánh cửa để con sông nhìn thẳng ra biển.

Tháng 3-1966

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)